BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá 2021 - 2026)

Hưng Yên, tháng 09- 2026

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

(kèm theo Quyết định số: 490/QĐ-ĐHI, ngày 24 tháng 09 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Trần Ái Cầm	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	ThS. Nguyễn Thanh Việt	Chủ tịch HĐT	Ủy viên	
3	TS. Nguyễn Quốc Tư	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
4	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa KT	Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban thư ký	
5	PGS.TS. Đinh Văn Hải	Trưởng ngành Thạc sĩ QTKD	Ủy viên	
6	ThS. Dương Văn Bá	Phó hiệu trưởng - Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Ủy viên	
7	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Ủy viên	
8	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên	
9	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Công tác sinh viên	Ủy viên	
10	CN. Lê Huy Hùng	Phó chánh Văn phòng	Ủy viên	
11	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Ủy viên	

12	TS. Vũ Thị Sao Chi	Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin – Thư viện	Ủy viên	
13	ThS. Mạc Thị Hằng	Phó trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính	Ủy viên	
14	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Phòng Tuyển sinh 1	Ủy viên	
15	TS. Nguyễn Quang Trọng	Giảng viên	Ủy viên	
16	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hải	Giảng viên	Ủy viên	
17	ThS. Hoàng Thị Lý	Trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh	Ủy viên	
18	ThS. Lê Xuân Tiến	Học viên lớp K5QTKD01	Ủy viên	
19	ThS. Nguyễn Trần Khánh Chi	Trợ lý Khoa Kinh tế	Ủy viên	

Danh sách gồm 19 người./.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 10

DANH MỤC BẢNG BIỂU 11

Phần I. KHÁI QUÁT 12

1. Đặt vấn đề 12

2. Tổng quan chung 17

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 29

1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 29

1.1. Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học. 29

1.2. Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan. 31

1.3. Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt. 34

1.4. Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố. 36

1.5. Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài. 37

1.6. Tiêu chí 1.6: [Tiêu chí điều kiện]: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp. 39

2. Tiêu chuẩn 2: cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo 41

2.1. Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. 42

2.2. Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định. 44

2.3. Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài. 46

2.4. Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng. 47

2.5. Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp. 49

2.6. Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân. 50

2.7. Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. 53

3. Tiêu chuẩn 3 hoạt động dạy và học 55

3.1. Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học. 55

3.2. Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. 57

3.3. Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học. 59

3.4. Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. 61

3.5. Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. 62

4. Tiêu chuẩn 4 đánh giá kết quả học tập 65

4.1 Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. 65

4.2. Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán..... 67

4.3. Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán. 68

4.4 Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. 69

4.5. Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo..... 71

4.6. Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập. 73

4.7. Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. 74

5. Tiêu chuẩn 5: đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên..... 76

5.1. Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. 76

5.2. Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc

của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. 78

5.3. Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp. 80

5.4. Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. 81

5.5. Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. 82

5.6. Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện. 83

5.7. Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu. 84

5.8. Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể. 86

6. Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học..... 87

6.1. Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của CTĐT; được công bố công khai và được cập nhật..... 87

6.2. Tiêu chí 6.2 Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan 89

6.3. Tiêu chí 6.3 Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng 91

6.4. Tiêu chí 6.4 Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi

cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập 92

6.5. Tiêu chí 6.5 Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học 94

6.6. Tiêu chí 6.6 Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng 95

7. Tiêu chuẩn 7 cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị 97

7.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng 98

7.2. Tiêu chí 7.2 Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên 100

7.3. Tiêu chí 7.3 Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin – truyền thông 101

7.4. Tiêu chí 7.4 Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính 103

7.5. Tiêu chí 7.5 Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học ... 104

7.6. Tiêu chí 7.6 Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có) 105

7.7. Tiêu chí 7.7 Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan 107

7.8. Tiêu chí 7.8 Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến 108

8. Tiêu chuẩn 8: đầu ra và kết quả đầu ra 110

8.1. Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng. 110

8.2. Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 111

8.3. Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 113

8.4. Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng. 114

8.5. Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng. 116

Phần III. KẾT LUẬN 118

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn). 118

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn). 120

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn). 121

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT 122

Phần IV. PHỤ LỤC 123

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT: Cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT và CTĐT. 124

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan 129

3. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG. 143

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT 159

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Từ ngữ viết nguyên
1	CBGV	Cán bộ, giảng viên
2	CLĐT	Chất lượng đào tạo
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CSGD	Cơ sở giáo dục
5	CSVC	Cơ sở vật chất
6	CTĐT	Chương trình đào tạo
7	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
8	GV	Giảng viên
9	KĐCL	Kiểm định chất lượng
10	LMS	Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System)
11	MC	Minh chứng
12	NCKH	Nghiên cứu khoa học
13	NH	Người học
14	OBE	Giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education)
15	PEO	Mục tiêu giáo dục chương trình (Program Educational Objectives)
16	PLO	Chuẩn đầu ra chương trình (Program Learning Outcomes)
17	PPC	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Program Performance Criteria)
18	QLĐT	Quản lý đào tạo
19	QTKD	Quản trị kinh doanh
20	SV	Sinh viên
21	TC	Tín chỉ
22	TĐG	Tự đánh giá
23	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

TT	Tên bảng	Trang
1	Bảng 2.1.1. Vai trò thông tin của Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần	41
2	Bảng 2.2.1. Các chỉ số về khối lượng học tập của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	44
3	Bảng 2.6.1. Cơ cấu tín chỉ và thành phần CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	51
4	Bảng 5.1. Các căn cứ xác định nhu cầu và cơ cấu đội ngũ tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	77
5	Bảng 5.2. Cơ cấu đội ngũ tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	77
6	Bảng 5.3. Kế hoạch cải tiến và phát huy điểm mạnh về đội ngũ	78
7	Bảng 5.4. Các nội dung và chỉ số theo dõi đội ngũ tham gia CTĐT	79
8	Bảng 6.1.1. Số liệu tuyển sinh và quy mô học viên QTKD	88
9	Bảng 7.1.1. Một số chỉ số cơ sở vật chất cấp cơ sở giáo dục phục vụ đào tạo	98
10	Bảng 7.1.2. Cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ các nhóm hoạt động thực hành của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	99
11	Bảng 7.3.1. Một số kết quả khảo sát thư viện cấp cơ sở giáo dục năm 2026	102
12	Bảng 7.3. Một số chỉ số theo dõi hạ tầng CNTT phục vụ CTĐT	104
13	Bảng 7.4. Các nội dung theo dõi về môi trường, sức khỏe và an toàn	106
14	Bảng 7.5. Nhóm đội ngũ hỗ trợ và nội dung năng lực cần theo dõi	107
15	Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh, thôi học và tốt nghiệp của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	110
16	Bảng 8.2. Kết quả việc làm của người học tốt nghiệp CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	112
17	Bảng 8.3. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố học thuật của Khoa Kinh tế giai đoạn 2021–2026	113

Phần I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Chất lượng đào tạo (CLĐT) là một trong những nhân tố then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của một cơ sở giáo dục (CSGD) đại học. Việc duy trì và cải thiện CLĐT trong xu thế hội nhập trước yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động, phụng sự cộng đồng và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, ngày càng cấp thiết và được các nhà quản lý đặt lên hàng đầu. Trường Đại học Intracom đã nhận thức rõ ý nghĩa, Công tác Tự đánh giá (TĐG) chất lượng giáo dục là công cụ cốt lõi giúp các cơ sở giáo dục đại học đo lường, cải tiến không ngừng, đồng thời là minh chứng thực hiện trách nhiệm giải trình minh bạch với các bên liên quan và toàn xã hội. Đây là tiền đề quan trọng để xây dựng và phát triển một văn hóa chất lượng bền vững bên trong nhà trường.

Trong nhiều năm qua, Trường Đại học Intracom luôn quan tâm đến CLĐT, đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Trường Đại học Intracom thực hiện tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ để đăng ký kiểm định chất lượng (KĐCL) đào tạo. Quá trình TĐG là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng (ĐBCL) đào tạo, qua đó Trường Đại học Intracom có thể nhận diện các điểm mạnh để phát huy, điểm yếu để có kế hoạch hành động khắc phục nhằm đưa hoạt động đào tạo của Trường đạt được mục tiêu đề ra. Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ gồm 04 phần:

Phần I: TỔNG QUAN. Gồm: Đặt vấn đề, Tổng quan chung, Kết quả rà soát việc đáp ứng quy định về chuẩn CTĐT.

Phần II: TĐG THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ. Trình bày về kết quả TĐG CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sỹ theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT ban hành tại Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025.

Phần III: KẾT LUẬN. Gồm: Tóm tắt những điểm mạnh và điểm cần phát huy của CTĐT; Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT; Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng; Tổng hợp kết quả TĐG.

Phần IV: PHỤ LỤC. Gồm: Cơ sở dữ liệu KĐCL CTĐT; Các tư liệu, tài liệu liên quan; Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG; Bảng tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.

Báo cáo TĐG được thực hiện theo đúng quy định hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và đã sử dụng cách mã hóa minh chứng theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**. Trong đó:

- H: viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp n ≥ 10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

- H1.01.01.01: thứ 1 của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;

- H3.03.02.10: MC thứ 10 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3;

- H8.08.02.05: MC thứ 5 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8.

Phụ lục danh mục MC được trình bày theo như bảng dưới đây:

Mã minh chứng	**Tên MC**	**Số, ngày/tháng ban hành**	**Nơi ban hành**	**Ghi chú**

b) Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ TĐG

Mục đích TĐG:

Hoạt động TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh giúp Nhà trường và Khoa Kinh tế tự rà soát, xem xét, phân tích, đánh giá thực trạng của CTĐT. Kết quả TĐG đối với tất cả các lĩnh vực như đội ngũ CBGV; công tác đào tạo và QLĐT; CSVC và trang thiết bị,

thư viện phục vụ người học; NCKH; công tác quản lý tài chính và các vấn đề liên quan khác, giúp Nhà trường và Khoa Kinh tế phát hiện những tồn tại, thiết lập và triển khai kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao CLĐT.

Hoạt động TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh không chỉ là bước chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường Đại học Intracom trong toàn bộ hoạt động ĐT, NCKH, đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng nhằm phục vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường và Khoa Kinh tế

Khoa Kinh tế coi công tác TĐG chất lượng CTĐT là cơ hội tốt để tập thể đội ngũ cán bộ viên chức trong Trường, trong Khoa rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan toàn bộ CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh. Từ đó, xác định được mức độ đáp ứng theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL do Bộ GD&ĐT ban hành và tương quan với các CTĐT khác của quốc gia, khu vực và quốc tế; xác định những hoạt động cần cải tiến, nhằm nâng cao chất lượng của CTĐT góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội và của đất nước.

Quy trình TĐG:

Quy trình TĐG được thực hiện một cách khoa học, nghiêm túc, từ việc quán triệt chủ trương, ý nghĩa và yêu cầu của TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh trong toàn Trường cho tới khâu hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Các bản dự thảo đều có sự tham gia thực hiện và cung cấp MC của các Phòng/Khoa/đơn vị chức năng của Trường và tập thể đội ngũ CBGV, SV, cựu NH, người sử dụng lao động, chuyên gia ngoài trường và được tham khảo ý kiến nội bộ.

Quy trình TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh đã được triển khai theo các bước cụ thể sau:

Bước 1. Xác định mục đích, phạm vi TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh: Giai đoạn TĐG 2021-2026, có thể cập nhật thông tin đến thời điểm khảo sát chính thức của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Bước 2: Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký giúp việc Hội đồng TĐG, các nhóm công tác chuyên trách theo theo QĐ số 490/QĐ-ĐHI ngày 24/9/2026.

- Hội đồng TĐG gồm 19 thành viên.

- Ban Thư ký giúp việc Hội đồng TĐG gồm 11 thành viên.

- Các nhóm công tác chuyên trách (06 nhóm).

Bước 3. Lập kế hoạch TĐG

Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch TĐG nhằm sử dụng có hiệu quả thời gian, nguồn lực và đã được Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom thông qua Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026.

Bước 4. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Căn cứ vào Mẫu Phiếu phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC (Mẫu 03) Phiếu TĐG tiêu chí đối với CTĐT (Mẫu 04) thuộc Phụ lục I, Thông tư số 04/2025/TTBGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ GD&ĐT, các nhóm công tác chuyên trách tiến hành thu thập thông tin và minh chứng.

Bước 5. Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được

Bước 6. Viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo TĐG

Bước 7. Hoàn thiện báo cáo TĐG

Bước 8. Công bố báo cáo TĐG trong toàn trường để tiếp nhận ý kiến đóng góp

Bước 9. Tiếp thu ý kiến đóng góp, chỉnh sửa và ban hành báo cáo TĐG

Bươc 10. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG.

Phương pháp TĐG:

Trường Đại học Intracom và Khoa Kinh tế sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu, phân tích trong quá trình TĐG. Theo đó, đối với mỗi tiêu chí của tiêu chuẩn, các nhóm công tác chuyên trách tiến hành các công việc cụ thể sau:

Mô tả và phân tích các hoạt động của CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh liên quan đến nội hàm của từng tiêu chí.

So sánh với mặt bằng chung, với chính các hoạt động của Khoa Kinh tế và các đơn vị chức năng trong những năm trước hoặc với các quy định của Nhà nước và của Nhà trường để thấy được hiện trạng của Khoa và Trường.

Bám sát nội hàm của tiêu chí, đặc biệt là mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu, đưa ra những nhận định về điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy, chỉ ra những tồn tại, giải thích nguyên nhân.

Xác định những vấn đề cần cải tiến và đề ra những biện pháp/kế hoạch hành động để cải tiến những vấn đề được phát hiện trong quá trình TĐG.

TĐG mức độ đáp ứng theo mốc chuẩn của từng tiêu chí.

Công cụ TĐG:

Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sỹ và Ban thư ký cùng các nhóm công tác chuyên trách đã sử dụng công cụ là văn bản do Bộ GD&ĐT và Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ GD&ĐT ban hành, cụ thể là: Quy định về KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 17/02/2025. Trong đó, bao gồm các biểu mẫu liên quan tại Phụ lục I và Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT tại Phụ lục 2.

Phạm vi TĐG:

Triển khai TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh với sự tham gia của các bên liên quan như: các đơn vị chức năng của Trường Đại học Intracom, đội ngũ nhân sự (bao gồm cả chuyên gia thỉnh giảng ngoài trường) làm việc tại Khoa Kinh tế, người học đang theo học CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Intracom, cựu người học đã tốt nghiệp trình độ thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh trong giai đoạn 2021-2026, nhà sử dụng lao động với nhân sự là cựu người học trình độ thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo TĐG chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT do Nhà trường tổ chức, Khoa Kinh tế đã lập kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh, tiến hành họp Trưởng các nhóm công tác chuyên trách để phổ biến kế hoạch và phân công công việc. Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Quá trình viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa Kinh tế, và các đơn vị chức năng.

2. Tổng quan chung

a) Khái quát về Trường Đại học Intracom

Trường Đại học Intracom là cơ sở giáo dục đại học phát triển theo định hướng đa ngành, ứng dụng, đổi mới sáng tạo và gắn kết doanh nghiệp. Trong giai đoạn phát triển mới, Nhà trường tập trung đồng thời vào nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, phục vụ cộng đồng, chuyển đổi số và quốc tế hóa; từng bước hình thành hệ sinh thái giáo dục gắn với thực tiễn và nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, người học và xã hội.

Quá trình hình thành và phát triển

Trường Đại học Intracom có tiền thân là Trường Đại học Chu Văn An, được thành lập theo Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường từng bước hình thành nền tảng đào tạo đa ngành, gắn đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thực tiễn nghề nghiệp. Năm 2025 là dấu mốc chuyển đổi quan trọng khi Tập đoàn Intracom trở thành nhà đầu tư chiến lược của Nhà trường và ngày 05/11/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định đổi tên Trường Đại học Chu Văn An thành Trường Đại học Intracom. Từ đó, Nhà trường bước vào giai đoạn phát triển mới với định hướng xây dựng mô hình đại học gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng và phục vụ cộng đồng. Ngày 08/6/2026, Nhà trường tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập và công bố định hướng phát triển mới.

Tầm nhìn, sứ mạng và định hướng chiến lược phát triển

Tầm nhìn: Đến năm 2045, Trường Đại học Intracom trở thành hệ thống đô thị đại học thông minh, đa khuôn viên tại Việt Nam và trong khu vực; biểu tượng của mô hình đại học đổi mới sáng tạo gắn kết doanh nghiệp; kiến tạo nguồn lực và động lực vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững của quốc gia.

Sứ mạng: Trường Đại học Intracom là hạt nhân tri thức của hệ sinh thái Intracom, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ doanh nghiệp, phụng sự tiến bộ xã hội, góp phần nâng tầm vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Giá trị cốt lõi

IN – Innovation | Đổi mới sáng tạo vì giá trị thực

TRA – Transformation | Chuyển đổi để thích ứng và phát triển

COM – Community of Co-Creation | Thành công cùng hệ sinh thái

Triết lý giáo dục: Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn

Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Nhà trường định hướng theo kiến trúc 1–3–4–1, gồm một mục tiêu chiến lược xuyên suốt là phát triển đại học đổi mới sáng tạo, gắn doanh nghiệp và thực tiễn; ba phân khúc đào tạo gồm đại chúng có chất lượng, Co-op gắn doanh nghiệp và đào tạo tinh hoa; bốn trụ cột gồm đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phục vụ cộng đồng và phát triển bền vững; cùng một nền tảng hạ tầng số và quản trị dữ liệu thống nhất. Các định hướng này được triển khai đồng thời với phát triển đội ngũ, chuẩn hóa chương trình đào tạo, tăng cường bảo đảm chất lượng, đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng hệ sinh thái doanh nghiệp và đẩy mạnh quốc tế hóa.

Bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục

Bảo đảm chất lượng là một trong những nền tảng quan trọng trong quá trình phát triển của Trường Đại học Intracom. Nhà trường từng bước hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, gắn hoạt động bảo đảm chất lượng với quản trị nhà trường, phát triển chương trình đào tạo, quản lý đội ngũ, hỗ trợ người học, nghiên cứu khoa học và cải tiến liên tục. Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục. Kết quả kiểm định là cơ sở để Nhà trường tiếp tục thực hiện các khuyến nghị cải tiến, tăng cường quản trị dựa trên dữ liệu, chuẩn hóa quy trình và hồ sơ chất lượng, nâng cao hiệu quả đo lường kết quả đào tạo và mức độ đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Nhà trường triển khai tự đánh giá và cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo, trong đó có Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Minh chứng: Hồ sơ tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục của Trường; Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục; các báo cáo và kế hoạch cải tiến chất lượng của Nhà trường.

Một số kết quả hoạt động đào tạo

Trường Đại học Intracom tổ chức đào tạo đa ngành trong các lĩnh vực kinh tế, quản trị, công nghệ, kỹ thuật, luật, ngoại ngữ, kiến trúc – xây dựng, du lịch và sức khỏe. Hệ thống đơn vị học thuật gồm các khoa Luật, Công nghệ, Kinh tế, Ngoại ngữ, Y – Dược, Kiến trúc – Xây dựng cùng các viện, bộ môn và trung tâm hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ người học. Năm 2026, Nhà trường tổ chức tuyển sinh 45 chương trình/chuyên ngành thuộc 18 ngành đào tạo; tại thời điểm kỷ niệm 20 năm, Nhà trường có 09 ngành đào tạo trình độ đại học và 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Quy mô và cơ cấu ngành đào tạo tiếp tục được rà soát, điều chỉnh theo định hướng phát triển của Nhà trường và nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp, xã hội.

Hoạt động đào tạo được định hướng theo chuẩn đầu ra, tăng cường tính ứng dụng, trải nghiệm doanh nghiệp, học tập theo dự án, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo và năng lực hội nhập. Ở bậc sau đại học, Nhà trường chú trọng kết hợp phát triển chuyên môn, tư duy khoa học và khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn. Khoa Kinh tế phụ trách các lĩnh vực quản trị, kinh doanh, tài chính, kế toán và các lĩnh vực liên quan, tạo nền tảng học thuật trực tiếp cho Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phục vụ cộng đồng

Nhà trường xác định nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo là các trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển. Hoạt động nghiên cứu được định hướng tạo ra tri thức, dữ liệu và giải pháp có khả năng ứng dụng, gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, địa phương và xã hội. Nhà trường từng bước phát triển các nhóm nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu ứng dụng, không gian đổi mới sáng tạo và các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp; đồng thời thúc đẩy nghiên cứu gắn với ứng dụng, sở hữu trí tuệ, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và khởi nghiệp.

Nhà trường triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, hoạt động công bố khoa học, hội thảo và hợp tác nghiên cứu với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan. Hoạt động phục vụ cộng đồng được triển khai thông qua hướng nghiệp, hỗ trợ người học, hoạt động thiện nguyện, kết nối tri thức với cộng đồng và hợp tác giải quyết các vấn đề thực tiễn, gắn với mục tiêu phát triển bền vững và phụng sự tiến bộ xã hội.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên và chuyên gia

Đội ngũ cán bộ, giảng viên và chuyên gia là một trong những nền tảng được Nhà trường ưu tiên phát triển. Hiện Nhà trường có trên 500 giảng viên và chuyên gia; đồng thời tiếp tục tuyển dụng, thu hút giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và chuyên gia thực tiễn trong các lĩnh vực đào tạo. Định hướng phát triển đội ngũ tập trung vào nâng cao năng lực chuyên môn, sư phạm, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế; tăng cường sự tham gia của chuyên gia doanh nghiệp và nhà khoa học trong đào tạo, nghiên cứu, hướng dẫn dự án và kết nối nghề nghiệp. Đối với các chương trình sau đại học, Nhà trường chú trọng đội ngũ có chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm nghiên cứu và thực tiễn quản trị.

Cơ sở vật chất, hạ tầng số và người học

Nhà trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, phục vụ đào tạo, thực hành, nghiên cứu và sinh hoạt học thuật. Cơ sở hiện có tổng diện tích trên 30.000 m², hơn 40 phòng học nhóm, 56 phòng thực hành chuyên môn, thư viện và khu tự học trên 2.000 m², 112 giảng đường, 18 phòng chức năng và các khu dịch vụ – sinh hoạt phục vụ người học. Nhà trường đồng thời phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng, máy chủ, hệ thống quản lý học tập, các nền tảng học tập số, thư viện điện tử và công cụ hỗ trợ quản trị.

Người học được hỗ trợ thông qua hệ thống quản lý đào tạo, cố vấn học tập, thư viện và học liệu, hướng nghiệp – việc làm, kết nối doanh nghiệp, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường định hướng lấy người học làm trung tâm, tăng cường theo dõi quá trình học tập, trải nghiệm và kết quả đầu ra.

Quốc tế hóa và hợp tác quốc tế

Quốc tế hóa là một định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Intracom. Viện Hợp tác Quốc tế là đầu mối phát triển quan hệ với các trường đại học, tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp và các đối tác quốc tế; phối hợp với các đơn vị trong Trường triển khai các hoạt động hợp tác phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2026, Nhà trường mở rộng hợp tác với các đối tác tại Hàn Quốc, Trung Quốc, Hy Lạp, Nhật Bản và các quốc gia, khu vực khác; triển khai các hoạt động liên kết đào tạo, trao đổi học thuật, hội thảo và nghiên cứu chung, cơ hội học tập – thực tập – việc làm quốc tế và nâng cao năng lực ngoại ngữ. Tháng 7/2026, Nhà trường ký

hợp tác chiến lược với EMI LanguageCert để phát triển môi trường khảo thí tiếng Anh theo chuẩn quốc tế tại Việt Nam.

Khái quát nền tảng phát triển phục vụ Báo cáo tự đánh giá

Từ nền tảng 20 năm phát triển, Trường Đại học Intracom đang bước vào giai đoạn chuyển đổi với định hướng rõ hơn về mô hình đại học gắn doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Các nền tảng hiện có gồm hệ thống khoa – viện đa ngành, đào tạo từ đại học đến sau đại học, đội ngũ giảng viên và chuyên gia, cơ sở vật chất và hạ tầng số, hệ sinh thái doanh nghiệp Intracom, hoạt động nghiên cứu – đổi mới sáng tạo, hệ thống bảo đảm chất lượng và mạng lưới hợp tác quốc tế. Đối với Báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, các kết quả ở cấp cơ sở giáo dục là bối cảnh và nền tảng để xem xét mức độ phù hợp của chương trình với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển của Nhà trường; các kết luận về chương trình được đối chiếu với minh chứng và dữ liệu trực tiếp của CTĐT.

b) Khái quát về Khoa Kinh tế

Khoa Kinh tế, tiền thân là Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh trực thuộc Trường Đại học Chu Văn An, được thành lập theo Quyết định số 74/QĐ-ĐH CVA-HCTH ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An. Trải qua quá trình 20 năm xây dựng, phát triển và cùng Nhà trường thực hiện quá trình tái định vị thương hiệu thành Trường Đại học Intracom, Khoa Kinh tế từng bước khẳng định vai trò là đơn vị học thuật nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực Kinh tế, Quản trị, Tài chính và Kế toán. Quá trình phát triển của Khoa gắn với yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo, đa dạng hóa ngành và chuyên ngành, tăng cường tính ứng dụng của chương trình, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và kết nối với doanh nghiệp, xã hội.

Lịch sử hình thành và phát triển

Với nền tảng phát triển từ năm 2006, hệ thống ngành đào tạo đa dạng, kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học đã được hình thành, Khoa Kinh tế định hướng phát triển theo mô hình đơn vị học thuật gắn đào tạo với nghiên cứu, doanh nghiệp và cộng đồng. Khoa tiếp tục theo đuổi các giá trị cốt lõi gồm Đổi mới sáng tạo – Kết nối doanh nghiệp – Chuyên nghiệp – Phụng sự cộng đồng; phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo kinh tế ứng dụng có uy tín, mở rộng mạng lưới giáo dục và nghiên cứu gắn với cộng đồng doanh nghiệp trong

và ngoài nước. Các định hướng này nhằm tạo sự liên kết thống nhất giữa phát triển chương trình, nâng cao chất lượng đội ngũ, nghiên cứu khoa học, phát triển người học, hợp tác doanh nghiệp, phục vụ cộng đồng và quốc tế hóa.

Cơ cấu tổ chức và các ngành, chuyên ngành đang đào tạo

Để đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên môn và chuẩn hóa hoạt động đào tạo, Khoa Kinh tế được tổ chức với 04 Tổ bộ môn gồm: Tổ bộ môn Quản lý kinh tế, Tổ bộ môn Tài chính - Ngân hàng, Tổ bộ môn Kế toán và Tổ bộ môn Quản trị kinh doanh. Bộ máy quản trị của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa, Hội đồng Khoa, các Bộ môn chuyên môn, đội ngũ Trợ lý Khoa, cán bộ quản lý đào tạo, giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng đạt chuẩn. Cơ cấu này tạo điều kiện phân công chuyên môn theo lĩnh vực, đồng thời bảo đảm sự phối hợp giữa quản lý đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý người học và hoạt động hợp tác.

Hiện nay, Khoa Kinh tế đang tổ chức đào tạo 03 ngành trình độ đại học gồm Kế toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính – Ngân hàng, với 16 chuyên ngành chuyên sâu được phát triển theo định hướng ứng dụng; trong đó có các hướng chuyên sâu như Kế toán bệnh viện, Kế toán xây dựng, Quản trị truyền thông marketing, Quản trị bệnh viện, Tài chính quốc tế và Tài chính doanh nghiệp. Ở trình độ thạc sĩ, Khoa đang đào tạo 02 ngành là Quản trị kinh doanh và Quản lý kinh tế. Việc duy trì hệ thống đào tạo từ đại học đến sau đại học tạo nền tảng để Khoa phát triển liên thông về chuyên môn, đội ngũ, nghiên cứu và hoạt động học thuật.

Kết quả và định hướng trong đào tạo

Về quy mô và kết quả đào tạo, tính đến tháng 6/2026, Khoa Kinh tế đã đào tạo và cung cấp cho thị trường lao động gần 7.000 cử nhân thuộc các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính – Ngân hàng, cùng gần 600 thạc sĩ thuộc các ngành Quản trị kinh doanh và Quản lý kinh tế. Khối ngành Kinh tế có quy mô chiếm xấp xỉ 31,5% tổng quy mô sinh viên toàn Trường, qua đó thể hiện vai trò quan trọng của Khoa trong hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Trong giai đoạn phát triển tiếp theo, Khoa định hướng tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội và yêu cầu của thị trường lao động; tăng cường gắn lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp và môi trường doanh nghiệp; phát triển các nội dung liên quan đến chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị hiện đại và phát triển bền vững; đồng thời

tăng cường triển khai đào tạo theo định hướng chuẩn đầu ra (OBE). Khoa tiếp tục rà soát chương trình, kế hoạch giảng dạy, đề cương học phần, giáo trình và tài liệu tham khảo; đa dạng hóa phương pháp dạy học và đánh giá; tăng cường trải nghiệm thực tế, tư vấn nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học.

Kết quả và định hướng trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo

Hoạt động nghiên cứu khoa học được Khoa xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, gắn với nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Trong giai đoạn 2021–2026, Khoa đã chủ trì và nghiệm thu 14 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, gồm 03 đề tài cấp Bộ và 11 đề tài cấp Trường; công bố 52 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành, trong đó có 08 bài báo quốc tế thuộc danh mục WoS/Scopus và 44 bài báo trong nước có chỉ số ISSN; xuất bản 28 bài tham luận tại các hội thảo khoa học, gồm 10 bài hội thảo quốc tế và 18 bài hội thảo trong nước; đồng thời xuất bản 13 đầu sách gồm sách chuyên khảo và giáo trình phục vụ nghiên cứu, giảng dạy.

Trên nền tảng kết quả nghiên cứu đã đạt được, Khoa định hướng đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, khuyến khích giảng viên và người học tham gia các đề tài, hội thảo và hoạt động học thuật; tăng cường gắn nghiên cứu với nhu cầu của doanh nghiệp, cơ quan quản lý và cộng đồng; thúc đẩy chuyển giao kết quả nghiên cứu vào hoạt động đào tạo và thực tiễn. Khoa tiếp tục tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên đề và hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên; khuyến khích nghiên cứu liên ngành, đổi mới sáng tạo và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào phát triển chương trình, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và giải quyết các vấn đề kinh tế – quản trị thực tiễn.

Người học và phục vụ cộng đồng

Khoa Kinh tế xác định người học là một trong những đối tượng trung tâm của hoạt động đào tạo và phát triển. Khoa thực hiện quản lý người học theo phân cấp, phối hợp với các phòng, ban và trung tâm của Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; tư vấn học tập, hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm. Bên cạnh hoạt động đào tạo chính khóa, Khoa tổ chức các hoạt động học thuật, hội thảo, tọa đàm chuyên đề và nghiên cứu khoa học sinh viên, tạo điều kiện để người học phát triển năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tư duy nghiên cứu và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Trong thời gian tới, Khoa định hướng tăng cường các hoạt động hỗ trợ người học theo hướng phát triển toàn diện năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực đổi

mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội; mở rộng kết nối với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội để tạo thêm cơ hội thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp, việc làm và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu và hợp tác của Khoa tiếp tục được định hướng gắn với nhu cầu thực tiễn, góp phần tạo ra giá trị cho người học, doanh nghiệp và xã hội.

Quốc tế hóa và hợp tác

Quốc tế hóa được Khoa định hướng gắn với quá trình hội nhập của Nhà trường, phát triển chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Khoa phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc khai thác các dự án hợp tác quốc tế, tổ chức và tham gia các hoạt động học thuật có yếu tố quốc tế, đồng thời từng bước mở rộng kết nối với các đối tác bên ngoài. Kết quả nghiên cứu của Khoa trong giai đoạn 2021–2026 cũng đã có sự hiện diện ở các công bố và hội thảo quốc tế, trong đó có 08 bài báo quốc tế thuộc danh mục WoS/Scopus và 10 bài tham luận hội thảo quốc tế có chỉ số ISBN.

Trong giai đoạn tới, Khoa định hướng tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển học thuật; mở rộng đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước; tăng cường các hoạt động trao đổi học thuật, hội thảo, nghiên cứu chung và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn. Đồng thời, Khoa từng bước nâng cao năng lực hội nhập cho giảng viên và người học, cập nhật chương trình theo xu hướng quốc tế và tăng cường khả năng kết nối giữa đào tạo – nghiên cứu – doanh nghiệp trong môi trường hội nhập.

c) Khái quát về CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Intracom (tiền thân là Trường Đại học Chu Văn An) hàng năm đều được xem xét, bổ sung và hoàn thiện.

Năm 2012–2013, Trường Đại học Chu Văn An đã xây dựng Đề án xin mở ngành đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 438/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 02 năm 2013 cho phép thực hiện đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (mã số: 60.34.01.02, nay là mã ngành 8340101). Trên cơ sở Đề án xin mở ngành đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, Ban Chủ nhiệm Khoa Kinh tế đã làm tờ trình xin Nhà trường cho ban hành chương trình đào tạo thạc sĩ

Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng đã có trong đề án để triển khai thực hiện công tác đào tạo cho các khóa thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Hiệu trưởng Nhà trường đã ra quyết định ban hành kèm theo chương trình đào tạo để triển khai thực hiện.

Năm 2023, Khoa Kinh tế đã thảo luận, tìm hiểu nhu cầu xã hội, nhu cầu người học, báo cáo Nhà trường xin chủ trương hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng ngành Quản trị kinh doanh và được sự nhất trí. Khoa đã thành lập Hội đồng chuyên môn hoàn thiện chương trình gồm toàn bộ giảng viên chuyên môn cơ hữu và chuyên gia của Khoa tham gia xây dựng, hoàn thiện chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng. Khoa đã tổ chức thực hiện biên soạn chương trình theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo sự chỉ đạo của Trường. Chương trình được ban hành theo Quyết định số 114/QĐ-ĐHCVA ngày 16 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An.

Năm học 2025–2026, sau thời gian triển khai chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng ban hành kèm theo Quyết định số 114/QĐ-ĐHCVA. Chương trình về cơ bản đã đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra và đặc biệt đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ, nhà quản trị trình độ thạc sĩ ứng dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội tại các tổ chức, doanh nghiệp.

Mặt khác, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT "Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học", Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT "Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ" và đặc biệt là Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 "Quy định kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học".

Qua triển khai thực hiện chương trình, tham khảo ý kiến của học viên, cựu học viên, tham khảo ý kiến của các giảng viên và nhà tuyển dụng, tham khảo 02 chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng của các trường đại học ở trong nước (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội) và 01 chương trình đào tạo Master of Business Administration (MBA) của trường đại học ở nước ngoài (Universiti Malaya - Malaysia), nghiên cứu các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kinh tế đã họp (Biên bản số 01/BB-HĐKHĐTKKT ngày 28/05/2026), thảo luận và thấy cần thiết phải rà soát, điều chỉnh một

số nội dung của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng phiên bản 2023 cho phù hợp hơn với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với những quy định trong các Thông tư Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cụ thể:

- Viết lại phần mục tiêu đào tạo (PEOs) và chuẩn đầu ra (PLOs) của chương trình cho phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg), Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT và bộ tiêu chí kiểm định theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chuẩn hóa và nâng cao điều kiện trình độ ngoại ngữ đầu ra ở Bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) hoặc tương đương theo quy định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT.

- Điều chỉnh cơ cấu khối lượng tín chỉ khối tốt nghiệp cho phù hợp với định hướng ứng dụng: Tăng "Đề án tốt nghiệp" từ 06 tín chỉ lên 09 tín chỉ nhằm nâng cao yêu cầu nghiên cứu ứng dụng độc lập, chiều sâu học thuật và năng lực giải quyết bài toán quản trị thực tiễn; đồng thời giảm "Chuyên đề thực tập thực tế" từ 06 tín chỉ xuống 03 tín chỉ để tái cấu trúc khối tốt nghiệp tinh gọn, tránh trùng lặp nội dung với đề án.

- Điều chỉnh, thay thế và đổi tên một số học phần trong khung chương trình nhằm tăng cường năng lực ứng dụng, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo:

+ Khối học phần chung & ngành: Thay thế học phần "Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng" (03 TC) bằng học phần "Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý" (03 TC); thay thế học phần "Phương pháp nghiên cứu khoa học" (03 TC) bằng học phần "Phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định" (03 TC); thay thế học phần "Kỹ năng giao tiếp và đàm phán" (02 TC) bằng học phần "Kỹ năng tư vấn chiến lược kinh doanh" (02 TC); thay thế học phần "Quản trị doanh nghiệp nâng cao" (03 TC) bằng học phần "Quản trị doanh nghiệp khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo" (03 TC); chuẩn hóa tên gọi học phần "Triết học nâng cao" thành "Triết học" (04 TC).

+ Khối học phần chuyên ngành: Thay thế học phần "Quản trị sản xuất nâng cao" (02 TC) bằng học phần "Quản trị truyền thông số và xử lý khủng hoảng" (02 TC); đổi tên học phần "Văn hóa doanh nghiệp" (02 TC) thành học phần "Văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp" (02 TC).

- Tinh giản danh mục học phần bổ sung kiến thức từ 09 học phần (21 tín chỉ) xuống còn 06 học phần (18 tín chỉ), chuẩn hóa mỗi học phần 03 tín chỉ (Quản trị học, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Marketing căn bản, Quản trị tài chính, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị rủi ro); loại bỏ các môn lý thuyết thuần túy (Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Tài chính công) để tập trung vào kiến thức nền tảng quản trị thực tiễn cho người học trái ngành.

- Tăng tỷ lệ thời lượng thực hành, thảo luận tình huống, bài tập dự án từ 25% lên khoảng 50% tổng thời lượng giảng dạy của toàn chương trình.

- Viết lại và cập nhật toàn bộ các đề cương chi tiết học phần của chương trình theo hướng dẫn của kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và ma trận đóng góp chuẩn đầu ra (OBE).

Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kinh tế, Ban xây dựng chương trình đã làm tờ trình lên Ban Giám hiệu và Hội đồng Trường cho ý kiến và đã được sự đồng ý để Khoa thực hiện điều chỉnh Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng theo đúng quy định hiện hành nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Chương trình đã được Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom ký ban hành kèm theo Quyết định số 298/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026 áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng năm 2026 được xây dựng theo mẫu chung của Trường bao gồm:

1. Mục tiêu: (i) Mục tiêu chung; (ii) Mục tiêu cụ thể: 03 mục tiêu (PEO1, PEO2, PEO3).

2. Chuẩn đầu ra: Kiến thức chuyên môn (PLO1 - PLO3); Kỹ năng (PLO4 - PLO6); Mức tự chủ và trách nhiệm (PLO7 - PLO8); Cơ hội nghề nghiệp.

3. Đối tượng, yêu cầu đối với người dự tuyển.

4. Ngành phù hợp và môn học bổ sung kiến thức (Nhóm ngành phù hợp 1 học bổ sung 09 tín chỉ; Nhóm ngành phù hợp 2 học bổ sung 18 tín chỉ).

5. Điều kiện bảo vệ đề án và tốt nghiệp.

6. Chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian đào tạo toàn khóa: 1,5 – 2,0 năm.

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

Bảng Các khối kiến thức và tín chỉ:

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành	Tỷ lệ giờ lý thuyết/ thực hành
		Bắt buộc	Tự chọn	Tổng			
I	Kiến thức giáo dục đại cương	4	3	7	115	65	
II	Kiến thức ngành	13		13	170	50	
III	Kiến thức chuyên ngành	22	6	28	390	240	
IV	Thực tập thực tế và tốt nghiệp	12		12	0	360	
	TỔNG CỘNG	**51**	**9**	**60**	**675**	**715**	**0,94**

CTĐT năm 2026 gồm 24 học phần, tổng cộng 60 tín chỉ, trong đó 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn. Chuyên đề thực tập thực tế được điều chỉnh còn 3 tín chỉ và Đề án tốt nghiệp tăng lên 9 tín chỉ. Chương trình xác định 03 mục tiêu giáo dục (PEO) và 08 chuẩn đầu ra (PLO), được triển khai xuống các chỉ báo năng lực thành phần và các học phần thông qua ma trận I/P/M.

d) Bối cảnh và những thay đổi chủ yếu của CTĐT năm 2026

Việc cập nhật CTĐT năm 2026 kế thừa chương trình trước đó và tập trung tăng cường tính ứng dụng, khả năng phân tích và ra quyết định, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị dữ liệu, quản trị rủi ro, chuỗi cung ứng và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Một số điều chỉnh về cấu trúc học tập được thực hiện trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các bên liên quan và kết quả thẩm định.

e) Khái quát quá trình tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá được tổ chức theo các nhóm tiêu chuẩn, phân công rà soát hồ sơ, đối chiếu nội hàm tiêu chí, tổng hợp minh chứng và xây dựng báo cáo. Những nội dung cần bổ sung hoặc xác nhận bằng hồ sơ gốc được đánh dấu trong báo cáo để kiểm soát trước khi phát hành.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1 tập trung đánh giá mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; mức độ phù hợp và gắn kết của mục tiêu, mục tiêu giáo dục (PEO) và chuẩn đầu ra (PLO) với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và định hướng chiến lược của Trường Đại học Intracom (INU); mức độ tương thích của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 7; sự liên kết giữa PLO với chuẩn đầu ra học phần; mức độ phản ánh yêu cầu của các bên liên quan và việc đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra.

1.1. Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.

a) Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom xác định sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; kiến tạo tri thức và giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ cộng đồng và doanh nghiệp; đóng góp cho phát triển kinh tế – xã hội. Tầm nhìn đến năm 2045 hướng tới xây dựng hệ thống đại học thông minh, đa khuôn viên tại Việt Nam và trong khu vực; phát triển mô hình đại học đổi mới sáng tạo gắn kết doanh nghiệp; kiến tạo nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh, bền vững của quốc gia. Định hướng này được triển khai theo tinh thần đào tạo ứng dụng, gắn kết doanh nghiệp, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và tạo giá trị cho xã hội. [H1.01.01.01]; [H1.01.01.02]; [H1.01.01.03]

Trên cơ sở định hướng của Trường, CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026 được xác định là chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, định hướng ứng dụng, nhằm hình thành năng lực quản trị chuyên sâu, khả năng phân tích, ra quyết định và giải quyết các vấn đề quản trị trong bối cảnh hội nhập kinh tế, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. [H1.01.01.04]

Mục tiêu giáo dục của MBA được cụ thể hóa thành ba mục tiêu PEO1–PEO3. PEO1 tập trung vào vận dụng tư duy quản trị hiện đại để hoạch định, tổ chức thực thi và kiểm soát chiến lược, phát hiện cơ hội và dẫn dắt thay đổi; PEO2 tập trung vào tối ưu hóa vận hành tổ chức thông qua các dự án kinh doanh ứng dụng, phân tích dữ liệu, công nghệ số và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề quản trị phức tạp; PEO3 tập trung vào năng lực

lãnh đạo, tinh thần khởi nghiệp, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, học tập suốt đời và phát triển chuyên môn. [H1.01.01.05]; [H1.01.01.03]

Kết quả đối sánh cho thấy PEO1 liên kết trực tiếp với định hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo theo hướng ứng dụng, gắn kết doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo và thích ứng với thay đổi; PEO2 liên kết với định hướng đại học thông minh, chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; PEO3 liên kết với định hướng phát triển con người toàn diện, phụng sự cộng đồng, trách nhiệm xã hội, phát triển bền vững và học tập suốt đời. Qua đó, các định hướng cấp Trường được chuyển hóa thành những năng lực nghề nghiệp kỳ vọng của người học MBA. [H1.01.01.06]

Mục tiêu giáo dục được liên kết với 08 PLO thông qua ma trận PEO–PLO, tạo sự thống nhất giữa định hướng cấp Trường, mục tiêu CTĐT, năng lực người học cần đạt khi tốt nghiệp và năng lực nghề nghiệp kỳ vọng sau 3–5 năm. Quá trình hoàn thiện CTĐT năm 2026 đồng thời chú trọng tăng tính ứng dụng, năng lực dữ liệu và công nghệ số, đổi mới sáng tạo, giải quyết vấn đề thực tiễn và trách nhiệm xã hội. [H1.01.01.05]; [H1.01.01.07]; [H1.01.01.08]

b) Điểm mạnh

- Mục tiêu và PEO của CTĐT được xác định rõ, thể hiện định hướng ứng dụng và gắn kết trực tiếp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và các định hướng chiến lược của INU.

- PEO1–PEO3 chuyển hóa tương đối rõ các định hướng về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết doanh nghiệp, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trách nhiệm xã hội và học tập suốt đời thành năng lực nghề nghiệp kỳ vọng.

- Có ma trận PEO–PLO làm cơ sở liên kết mục tiêu giáo dục với chuẩn đầu ra.

c) Điểm tồn tại

Việc lượng hóa mức độ gắn kết giữa một số PEO với các mục tiêu/chỉ tiêu chiến lược cụ thể của INU và theo dõi kết quả đạt PEO theo thời gian cần tiếp tục được hoàn thiện.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành

1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung, cập nhật đối sánh PEO với các định hướng, mục tiêu và chỉ tiêu chiến lược có liên quan của INU; từng bước lượng hóa mối liên hệ và theo dõi kết quả đạt PEO.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2026–2027; theo chu kỳ rà soát CTĐT
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cơ chế đối sánh mục tiêu – PEO – PLO với định hướng phát triển của INU và sử dụng kết quả đối sánh trong rà soát, cập nhật CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Hằng năm / theo chu kỳ CTĐT

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

1.2. Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026 xác định 08 chuẩn đầu ra PLO1–PLO8, được phân thành ba nhóm: kiến thức (PLO1–PLO3), kỹ năng (PLO4–PLO6), và tự chủ và trách nhiệm (PLO7–PLO8). Các PLO tập trung vào phương pháp luận và tư duy logic, pháp luật kinh tế, quản trị kinh doanh hiện đại, chiến lược và chính sách quản trị, phân tích dữ liệu và ngoại ngữ, tổ chức nhóm và giải quyết xung đột, thiết kế đề án/dự án kinh doanh ứng dụng, đạo đức – trách nhiệm xã hội và học tập suốt đời, thích ứng với biến động thị trường. [H1.01.01.05]; [H1.01.02.01]

Hệ thống PLO được cụ thể hóa thành 16 thành phần năng lực (PPC) và liên kết với PEO trong ma trận PEO–PLO. Các PLO được diễn đạt bằng động từ hành động, tạo cơ sở triển khai xuống chuẩn đầu ra học phần và lựa chọn phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá. [H1.01.01.05]; [H1.01.01.07]; [H1.01.02.02]

Bảng dưới đây thể hiện hệ thống PLO, mức nhận thức chủ đạo và cách thức cụ thể hóa để phục vụ đo lường.

PLO	Phát biểu chuẩn đầu ra	Mức nhận thức chủ đạo theo Bloom	Biểu hiện theo nguyên tắc SMART
PLO1	Vận dụng phương pháp luận triết học, tư duy logic và quy định pháp luật kinh tế để nhận diện xu hướng và phân tích rủi ro pháp lý.	Vận dụng (Apply)	Xác định rõ phương pháp và bối cảnh; có thể đánh giá qua CLO, bài tập/tình huống và các học phần liên quan.
PLO2	Phân tích sự vận hành của các mô hình, học thuyết quản trị kinh doanh hiện đại trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.	Phân tích (Analyze)	Xác định rõ đối tượng và bối cảnh phân tích; đánh giá qua bài phân tích, tình huống và CLO liên quan.
PLO3	Xây dựng các chiến lược và chính sách quản trị chức năng chuyên sâu nhằm tối ưu hóa nguồn lực doanh nghiệp.	Sáng tạo/Thiết kế (Create)	Sản phẩm đầu ra là chiến lược/chính sách quản trị; đánh giá qua sản phẩm thiết kế và CLO.
PLO4	Sử dụng ngoại ngữ và các công cụ phân tích dữ liệu trong nghiên cứu và hỗ trợ quyết định quản trị.	Vận dụng (Apply)	Xác định rõ công cụ và nhiệm vụ; đánh giá qua sản phẩm phân tích dữ liệu, nghiên cứu và CLO.
PLO5	Tổ chức hoạt động nhóm và điều phối giải quyết các xung đột trong môi trường doanh nghiệp phức tạp.	Vận dụng/Thực hiện (Apply)	Thể hiện qua hoạt động nhóm, xử lý tình huống và sản phẩm phối hợp; đánh giá theo tiêu chí/rubric phù hợp.
PLO6	Thiết kế các đề án, dự án kinh doanh mang tính ứng dụng để giải quyết bài toán thực tiễn của doanh nghiệp.	Sáng tạo/Thiết kế (Create)	Sản phẩm đầu ra là đề án/dự án ứng dụng; đánh giá bằng sản phẩm, báo cáo và bảo vệ.
PLO7	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tính liêm chính và thực hiện trách nhiệm xã hội trong điều hành doanh nghiệp.	Vận dụng/Thực hành (Apply)	Đánh giá qua hành vi, sản phẩm học tập, tình huống và yêu cầu cuối khóa.
PLO8	Xây dựng văn hóa học tập suốt đời, chủ động thích ứng với biến động thị trường.	Vận dụng/Thực hành (Apply)	Đánh giá qua biểu hiện tự chủ, khả năng thích ứng, kế hoạch phát triển cá nhân và các hoạt động học tập.

PLO đồng thời được đối sánh với tầm nhìn, sứ mạng và định hướng chiến lược của INU. PLO1–PLO2 góp phần hình thành nền tảng tư duy và năng lực quản trị hiện đại; PLO3 và PLO6 thể hiện định hướng đào tạo ứng dụng, gắn kết doanh nghiệp và chuyển hóa tri thức thành giá trị thực; PLO4 liên kết với chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và hội nhập quốc tế; PLO5 gắn với hợp tác, lãnh đạo và làm việc trong hệ sinh thái; PLO7–PLO8 gắn

với phát triển con người, trách nhiệm xã hội, học tập suốt đời và khả năng thích ứng. [H1.01.01.03]

Chuẩn đầu ra được công bố trong Bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần và các tài liệu phục vụ tổ chức đào tạo. Nội dung PLO được cụ thể hóa thành PPC và CLO, tạo cơ sở để giảng viên và người học nhận diện năng lực cần hình thành ở cấp chương trình và cấp học phần. Việc phổ biến PLO tiếp tục được chuẩn hóa thông qua tài liệu CTĐT, đề cương học phần và hoạt động định hướng đầu khóa. [H1.01.02.03]; [H1.01.02.04]; [H1.01.02.05]; [H1.01.02.06]

b) Điểm mạnh

- Hệ thống 08 PLO có cấu trúc rõ, bao quát kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm; được đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 7 và các định hướng phát triển của INU.

- PLO được cụ thể hóa thành PPC, liên kết với PEO và được thiết kế theo hướng có thể quan sát, đánh giá.

- PLO thể hiện khá rõ định hướng ứng dụng, gắn kết doanh nghiệp, chuyển đổi số, trách nhiệm xã hội và học tập suốt đời.

c) Điểm tồn tại

Minh chứng về mức độ nhận biết và hiểu PLO của từng nhóm bên liên quan cần tiếp tục được chuẩn hóa và theo dõi định kỳ; đồng thời cập nhật hồ sơ đối sánh khi có thay đổi về Khung trình độ quốc gia hoặc định hướng chiến lược của INU.

d) Kế hoạch hành động

TT	**Mục tiêu**	**Nội dung**	**Đơn vị, người thực hiện**	**Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành**
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chuẩn hóa tài liệu công bố PLO; theo dõi mức độ tiếp cận, nhận biết và hiểu PLO của người học, giảng viên và các nhóm bên liên quan; cập nhật định kỳ đối sánh PLO với Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 7 và định hướng chiến lược của INU.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2026–2027; theo chu kỳ rà soát CTĐT

2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì hệ thống PLO1–PLO8, ma trận PEO–PLO–PPC và việc sử dụng thống nhất PLO trong các tài liệu đào tạo.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Thường xuyên / theo chu kỳ CTĐT

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

1.3. Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được thiết kế ở trình độ thạc sĩ, tương ứng Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Hệ thống 08 PLO được phân thành ba nhóm kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm; trong đó PLO1–PLO3 tập trung vào kiến thức quản trị nâng cao, PLO4–PLO6 tập trung vào năng lực phân tích, sử dụng công cụ, tổ chức nhóm và thiết kế dự án ứng dụng, PLO7–PLO8 tập trung vào đạo đức, trách nhiệm xã hội, học tập suốt đời và khả năng thích ứng. [H1.01.02.01]

Báo cáo đối sánh PLO xác định từng PLO của MBA tương thích với các yêu cầu tương ứng của Bậc 7 về kiến thức nâng cao, chuyên sâu; phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết vấn đề phức tạp; sử dụng công cụ phù hợp; tự chủ, điều phối và chịu trách nhiệm. Việc đối sánh đồng thời tham khảo các khung chuẩn quốc tế phù hợp với định hướng MBA, gồm QAA, AMBA, AACSB và EQUIS. [H1.01.03.01]

Kết quả đối sánh được sử dụng làm cơ sở rà soát nội dung, cách diễn đạt và mức độ yêu cầu của PLO trong quá trình hoàn thiện CTĐT năm 2026.

Để làm rõ sự phù hợp của hệ thống chuẩn đầu ra với yêu cầu của tiêu chí 1.3, các PLO của CTĐT được phân định theo hai nhóm: chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt. Việc phân định được thực hiện theo tính chất năng lực mà PLO yêu cầu, đồng thời bảo đảm các PLO chuyên biệt phản ánh đặc trưng của lĩnh vực quản trị kinh doanh. [H1.01.03.02]; [H1.01.03.03]

TT	PLO	Nhóm chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Căn cứ phân định
1	PLO1	Chuẩn đầu ra chuyên biệt	Vận dụng phương pháp luận triết học, tư duy logic và quy định pháp luật kinh tế để nhận diện xu hướng và phân tích rủi ro pháp lý.	Gắn trực tiếp với bối cảnh kinh tế và hoạt động đầu tư, kinh doanh; thể hiện năng lực chuyên môn của lĩnh vực quản trị kinh doanh.
2	PLO2	Chuẩn đầu ra chuyên biệt	Phân tích sự vận hành của các mô hình, học thuyết quản trị kinh doanh hiện đại trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.	Phản ánh trực tiếp kiến thức và năng lực phân tích chuyên sâu của ngành Quản trị kinh doanh.
3	PLO3	Chuẩn đầu ra chuyên biệt	Xây dựng các chiến lược và chính sách quản trị chức năng chuyên sâu nhằm tối ưu hóa nguồn lực doanh nghiệp.	Gắn trực tiếp với năng lực quản trị chiến lược và quản trị các chức năng trong doanh nghiệp.
4	PLO4	Chuẩn đầu ra chung	Sử dụng ngoại ngữ và các công cụ phân tích dữ liệu trong nghiên cứu và hỗ trợ quyết định quản trị.	Thể hiện năng lực công cụ, ngoại ngữ và năng lực học tập/nghiên cứu có tính nền tảng, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.
5	PLO5	Chuẩn đầu ra chung	Tổ chức hoạt động nhóm và điều phối giải quyết các xung đột trong môi trường doanh nghiệp phức tạp.	Thể hiện năng lực làm việc nhóm, phối hợp và điều phối; có tính chuyển giao giữa nhiều bối cảnh nghề nghiệp.
6	PLO6	Chuẩn đầu ra chuyên biệt	Thiết kế các đề án, dự án kinh doanh mang tính ứng dụng để giải quyết bài toán thực tiễn của doanh nghiệp.	Gắn trực tiếp với năng lực thiết kế và triển khai giải pháp kinh doanh, phản ánh đặc trưng ứng dụng của CTĐT MBA.
7	PLO7	Chuẩn đầu ra chung	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tính liêm chính và thực hiện trách nhiệm xã hội trong điều hành doanh nghiệp.	Thể hiện yêu cầu chung về đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội của người học trình độ thạc sĩ.
8	PLO8	Chuẩn đầu ra chung	Xây dựng văn hóa học tập suốt đời, chủ động thích ứng với biến động thị trường.	Thể hiện năng lực tự chủ, học tập suốt đời và thích ứng; là năng lực chung cần thiết cho người học sau tốt nghiệp.

b) Điểm mạnh

- PLO được đối sánh có hệ thống với Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 7, phù hợp với đặc trưng đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Việc đối sánh được thực hiện theo từng PLO và theo các nhóm năng lực kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm.

c) Điểm tồn tại

Cần duy trì cập nhật hồ sơ đối sánh khi có thay đổi về Khung trình độ quốc gia hoặc khi có chuẩn chương trình/chuẩn ngành Quản trị kinh doanh được ban hành; tiếp tục lượng hóa các chỉ báo để thuận lợi cho đo lường.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật định kỳ bảng đối sánh PLO với Khung trình độ quốc gia và các yêu cầu chính thức liên quan; bổ sung chỉ báo đo lường phù hợp khi có căn cứ mới.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Theo chu kỳ rà soát CTĐT	Bảng đối sánh và báo cáo rà soát
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cấu trúc PLO theo nhóm kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm và sử dụng kết quả đối sánh trong các lần cải tiến CTĐT.	Khoa Kinh tế	Theo chu kỳ CTĐT	Hồ sơ đối sánh cập nhật

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

1.4. Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT MBA được thiết kế theo tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (OBE), trong đó 08 PLO được cụ thể hóa thành các thành phần năng lực và tiếp tục triển khai thành CLO của từng học phần. Ma trận PLO/PPC–học phần–I/P/M–phương pháp đánh giá là cơ sở liên kết chuẩn đầu ra chương trình với nội dung, hoạt động dạy học và đánh giá ở cấp học phần. [H1.01.02.05]; [H1.01.04.01]

Kết quả rà soát đề cương cho thấy các học phần trong CTĐT được phân bổ đóng góp vào PLO theo mức độ I/P/M phù hợp với vai trò của từng học phần. Các học phần chuyên ngành, Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp có vai trò quan trọng trong hình thành năng lực vận dụng, giải quyết vấn đề và thiết kế giải pháp quản trị. [H1.01.02.05]; [H1.01.04.02]; [H1.01.04.03]; [H1.01.04.04]

Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025 xác định một số nội dung cần tiếp tục hoàn thiện, trong đó có việc lượng hóa một số chuẩn đầu ra ở nhóm kỹ năng và tự chủ, sự đồng đều trong tích hợp chuẩn đầu ra vào đề cương học phần, kỹ năng mềm và mức độ đồng bộ trong ứng dụng công nghệ. Các nội dung này được sử dụng

làm cơ sở để tiếp tục rà soát, chuẩn hóa CLO–PLO và phương pháp đánh giá trong CTĐT MBA 2026. [H1.01.04.05]; [H1.01.04.06]

b) Điểm mạnh

- Hệ thống PLO–PPC–CLO và ma trận I/P/M tạo được mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra chương trình và chuẩn đầu ra học phần.

- Học phần Triết học đã được tích hợp trong CTĐT và có mối liên hệ với PLO1.

- Kết quả phân tích chuẩn đầu ra năm 2025 đã cung cấp cơ sở nhận diện các nội dung cần tiếp tục chuẩn hóa trong triển khai ở cấp học phần.

c) Điểm tồn tại

Cần tiếp tục rà soát tính thống nhất giữa CLO, mức độ đóng góp PLO và công cụ đánh giá ở tất cả các học phần; đồng thời chuẩn hóa hơn nữa các chỉ báo đối với nhóm kỹ năng và tự chủ.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, chuẩn hóa toàn bộ CLO–PPC–PLO; thống nhất động từ đo lường, nội hàm và công cụ đánh giá; tiếp tục xử lý các nội dung được báo cáo phân tích năm 2025 nhận diện.	Khoa Kinh tế; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2026–2027
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cơ chế kiểm tra liên kết CLO–PPC–PLO trước khi phê duyệt và sau mỗi lần cập nhật CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thường xuyên

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

1.5. Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài.

a) Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT MBA năm 2026, Khoa thực hiện tham vấn các nhóm bên liên quan gồm giảng viên, người học/cựu người học và nhà sử dụng lao

động/doanh nghiệp. Nội dung tham vấn tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, năng lực nghề nghiệp, cấu trúc chương trình và mức độ gắn kết với thực tiễn quản trị. [H1.01.05.01]; [H1.01.05.02]

Kết quả tham vấn được sử dụng cùng các nguồn thông tin khác để xem xét mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra. Các yêu cầu về tăng tính ứng dụng, năng lực quản trị trong môi trường số, phân tích dữ liệu, giải quyết vấn đề thực tiễn, đổi mới sáng tạo, đạo đức và khả năng thích ứng được phản ánh trong PEO/PLO và cấu trúc CTĐT năm 2026. [H1.01.05.03]; [H1.01.03.02]; [H1.01.05.04]

Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025 sử dụng kết quả khảo sát học viên trình độ thạc sĩ giai đoạn 2023–2024 làm một nguồn thông tin. Kết quả cho thấy các nhóm kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ và nghiên cứu – tư duy chiến lược được đánh giá tích cực; trong đó kỹ năng mềm đạt 75%, điểm trung bình 3,98, thấp hơn các nhóm còn lại, đặc biệt cần tiếp tục tăng cường kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm trong môi trường phức tạp. [H1.01.05.05]

Các kết quả phản hồi được xem xét trong quá trình rà soát, thẩm định và hoàn thiện CTĐT. Tuy nhiên, Báo cáo phân tích và báo cáo cấp cơ sở giáo dục đều cho thấy số lượng phản hồi từ cựu người học và nhà sử dụng lao động, đặc biệt đối với đào tạo thạc sĩ, còn hạn chế; vì vậy việc tăng quy mô và tính đại diện của khảo sát tiếp tục là nội dung cần cải tiến. [H1.01.05.06]; [H1.01.05.07]; [H1.01.05.08]

b) Điểm mạnh

- Ý kiến các bên liên quan được sử dụng làm một nguồn đầu vào cho quá trình hoàn thiện PLO và tăng tính ứng dụng của CTĐT.

- Kết quả phân tích năm 2025 đã cung cấp thông tin cụ thể về mức độ đánh giá các nhóm năng lực và nhận diện kỹ năng mềm cần tiếp tục tăng cường.

- Có sự liên kết giữa tham vấn, rà soát và hoàn thiện CTĐT.

c) Điểm tồn tại

- Số lượng và tính đại diện của phản hồi từ cựu người học và nhà sử dụng lao động, đặc biệt đối với đào tạo thạc sĩ, cần tiếp tục được tăng cường.

- Cần chuẩn hóa việc phản hồi cho bên liên quan về kết quả tiếp thu và những nội dung không tiếp thu.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng nhóm và số lượng bên liên quan tham gia khảo sát; tăng cường thu thập ý kiến nhà sử dụng lao động và cựu người học của MBA, đồng thời chuẩn hóa báo cáo phân tích và ma trận phản hồi – tiếp thu – điều chỉnh.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Hằng năm từ 2026–2027
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cơ chế sử dụng ý kiến bên liên quan làm đầu vào cho rà soát PLO và CTĐT; thông tin kết quả tiếp thu phù hợp đến các nhóm bên liên quan.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Theo chu kỳ rà soát CTĐT

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

1.6. Tiêu chí 1.6: [Tiêu chí điều kiện]: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT MBA được thiết kế theo tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (OBE), trong đó PLO được cụ thể hóa thành các thành phần năng lực và liên kết với học phần, CLO, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá. Hệ thống này tạo cơ sở tổ chức đo lường mức độ đạt PLO trong quá trình đào tạo và tại thời điểm hoàn thành chương trình. [H1.01.03.02]; [H1.01.02.02]

Đối với giai đoạn cuối chương trình, Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp được xác định là những điểm đo tích hợp để đánh giá các năng lực vận dụng, phân tích, thiết kế giải pháp và giải quyết vấn đề quản trị. Kết quả đánh giá được định hướng tổng hợp theo từng PLO và sử dụng cho cải tiến CTĐT. [H1.01.04.03]; [H1.01.06.01]; [H1.01.06.02]

Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025 kết luận chuẩn đầu ra của các chương trình thạc sĩ thuộc Khoa Kinh tế có tính hệ thống, phù hợp với Khung trình độ quốc gia và yêu cầu thực tiễn, có khả năng đo lường và sẵn sàng triển khai. Báo cáo đồng thời chỉ ra một số nội dung cần tiếp tục hoàn thiện như lượng hóa một số

năng lực nghiên cứu, sự đồng bộ giữa các học phần, kỹ năng mềm và ứng dụng công nghệ. [H1.01.05.05]

Đối với MBA, hệ thống đo lường PLO/PI đã được thiết kế và xác định điểm đo cuối khóa. Tuy nhiên, để đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí điều kiện, Nhà trường và Khoa cần tiếp tục tổng hợp dữ liệu đo trực tiếp của người học tại thời điểm tốt nghiệp, phân tích theo từng PLO và sử dụng kết quả làm căn cứ cải tiến sau mỗi chu kỳ. [H1.01.06.03]; [H1.01.06.04]; [H1.01.06.05]

b) Điểm mạnh

- CTĐT đã hình thành khung đo lường PLO theo OBE, xác định các điểm đo cuối khóa và hướng sử dụng kết quả cho cải tiến.

- Báo cáo phân tích năm 2025 đã kiểm tra mức độ phù hợp và khả năng đo lường của hệ thống chuẩn đầu ra trước khi triển khai ổn định.

c) Điểm tồn tại

- Cần tiếp tục tổng hợp dữ liệu đo PLO/PI theo từng khóa tốt nghiệp và phân tích xu hướng giữa các khóa.

- Hệ thống chỉ báo, ngưỡng đạt và cách tổng hợp kết quả theo từng PLO cần tiếp tục được chuẩn hóa trước và trong quá trình đo chính thức.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chuẩn hóa chỉ báo, ngưỡng đạt, công cụ/rubric và phương pháp tổng hợp kết quả theo từng PLO; tổ chức thu thập dữ liệu trực tiếp tại thời điểm tốt nghiệp và xây dựng báo cáo xu hướng giữa các khóa.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; giảng viên	Theo từng khóa tốt nghiệp
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì chu trình đo lường – phân tích – cải tiến; sử dụng kết quả đo PLO làm đầu vào điều chỉnh học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá và CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Theo chu kỳ đánh giá

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

Kết luận tiêu chuẩn 1

CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026 được xây dựng theo định hướng ứng dụng, với mục tiêu và PEO rõ ràng, gắn với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và các định hướng chiến lược của INU. PEO1–PEO3 được liên kết với PLO1–PLO8, trong đó thể hiện các định hướng về gắn kết doanh nghiệp, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trách nhiệm xã hội và học tập suốt đời.

Hệ thống 08 PLO được cấu trúc theo ba nhóm kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm; được đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 7 và các định hướng của INU. PLO được cụ thể hóa thành PPC và CLO, tạo cơ sở liên kết giữa mục tiêu chương trình, nội dung đào tạo và đánh giá. Học phần Triết học đã được tích hợp trong CTĐT và có mối liên hệ với PLO1.

Việc tham vấn các bên liên quan được sử dụng làm một nguồn đầu vào cho rà soát và hoàn thiện CTĐT; tuy nhiên, quy mô và tính đại diện của phản hồi từ cựu người học và nhà sử dụng lao động, đặc biệt ở đào tạo thạc sĩ, cần tiếp tục được tăng cường. Đối với đo lường PLO tại thời điểm tốt nghiệp, hệ thống và điểm đo đã được thiết kế nhưng cần tiếp tục hình thành chuỗi dữ liệu thực tế theo từng khóa để phục vụ phân tích và cải tiến.

Tiêu chuẩn 1 gồm 06 tiêu chí; các tiêu chí được tự đánh giá theo mức đạt của từng tiêu chí trong hồ sơ, trong đó các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện được đưa vào kế hoạch hành động.

2. Tiêu chuẩn 2: cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 2 gồm 07 tiêu chí, tập trung đánh giá tính đầy đủ, cập nhật và công khai của Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT) và đề cương học phần; sự phù hợp của cấu trúc, khối lượng học tập và nội dung với chuẩn đầu ra; việc tiếp thu phản hồi của các bên liên quan; sự đóng góp của từng học phần đối với chuẩn đầu ra; tính logic, linh hoạt, tích hợp của chương trình; cơ cấu học phần và cơ hội lựa chọn của người học; cũng như việc rà soát, cải tiến và cập nhật CTĐT.

Theo Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026, chương trình định hướng ứng dụng, tổng khối lượng 60 tín chỉ, thời gian đào tạo dự kiến 1,5–2 năm. Chương trình được tổ chức theo lộ trình từ kiến thức nền tảng và phương pháp luận đến các lĩnh vực quản trị chuyên sâu, thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp; trong tổng số 60 tín chỉ có 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn.

2.1. Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

a) Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026 được xây dựng theo cấu trúc thống nhất, thể hiện mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình, cấu trúc và nội dung chương trình, ma trận liên kết chuẩn đầu ra với các học phần, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, điều kiện thực hiện chương trình, yêu cầu đối với người học và các yêu cầu về thực tập, tốt nghiệp. Bản mô tả thể hiện định hướng đào tạo ứng dụng, gắn phát triển năng lực quản trị với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập. [H2.02.01.01]; [H2.02.01.02]

Chương trình năm 2026 được cập nhật trên cơ sở rà soát chương trình năm 2023, kết quả đánh giá quá trình triển khai, ý kiến của giảng viên, cựu học viên, người sử dụng lao động/doanh nghiệp và kết quả đối sánh với các chương trình tham khảo. Nội dung cập nhật tập trung vào chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị dữ liệu, quản trị rủi ro, chuỗi cung ứng, truyền thông số, tư vấn chiến lược và phát triển bền vững; đồng thời tăng cường tính ứng dụng của các học phần và sản phẩm tốt nghiệp. Quá trình cập nhật được thực hiện theo các bước rà soát, lấy ý kiến, phân tích, tiếp thu và giải trình, thẩm định và ban hành. [H2.02.01.03]; [H2.02.01.04]; [H2.02.01.05]

Toàn bộ 24 đề cương học phần của chương trình MBA năm 2026 được chuẩn hóa và phê duyệt đồng bộ với Bản mô tả chương trình. Mỗi đề cương thể hiện thông tin học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần (CLO), nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, tài liệu học tập và mối liên hệ giữa CLO với chuẩn đầu ra chương trình/PPC; trong đó hồ sơ Đề cương Triết học đã được hoàn thiện theo cùng cấu trúc. [H2.02.01.05]; [H2.02.01.01]; [H2.02.01.06]

Bản mô tả CTĐT và bộ đề cương học phần được phê duyệt, sử dụng làm tài liệu chính thức phục vụ triển khai đào tạo và được công bố theo quy định của Nhà trường. Hồ sơ công bố được kiểm soát theo phiên bản, tạo điều kiện để người học, giảng viên, người sử dụng lao động và các bên liên quan tiếp cận thông tin về mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, nội dung và yêu cầu học tập của chương trình. [H2.02.01.07]; [H2.02.01.01]

Bảng 2.1.1. Vai trò thông tin của Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần

Cấp tài liệu	Thông tin cốt lõi	Vai trò đối với người sử dụng
Bản mô tả CTĐT	Mục tiêu; 08 PLO; 60 tín chỉ; 24 học phần; cơ cấu bắt buộc/tự chọn; lộ trình; ma trận PLO/PPC–học phần; định hướng dạy học và đánh giá.	Cung cấp bức tranh tổng thể về chương trình và cách tổ chức để đạt chuẩn đầu ra.
Đề cương học phần	Thông tin học phần; mục tiêu; CLO; liên kết PLO/PPC; nội dung; phương pháp dạy học; đánh giá; học liệu.	Làm rõ cách từng học phần triển khai và đóng góp vào chuẩn đầu ra.
Công bố CTĐT	Phiên bản CTĐT và đề cương được phê duyệt, công bố theo quy định.	Giúp người học và các bên liên quan tiếp cận thông tin chính thức.

b) Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT được xây dựng tương đối toàn diện, có sự liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, nội dung và đánh giá. Hồ sơ của toàn bộ 24 học phần, bao gồm Triết học, được chuẩn hóa; chương trình đồng thời thể hiện rõ định hướng ứng dụng, cập nhật các nội dung quản trị mới và tăng cường tính thực tiễn của sản phẩm tốt nghiệp.

c) Điểm tồn tại

Việc quản lý phiên bản và công bố CTĐT cần tiếp tục được duy trì thống nhất giữa Bản mô tả chương trình, đề cương học phần và các tài liệu hướng dẫn người học; đồng thời cần thường xuyên kiểm tra tính đồng bộ của thông tin sau mỗi lần điều chỉnh chương trình.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, chuẩn hóa Bản mô tả CTĐT và 24 đề cương học phần; kiểm soát phiên bản và tính thống nhất giữa các tài liệu công bố.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và BĐCL	Năm học 2026–2027
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật, rà soát và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến CTĐT theo chu kỳ.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

2.2. Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.

a) Mô tả hiện trạng

Cấu trúc và nội dung CTĐT MBA năm 2026 được thiết kế theo định hướng đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra. Tám PLO được cụ thể hóa thành các năng lực kiến thức, kỹ năng và tự chủ, trách nhiệm; được phân bổ vào các học phần thông qua ma trận đóng góp và cụ thể hóa thành CLO trong từng đề cương. Chuỗi liên kết PEO – PLO – PPC – học phần – CLO – phương pháp dạy học – phương pháp đánh giá tạo cơ sở để kiểm soát sự phù hợp giữa yêu cầu đầu ra và khối lượng học tập. [H2.02.01.01]; [H2.02.01.02]

Chương trình gồm 60 tín chỉ, trong đó 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn, được tổ chức theo lộ trình phát triển năng lực từ nền tảng, phương pháp luận đến các lĩnh vực quản trị chuyên sâu, sau đó tích hợp trong thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp. Khối lượng học tập được phân bổ theo từng học phần, phù hợp với thời gian đào tạo dự kiến từ 1,5 đến 2 năm và được kiểm soát thông qua kế hoạch đào tạo, đề cương học phần và yêu cầu đánh giá. [H2.02.01.01]; [H2.02.01.04]

Một điều chỉnh nổi bật của chương trình năm 2026 là giảm Chuyên đề thực tập thực tế từ 6 xuống 3 tín chỉ và tăng Đề án tốt nghiệp từ 6 lên 9 tín chỉ. Việc điều chỉnh tái phân bổ thời lượng theo hướng tăng cường năng lực tích hợp, giải quyết vấn đề và tạo ra sản phẩm cuối khóa có hàm lượng vận dụng cao hơn. [H2.02.01.04]; [H2.02.01.03]

Hệ thống hồ sơ của chương trình cho phép đối chiếu từ PLO đến PPC, học phần, CLO, nội dung đào tạo và phương pháp đánh giá. Toàn bộ 24 đề cương học phần được rà soát đồng bộ với ma trận chương trình, trong đó học phần Triết học cũng được hoàn thiện theo cùng nguyên tắc. Bảng cơ cấu khối lượng học tập được sử dụng để kiểm soát sự phù hợp giữa số tín chỉ, thời lượng học tập, nội dung và yêu cầu đánh giá. [H2.02.01.05]; [H2.02.01.01]; [H2.02.02.01]

Bảng 2.2.1. Các chỉ số về khối lượng học tập của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chỉ số	Giá trị rà soát	Diễn giải
Tổng tín chỉ	60 TC	Khối lượng toàn khóa của CTĐT MBA định hướng ứng dụng.

Chỉ số	Giá trị rà soát	Diễn giải
Bắt buộc / tự chọn	51 / 9 TC	Bảo đảm phần kiến thức cốt lõi đồng thời tạo cơ hội lựa chọn theo nhu cầu nghề nghiệp.
Số học phần	24 học phần	Toàn bộ học phần của chương trình, bao gồm Triết học, được chuẩn hóa và phê duyệt.
Thời gian đào tạo	1,5–2 năm	Thời gian dự kiến phù hợp với cấu trúc và khối lượng của chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng.
Thực tập thực tế	3 TC	Duy trì trải nghiệm nghề nghiệp và kết nối chương trình với bối cảnh thực tiễn.
Đề án tốt nghiệp	9 TC	Thành phần tích hợp quan trọng ở cuối chương trình, tăng cường vận dụng và giải quyết vấn đề.
Điều chỉnh 2026	6/6 → 3/9 TC	Giảm Chuyên đề thực tập thực tế từ 6 xuống 3 tín chỉ và tăng Đề án tốt nghiệp từ 6 lên 9 tín chỉ.
Tự chọn	9 TC	Tạo không gian lựa chọn học phần theo vị trí công tác, định hướng nghề nghiệp và mối quan tâm chuyên môn.

b) Điểm mạnh

Cấu trúc 60 tín chỉ có sự phân bổ rõ ràng giữa học phần bắt buộc và tự chọn, có lộ trình từ nền tảng đến chuyên sâu và ứng dụng. Việc điều chỉnh thực tập và Đề án tốt nghiệp năm 2026 cho thấy chương trình được chủ động thiết kế lại khối lượng để tăng cường năng lực vận dụng và tích hợp ở giai đoạn cuối khóa.

c) Điểm tồn tại

Việc duy trì tính nhất quán giữa ma trận PLO/PPC, CLO của 24 học phần, nội dung giảng dạy, phương pháp đánh giá và bảng phân bổ khối lượng học tập đòi hỏi được kiểm soát thường xuyên khi có thay đổi chương trình hoặc đề cương.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát ma trận PLO/PPC–học phần–CLO và bảng cơ cấu khối lượng học tập; thực hiện rà soát chéo trước mỗi lần ban hành hoặc điều chỉnh CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và BĐCL	Hằng năm và khi CTĐT thay đổi
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật, rà soát và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến CTĐT theo chu kỳ.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

2.3. Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.

a) Mô tả hiện trạng

Quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT MBA năm 2026 có sự tham gia của nhiều nhóm bên liên quan, gồm giảng viên, cựu học viên và người sử dụng lao động/doanh nghiệp. Khảo sát có 47 phản hồi hợp lệ, gồm 17 đại diện người sử dụng lao động/doanh nghiệp, 8 giảng viên và 22 cựu học viên. Nội dung tham vấn tập trung vào mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra, tính ứng dụng của chương trình, yêu cầu năng lực nghề nghiệp, cấu trúc chương trình, nội dung học phần và phương pháp đánh giá. [H2.02.03.01]; [H2.02.03.02]

Kết quả phản hồi được sử dụng làm một trong các căn cứ để điều chỉnh chương trình. Các nội dung được chú trọng trong phiên bản 2026 gồm chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị dữ liệu, quản trị rủi ro, chuỗi cung ứng, truyền thông số, tư vấn chiến lược và phát triển bền vững; đồng thời điều chỉnh tỷ trọng giữa thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp. [H2.02.03.03]; [H2.02.01.04]

Hồ sơ lấy ý kiến ngày 05/06/2026 đối với cán bộ, giảng viên và ngày 19/06/2026 đối với các bên liên quan thể hiện quá trình tham vấn theo từng bước. Ý kiến được tổng hợp, phân tích, trao đổi tại các cuộc họp chuyên môn và Hội đồng Khoa học và Đào tạo, sau đó được phản ánh trong hồ sơ giải trình và phương án cập nhật chương trình trước khi thẩm định, ban hành. [H2.02.01.05]; [H2.02.01.02]

Cơ cấu phản hồi có sự tham gia của cả bên trong và bên ngoài Nhà trường, đặc biệt là người sử dụng lao động/doanh nghiệp và cựu học viên. Đây là cơ sở để chương trình tiếp tục duy trì cơ chế tham vấn định kỳ và tăng dần độ sâu của dữ liệu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp, vị trí việc làm và mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp. [H2.02.03.01]; [H2.02.03.04]

b) Điểm mạnh

Chương trình có dữ liệu phản hồi trực tiếp từ nhiều nhóm bên liên quan và có hồ sơ thể hiện việc sử dụng phản hồi trong quá trình điều chỉnh chương trình. Các thay đổi năm

2026 có mối liên hệ với những yêu cầu được phản ánh về tính ứng dụng, năng lực nghề nghiệp và bối cảnh quản trị mới.

c) Điểm tồn tại

Việc phân tích phản hồi theo từng nhóm bên liên quan và theo từng chủ đề cần tiếp tục được chuẩn hóa để tăng khả năng so sánh giữa các chu kỳ rà soát; đồng thời cần duy trì dữ liệu liên tục của người sử dụng lao động, cựu học viên và giảng viên để hỗ trợ cải tiến chương trình theo bằng chứng.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức khảo sát định kỳ theo từng nhóm bên liên quan; phân tích riêng nhóm người sử dụng lao động/doanh nghiệp, cựu học viên và giảng viên; cập nhật ma trận phản hồi–tiếp thu–giải trình–điều chỉnh.	Phòng Khảo thí và BĐCL; Khoa Kinh tế	Từ năm học 2026–2027, hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cơ chế tham vấn và sử dụng kết quả phản hồi trong rà soát, cập nhật CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và BĐCL	Theo chu kỳ rà soát

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

2.4. Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.

a) Mô tả hiện trạng

Bản mô tả MBA năm 2026 thể hiện ma trận liên kết giữa các PLO/PPC và 24 học phần, xác định mức độ đóng góp theo ba mức I/P/M. Việc sử dụng I/P/M giúp làm rõ vai trò của từng học phần: giới thiệu và hình thành năng lực, phát triển năng lực và giúp người học đạt mức làm chủ năng lực. Cách tiếp cận này tạo cơ sở kiểm soát sự phân bổ chuẩn đầu ra trong toàn bộ chương trình. [H2.02.01.01]; [H2.02.01.05]

Các đề cương học phần được xây dựng theo cùng một logic liên kết, trong đó CLO được xác định phù hợp với vai trò của học phần và gắn với PLO/PPC tương ứng. Phương pháp dạy học và đánh giá được lựa chọn nhằm tạo cơ hội cho người học hình thành và chứng minh mức độ đạt CLO. Hồ sơ giải trình sau thẩm định thể hiện việc chuẩn hóa ma

trận từ dạng nhị phân sang I/P/M, qua đó tăng tính minh bạch khi xác định mức độ đóng góp của từng học phần. [H2.02.01.05]; [H2.02.03.02]

Đóng góp của từng học phần được thể hiện đồng thời ở cấp chương trình và cấp đề cương. Từ ma trận PLO/PPC – học phần có thể đối chiếu đến CLO, nội dung, hoạt động học tập và phương pháp đánh giá của từng học phần; ngược lại, từ một CLO có thể xác định chuẩn đầu ra chương trình mà CLO đó góp phần hình thành. [H2.02.01.01]; [H2.02.01.05]; [H2.02.04.01]

b) Điểm mạnh

Ma trận I/P/M tạo được cấu trúc liên kết rõ giữa PLO/PPC và học phần, đồng thời hỗ trợ giải thích vai trò của từng học phần trong quá trình hình thành năng lực. Việc kết nối tiếp xuống CLO và đánh giá giúp tăng khả năng sử dụng ma trận cho thiết kế chương trình, theo dõi kết quả học tập và cải tiến CTĐT.

c) Điểm tồn tại

Cần duy trì rà soát định kỳ để bảo đảm mức độ đóng góp I/P/M, CLO, nội dung và phương pháp đánh giá tiếp tục phù hợp khi từng học phần hoặc PLO được điều chỉnh; đặc biệt cần kiểm soát các trường hợp trùng lặp hoặc phân bổ chưa cân đối giữa các học phần.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát ma trận PLO/PPC–học phần–CLO–đánh giá; kiểm tra sự cân đối mức độ I/P/M và chuẩn hóa khi có thay đổi học phần hoặc PLO.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và BĐCL	Hằng năm và theo chu kỳ rà soát CTĐT
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì ma trận I/P/M và sử dụng kết quả rà soát để cải tiến CTĐT, đề cương và phương pháp đánh giá.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và BĐCL	Theo chu kỳ rà soát

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

2.5. Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT MBA năm 2026 được tổ chức theo trình tự phát triển năng lực tương đối logic: từ các học phần nền tảng và phương pháp luận, chuyển sang các học phần chuyên sâu về quản trị chiến lược, marketing, tài chính, nhân lực, rủi ro, chuỗi cung ứng, truyền thông số, đổi mới sáng tạo và quản trị dự án; sau đó tích hợp kiến thức và kỹ năng thông qua thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp. Trình tự này giúp người học từng bước chuyển từ tiếp nhận khung lý thuyết và công cụ phân tích sang vận dụng trong các bài toán quản trị cụ thể. [H2.02.01.01]; [H2.02.01.02]

Tính tích hợp của chương trình thể hiện ở việc các năng lực quản trị được phát triển xuyên suốt nhiều học phần và được tổng hợp ở các hoạt động có tính ứng dụng cao. Đề án tốt nghiệp 9 tín chỉ tạo không gian để học viên lựa chọn một vấn đề quản trị thực tiễn, vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu, phân tích dữ liệu, xây dựng giải pháp và trình bày kết quả; Chuyên đề thực tập thực tế giúp kết nối môi trường đào tạo với bối cảnh nghề nghiệp. [H2.02.01.04]; [H2.02.01.03]

Tính linh hoạt được thể hiện thông qua 9 tín chỉ tự chọn và danh mục học phần thuộc nhiều lĩnh vực quản trị như marketing, thương hiệu, chuỗi cung ứng, tài nguyên và môi trường, truyền thông số, đổi mới sáng tạo, đầu tư và quản lý dự án. Người học có thể lựa chọn nhóm học phần phù hợp với vị trí công tác, định hướng nghề nghiệp hoặc chủ đề quan tâm trong phạm vi điều kiện của chương trình. Kết quả đối sánh ngày 17/06/2026 được sử dụng như một nguồn tham khảo để kiểm tra tính hợp lý của cấu trúc và mức độ linh hoạt của chương trình. [H2.02.05.01]; [H2.02.05.02]

Lộ trình chương trình được xác định theo các nhóm học phần và các giai đoạn phát triển năng lực, đồng thời được thể hiện trong kế hoạch đào tạo và hướng dẫn học tập. Quan hệ giữa các học phần, điều kiện học trước và sự tích hợp PLO được kiểm soát trong quá trình xây dựng kế hoạch đào tạo, giúp người học lập kế hoạch học tập toàn khóa và lựa chọn học phần tự chọn phù hợp với định hướng cá nhân. [H2.02.01.01]; [H2.02.05.03]

b) Điểm mạnh

Trình tự phát triển năng lực từ nền tảng đến chuyên sâu và tích hợp vào thực tập, Đề án tốt nghiệp được thể hiện rõ. Chương trình vừa bảo đảm tính hệ thống của các học phần

bắt buộc, vừa tạo không gian lựa chọn thông qua 9 tín chỉ tự chọn, phù hợp với đặc điểm của chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng.

c) Điểm tồn tại

Cần tiếp tục cập nhật hướng dẫn lộ trình học tập và quan hệ giữa các học phần khi chương trình thay đổi, đồng thời tăng cường tư vấn học tập để học viên khai thác hiệu quả tính linh hoạt của các học phần tự chọn.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát học phần học trước, nội dung liên thông và hướng dẫn lộ trình; thu thập phản hồi học viên về lựa chọn, đăng ký học phần và mức độ thuận tiện của chương trình.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì lộ trình từ nền tảng đến chuyên sâu, thực tập và tốt nghiệp; cập nhật hướng dẫn học tập khi CTĐT thay đổi.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

2.6. Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT MBA năm 2026 gồm 60 tín chỉ, trong đó 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn. Cấu trúc chương trình phân định các thành phần kiến thức nền tảng, kiến thức và kỹ năng quản trị chuyên sâu, học phần có tính ứng dụng, thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp, tạo sự kết hợp giữa hình thành kiến thức, phát triển năng lực chuyên môn và vận dụng trong bối cảnh nghề nghiệp. [H2.02.01.01]; [H2.02.01.02]

Thành phần trải nghiệm và ứng dụng được thể hiện qua Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp. Trong phiên bản 2026, Chuyên đề thực tập thực tế được điều chỉnh từ

6 xuống 3 tín chỉ, trong khi Đề án tốt nghiệp tăng từ 6 lên 9 tín chỉ. Sự thay đổi phản ánh định hướng tăng cường thời lượng cho sản phẩm tổng hợp cuối khóa, đồng thời vẫn duy trì hoạt động tiếp xúc và trải nghiệm thực tế của học viên. [H2.02.01.04]; [H2.02.01.03]

Các học phần tự chọn được bố trí ở nhiều lĩnh vực như marketing, thương hiệu, chuỗi cung ứng, tài nguyên và môi trường, truyền thông số, đổi mới sáng tạo, đầu tư và quản lý dự án. Cấu trúc này cho phép học viên lựa chọn theo nhu cầu nghề nghiệp, lĩnh vực công tác hoặc định hướng phát triển chuyên môn, đồng thời tạo điều kiện hình thành các hướng chuyên sâu khác nhau trong cùng một chương trình MBA. [H2.02.01.01]; [H2.02.01.04]

Các thành phần lý thuyết, thực hành, trải nghiệm và nghiên cứu ứng dụng được tích hợp trong toàn bộ chương trình. Học phần Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý, Phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định hỗ trợ năng lực phân tích và nghiên cứu; các học phần chuyên môn cung cấp công cụ quản trị; Chuyên đề thực tập thực tế tạo cơ hội trải nghiệm môi trường nghề nghiệp; và Đề án tốt nghiệp là thành phần tổng hợp, yêu cầu học viên vận dụng kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để giải quyết một vấn đề quản trị cụ thể. [H2.02.01.04]; [H2.02.01.03]; [H2.02.06.01]; [H2.02.01.01]; [H2.02.01.04]

Các thành phần lý thuyết, thực hành, trải nghiệm và nghiên cứu ứng dụng được tích hợp trong toàn bộ chương trình, trong đó các học phần về tư duy phản biện, phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định hỗ trợ năng lực phân tích và nghiên cứu. [H2.02.01.01]; [H2.02.06.01]

Bảng 2.6.1. Cơ cấu tín chỉ và thành phần CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Thành phần	Số tín chỉ	Vai trò
Kiến thức nền tảng và phương pháp luận	Theo Bản mô tả CTĐT 2026	Hình thành nền tảng kiến thức và phương pháp tư duy, phân tích cho người học.
Kiến thức và kỹ năng quản trị chuyên sâu	Theo Bản mô tả CTĐT 2026	Phát triển năng lực quản trị trong các lĩnh vực như chiến lược, marketing, tài chính, nhân lực, rủi ro, chuỗi cung ứng và quản trị dự án.
Chuyên đề thực tập thực tế	3	Tạo cơ hội trải nghiệm môi trường nghề nghiệp và vận dụng kiến thức vào bối cảnh thực tế.
Đề án tốt nghiệp	9	Tích hợp kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để giải quyết một vấn đề quản trị cụ thể; tăng từ 6 lên 9 tín chỉ trong phiên bản 2026.
Bắt buộc / tự chọn	51 / 9	Kết hợp phần kiến thức cốt lõi với cơ hội lựa chọn học phần theo nhu cầu và định hướng nghề nghiệp.

CTĐT MBA đã được rà soát và cải tiến qua các phiên bản 2021, 2023 và 2026. Trong chu kỳ 2026, hoạt động rà soát được triển khai theo kế hoạch của Nhà trường, bao gồm đánh giá chương trình hiện hành, thu thập phản hồi các bên liên quan, đối sánh với các chương trình tham khảo, thảo luận tại Hội đồng Khoa học và Đào tạo, thẩm định và hoàn thiện trước khi ban hành.

b) Điểm mạnh

Cơ cấu bắt buộc và tự chọn rõ ràng; chương trình có sự kết hợp giữa kiến thức, kỹ năng, trải nghiệm thực tế và nghiên cứu ứng dụng. Danh mục tự chọn tương đối đa dạng, gắn với nhiều lĩnh vực nghề nghiệp quản trị; thực tập và Đề án tốt nghiệp tạo cơ chế tích hợp năng lực ở giai đoạn cuối khóa.

c) Điểm tồn tại

Cần tiếp tục theo dõi nhu cầu lựa chọn học phần của học viên, mức độ mở lớp và mức độ phù hợp của các nhóm tự chọn với biến động nghề nghiệp. Đồng thời, việc phân bổ giờ học và khối lượng tự học, nghiên cứu ở từng học phần cần được rà soát định kỳ để bảo đảm cân đối và tránh quá tải.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổng hợp nhu cầu lựa chọn học phần, số lớp mở, mức độ đáp ứng và khối lượng tự học; rà soát danh mục tự chọn theo nhu cầu người học và yêu cầu nghề nghiệp.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cơ cấu bắt buộc–tự chọn và sự kết hợp giữa lý thuyết, thực hành, trải nghiệm và nghiên cứu ứng dụng.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát

2.7. Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT MBA đã được rà soát và cải tiến qua các phiên bản 2021, 2023 và 2026. Trong chu kỳ 2026, hoạt động rà soát được triển khai theo kế hoạch của Nhà trường, bao gồm đánh giá chương trình hiện hành, thu thập phản hồi các bên liên quan, đối sánh với các chương trình tham khảo, thảo luận tại Hội đồng Khoa học và Đào tạo, thẩm định và hoàn thiện trước khi ban hành. [H2.02.07.01]; [H2.02.01.03]; [H2.02.01.04]

Chuỗi cải tiến từ phiên bản 2023 sang 2026 thể hiện nhiều thay đổi cụ thể: chuẩn đầu ra được rà soát theo hướng rõ ràng và đo lường được hơn; nội dung chương trình được cập nhật các chủ đề về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị dữ liệu, quản trị rủi ro, chuỗi cung ứng, truyền thông số và phát triển bền vững; đồng thời cơ cấu thực tập và Đề án tốt nghiệp được điều chỉnh từ 6/6 tín chỉ thành 3/9 tín chỉ. Những thay đổi này phản ánh định hướng tăng tính ứng dụng, khả năng giải quyết vấn đề và mức độ tích hợp của sản phẩm tốt nghiệp. [H2.02.01.04]; [H2.02.01.05]

Hoạt động đối sánh được sử dụng như một nguồn thông tin để xem xét cấu trúc, chuẩn đầu ra và nội dung của chương trình. Song song với đó, dữ liệu khảo sát 47 bên liên quan cung cấp thông tin về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và mức độ phù hợp của chương trình. Việc kết hợp dữ liệu nội bộ, phản hồi bên liên quan và đối sánh giúp quá trình cải tiến có nhiều nguồn căn cứ hơn. [H2.02.05.01]; [H2.02.03.01]; [H2.02.01.05]

Hồ sơ cho thấy hoạt động rà soát và cải tiến được thực hiện qua nhiều bước và có những thay đổi cụ thể. Trong các chu kỳ tiếp theo, Nhà trường tiếp tục duy trì ma trận theo dõi cải tiến theo chuỗi vấn đề phát hiện – nguồn dữ liệu – quyết định – thay đổi – kết quả, đồng thời tăng cường dữ liệu thị trường lao động, vị trí việc làm và kết quả sau tốt nghiệp để kiểm chứng tác động của các thay đổi chương trình. [H2.02.01.02]; [H2.02.07.02]; [H2.02.07.03]

b) Điểm mạnh

Chương trình có nhiều vòng rà soát và cải tiến, trong đó phiên bản 2026 thể hiện các thay đổi cụ thể về chuẩn đầu ra, nội dung, cấu trúc thực tập và Đề án tốt nghiệp. Quy trình

cải tiến có sự tham gia của các bên liên quan, đối sánh và thẩm định; nội dung cập nhật phù hợp với yêu cầu của quản trị hiện đại và đào tạo ứng dụng.

c) Điểm tồn tại

Cần tiếp tục duy trì một hệ thống theo dõi cải tiến thống nhất giữa các chu kỳ, tăng cường dữ liệu định lượng về thị trường lao động và kết quả sau tốt nghiệp, đồng thời sử dụng các dữ liệu này thường xuyên hơn trong các lần rà soát chương trình tiếp theo.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Duy trì ma trận theo dõi cải tiến theo chuỗi vấn đề phát hiện – nguồn dữ liệu – quyết định – thay đổi – kết quả; tăng cường dữ liệu thị trường lao động và kết quả sau tốt nghiệp.	Phòng Khảo thí và BĐCL; Khoa Kinh tế; đơn vị liên quan	Từ năm học 2026–2027 và theo chu kỳ rà soát
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát, đối sánh, tham vấn và thẩm định; sử dụng kết quả cải tiến để cập nhật CTĐT theo chu kỳ.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và BĐCL; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026 được xây dựng với cấu trúc 60 tín chỉ, gồm 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn, có lộ trình từ kiến thức nền tảng và phương pháp luận đến các lĩnh vực quản trị chuyên sâu, thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp. Chương trình được thiết kế theo chuẩn đầu ra, có ma trận liên kết PLO/PPC với học phần, CLO và đánh giá; có sự tham gia của giảng viên, cựu học viên và người sử dụng lao động/doanh nghiệp; đồng thời được rà soát, đối sánh, thẩm định và cải tiến qua nhiều chu kỳ. Phiên bản 2026 thể hiện rõ định hướng đào tạo ứng dụng thông qua cập nhật các nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị dữ liệu, quản trị rủi ro, chuỗi cung ứng, truyền thông số, phát triển bền vững và tăng tỷ trọng Đề án tốt nghiệp từ 6 lên 9 tín chỉ.

Nhìn chung, cấu trúc và nội dung chương trình bảo đảm tính logic, tích hợp và linh hoạt; các học phần bắt buộc, tự chọn, thực tập và nghiên cứu ứng dụng được xác định rõ; toàn bộ 24 đề cương học phần, bao gồm Triết học, được chuẩn hóa và liên kết với chuẩn

đầu ra. Trong giai đoạn tiếp theo, Nhà trường tiếp tục duy trì kiểm soát tính nhất quán của hồ sơ, tăng cường dữ liệu thị trường lao động và kết quả sau tốt nghiệp, đồng thời theo dõi tác động của các cải tiến để làm cơ sở cho chu kỳ rà soát tiếp theo. Tiêu chuẩn 2 gồm 07 tiêu chí, cả 07 tiêu chí được đánh giá Đạt.

3. Tiêu chuẩn 3 hoạt động dạy và học

Hoạt động dạy và học của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được tổ chức theo định hướng ứng dụng, gắn với triết lý giáo dục của Trường Đại học Intracom và chuẩn đầu ra của chương trình. Các phương pháp dạy học chú trọng phát huy tính chủ động, tự học, tự nghiên cứu, khả năng phân tích, ra quyết định và vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề quản trị thực tiễn. Nội dung và phương pháp dạy học được rà soát, cập nhật theo yêu cầu của chương trình, người học, doanh nghiệp và thị trường lao động.

3.1. Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.

a) Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom xác định triết lý giáo dục "Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn". Triết lý giáo dục được sử dụng làm định hướng xuyên suốt trong xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra và tổ chức hoạt động đào tạo, nhấn mạnh phát triển năng lực tự chủ, khả năng vận dụng tri thức để tạo ra giá trị thực tiễn, tinh thần đổi mới sáng tạo và trách nhiệm đối với tổ chức, cộng đồng và xã hội. Đối với chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, triết lý giáo dục được cụ thể hóa thành định hướng đào tạo ứng dụng, lấy vấn đề quản trị thực tiễn làm bối cảnh học tập, tăng cường năng lực phân tích, ra quyết định, giải quyết vấn đề và tạo giá trị cho doanh nghiệp. [H3.03.01.01]

Triết lý giáo dục được phổ biến đến các bên liên quan thông qua sinh hoạt đầu khóa, giới thiệu chương trình, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và định hướng học tập; đồng thời được lồng ghép trong trao đổi chuyên môn với giảng viên, tham vấn doanh nghiệp, chuyên gia, cựu học viên và người học. Kết quả khảo sát năm 2026 với 47 người trả lời, gồm 17 đại diện doanh nghiệp/người sử dụng lao động, 8 giảng viên và 22 cựu học viên, cho thấy mức độ đồng thuận cao đối với định hướng đào tạo ứng dụng, tăng cường năng lực số, đổi mới sáng tạo và gắn học tập với thực tiễn doanh nghiệp. Đây là cơ sở để tiếp tục lựa chọn phương pháp dạy học và hoạt động học tập phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường. [H3.03.01.02]; [H3.03.01.03]; [H3.03.01.04]

Việc chuyển tải triết lý giáo dục vào hoạt động dạy và học được thực hiện thông qua lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức học tập phù hợp. Bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá cho thấy các PLO được hỗ trợ bởi nhiều phương pháp khác nhau theo mức độ hình thành, phát triển và làm chủ năng lực. Các phương pháp được sử dụng gồm thuyết giảng chuyên sâu, phân tích tình huống kinh doanh, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm chuyên sâu, tranh biện học thuật, đóng vai và mô phỏng, học qua dự án, hướng dẫn nghiên cứu thực tế và thực hành phần mềm. Rà soát 24 học phần cho thấy 24/24 học phần có ít nhất một nội dung hoặc hoạt động học tập thể hiện định hướng phát triển năng lực, tạo giá trị thực tiễn hoặc trách nhiệm nghề nghiệp. [H3.03.01.01]; [H3.03.01.05]; [H3.03.01.06]; [H3.03.01.07]; [H3.03.01.08]; [H3.03.01.09]

b) Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của INU được diễn đạt rõ ràng và có khả năng chuyển hóa thành các yêu cầu cụ thể đối với đào tạo MBA. Sự chuyển hóa được thể hiện tương đối đồng bộ từ mục tiêu, chuẩn đầu ra đến nội dung, phương pháp dạy học và các hoạt động học tập gắn với bối cảnh doanh nghiệp.

c) Điểm tồn tại

Việc lượng hóa mức độ nhận biết triết lý giáo dục mới được triển khai rõ hơn từ năm 2026; dữ liệu theo chuỗi thời gian chưa dài và chưa đủ để phân tích xu hướng trong nhiều năm. Nhà trường cần tiếp tục duy trì đo lường định kỳ để bảo đảm tính ổn định của kết quả.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Duy trì đo lường mức độ nhận biết triết lý giáo dục theo chu kỳ, xây dựng dữ liệu theo chuỗi thời gian và sử dụng kết quả trong cải tiến dạy học.	Khoa QTKD; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2026–2027 và duy trì hằng năm

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lồng ghép triết lý giáo dục vào đề cương, phương pháp dạy học, sinh hoạt đầu khóa và hoạt động học tập gắn với doanh nghiệp.	Khoa QTKD; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

3.2. Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

a) Mô tả hiện trạng

Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026 được thiết kế theo tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra. Chương trình xác định 08 chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và 16 chỉ báo thành phần (PPC); ma trận PLO – học phần sử dụng mức độ I – P – M để thể hiện quá trình hình thành, phát triển và mức độ đạt năng lực. Bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy cho thấy mỗi PLO được hỗ trợ bởi các học phần có đóng góp xác định theo PPC và được gắn với phương pháp dạy học tương ứng. Ví dụ, PLO3 được phát triển qua các học phần chiến lược, marketing, quản trị nguồn nhân lực, tài chính, thương hiệu, truyền thông số, chuỗi cung ứng và dự án đầu tư; PLO6 được phát triển qua các học phần chiến lược, tài chính, tư vấn chiến lược, thương hiệu, chuỗi cung ứng, văn hóa khởi nghiệp, dự án đầu tư và Đề án tốt nghiệp. [H3.03.01.01]; [H3.03.02.01]; [H3.03.02.02]

Ở cấp học phần, đề cương xác định chuẩn đầu ra học phần (CLO), mối liên hệ với PLO/PPC, nội dung và tiến trình dạy học, hoạt động học tập, học liệu, công nghệ hỗ trợ, phương pháp kiểm tra – đánh giá và sản phẩm học tập. Bảng tổng hợp cho thấy các học phần sử dụng kết hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập phù hợp với đặc thù nội dung. Chẳng hạn, học phần Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý sử dụng dạy học dựa trên tình huống, giải quyết vấn đề và thảo luận nhóm; học phần Phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định có thực hành phần mềm và xử lý dữ liệu; học phần Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa kết hợp tình huống, thảo luận nhóm, đóng vai, mô phỏng và khách mời chuyên gia; Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp sử dụng dạy học qua dự án, hướng dẫn nghiên cứu và thực hành độc lập. [H3.03.01.05]; [H3.03.01.06]; [H3.03.02.03]

Rà soát toàn bộ 24 học phần của chương trình cho thấy 24/24 học phần có CLO liên kết với PLO/PPC; 24/24 học phần có hoạt động dạy học tương ứng với đặc điểm của CLO; 24/24 học phần có phương pháp đánh giá gắn với nội dung và kết quả học tập; 24/24 học phần có công cụ hoặc tiêu chí đánh giá phù hợp. [H3.03.02.04]; [H3.03.02.05]; [H3.03.01.09]

Nhà trường tổ chức hướng dẫn và tập huấn giảng viên về tiếp cận OBE, thiết kế CLO, lựa chọn phương pháp dạy học và kiểm tra – đánh giá theo chuẩn đầu ra, ứng dụng công nghệ số, đào tạo trực tuyến/kết hợp và bảo đảm liêm chính học thuật. Kết quả tổng hợp cho thấy 100% học phần MBA được rà soát theo chuỗi PLO – CLO/PPC – hoạt động dạy học – đánh giá và 100% học phần có ít nhất một hoạt động đánh giá trực tiếp gắn với CLO và PLO/PPC tương ứng. [H3.03.02.06]; [H3.03.02.07]; [H3.03.02.08]; [H3.03.02.09]

b) Điểm mạnh

Tiếp cận OBE được thể hiện nhất quán từ PLO, PPC đến CLO và hoạt động dạy học; phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp với đặc thù đào tạo quản trị ở trình độ thạc sĩ và định hướng ứng dụng.

c) Điểm tồn tại

Do chương trình có nhiều học phần với đặc điểm và phương thức tổ chức khác nhau, việc duy trì tính thống nhất trong thiết kế CLO, hoạt động dạy học và công cụ đánh giá cần được kiểm soát thường xuyên trong các chu kỳ cập nhật chương trình.

c) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát đồng bộ PLO–PPC/CLO–hoạt động dạy học–đánh giá của 24 học phần; chuẩn hóa các nội dung chưa thống nhất trong các chu kỳ cập nhật.	Khoa QTKD; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Viện Đào tạo sau đại học	2026–2027 và duy trì hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì tập huấn giảng viên về OBE, thiết kế CLO, phương pháp dạy học và đánh giá theo chuẩn đầu ra; tiếp tục rà soát ứng dụng công nghệ số, AI và đào tạo trực tuyến/kết hợp.	Khoa QTKD; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

3.3. Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.

a) Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học của MBA được tổ chức theo hướng tăng cường vai trò chủ động của học viên, chuyển từ tiếp nhận kiến thức sang vận dụng, phân tích, trao đổi, giải quyết vấn đề và tạo sản phẩm. Theo bảng tổng hợp phương pháp dạy học, các phương pháp được sử dụng gồm thuyết giảng chuyên sâu, phân tích tình huống kinh doanh, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm chuyên sâu, tranh biện học thuật, đóng vai và mô phỏng, học qua dự án, hướng dẫn nghiên cứu thực tế và thực hành phần mềm. Các phương pháp này được kết hợp với hoạt động nghiên cứu tài liệu, phân tích tình huống thực tiễn, xử lý dữ liệu, viết tiểu luận và báo cáo nghiên cứu, thực hành sắm vai, thực tập và trải nghiệm thực tế. [H3.03.01.01]; [H3.03.03.01]

Trong các học phần Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý, Phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định, Quản trị chiến lược nâng cao, Quản trị marketing nâng cao, Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa, Lãnh đạo tổ chức và các học phần chuyên ngành khác, học viên được tổ chức các hoạt động phân tích tình huống, thảo luận và làm việc nhóm, xử lý dữ liệu, thực hành phần mềm, viết tiểu luận, báo cáo nghiên cứu, dự án và phản biện. Đối với Chuyên đề thực tập thực tế, học viên nghiên cứu tài liệu, phân tích tình huống thực tiễn, viết báo cáo và thực tập, trải nghiệm thực tế; Đề án tốt nghiệp được thực hiện thông qua nghiên cứu, viết đề án và bảo vệ trước Hội đồng. Các hoạt động này góp phần phát triển phương pháp tự học, tự nghiên cứu và khả năng tiếp tục học tập sau khi hoàn thành chương trình. [H3.03.01.05]; [H3.03.01.06]; [H3.03.02.03]

Học liệu số và công nghệ được sử dụng để mở rộng không gian học tập ngoài lớp học. Đối với các hoạt động trực tuyến/kết hợp, học viên được giao nhiệm vụ, tương tác, nộp sản phẩm và nhận phản hồi; việc sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo được định hướng gắn với mục tiêu học tập, trách nhiệm của người học và yêu cầu liêm chính học thuật. Kết quả tổng hợp cho thấy 24/24 học phần có hoạt động học tập chủ động; 91% học viên tham gia đầy đủ các hoạt động tương tác, thảo luận, dự án hoặc nghiên cứu thực tế; 88% học

viên sử dụng học liệu số thường xuyên; 100% học phần có hoạt động tự học hoặc tự nghiên cứu ngoài giờ lên lớp. Các dữ liệu này cho thấy phương pháp dạy học đã tạo điều kiện để học viên chủ động tham gia, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề. [H3.03.03.02]; [H3.03.03.03]; [H3.03.03.04]; [H3.03.03.05]; [H3.03.01.09]

b) Điểm mạnh

Phương pháp dạy học của MBA chú trọng trải nghiệm, giải quyết vấn đề, thảo luận, dự án và nghiên cứu; phù hợp với đặc điểm học viên cao học và nhu cầu vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Điểm tồn tại

Mức độ tham gia của học viên ở các hình thức học tập khác nhau còn có sự khác biệt giữa các học phần; việc khai thác dữ liệu từ hệ thống quản lý học tập để phân tích sâu hành vi tự học và hiệu quả học tập trực tuyến/kết hợp cần tiếp tục được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	**Mục tiêu**	**Nội dung**	**Đơn vị, người thực hiện**	**Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành**
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khai thác dữ liệu hệ thống quản lý học tập để theo dõi mức độ tương tác, tự học, sử dụng học liệu số và hiệu quả học tập trực tuyến/kết hợp theo từng học phần.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Viện Đào tạo sau đại học	2026–2027 và duy trì hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng học tập theo vấn đề, tình huống, dự án, nghiên cứu thực tế và khai thác học liệu số; hướng dẫn sử dụng AI gắn với mục tiêu học tập và liêm chính học thuật.	Khoa Kinh tế; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

3.4. Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

a) Mô tả hiện trạng

MBA tích hợp nội dung đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong cấu trúc chương trình, nổi bật là học phần Văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Nội dung học tập giúp học viên nhận diện cơ hội, phân tích nhu cầu thị trường, hình thành và lựa chọn ý tưởng, xây dựng mô hình kinh doanh, đánh giá rủi ro và đề xuất phương án phát triển. Tinh thần đổi mới sáng tạo đồng thời được lồng ghép trong các học phần có nội dung chiến lược, dự án, marketing, quản trị công nghệ, chuyển đổi số và phát triển doanh nghiệp. [H3.03.01.01]; [H3.03.01.06]; [H3.03.03.01]

Hoạt động dạy và học của chương trình MBA được tổ chức theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa học tập, công việc thực tế và hệ sinh thái Intracom, thông qua các phương pháp như tình huống doanh nghiệp, tư duy thiết kế, giải quyết vấn đề, mô phỏng, học qua dự án, tranh biện và nghiên cứu thực tế. Bảng tổng hợp phương pháp dạy học cho thấy phương pháp học qua dự án, hướng dẫn nghiên cứu thực tế và báo cáo chuyên đề được sử dụng để hỗ trợ phát triển PLO6; các phương pháp phân tích tình huống, đóng vai và mô phỏng, thảo luận nhóm chuyên sâu và tranh biện được sử dụng để phát triển PLO5 và các năng lực quản trị liên quan. Trên cơ sở đó, người học được khuyến khích đưa các vấn đề, sáng kiến và nhu cầu cải tiến từ công việc đang thực hiện vào hoạt động học tập, thảo luận, nghiên cứu tình huống và dự án; đồng thời tạo ra các sản phẩm hoặc giải pháp như đề án kinh doanh, phương án đổi mới quy trình, giải pháp truyền thông số, phương án quản trị rủi ro, đề xuất mô hình kinh doanh và các giải pháp quản trị phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp. Các ý tưởng và kết quả hình thành trong quá trình học tập được khuyến khích vận dụng trở lại vào công việc, tạo sự kết nối hai chiều giữa học tập, thực tiễn và đổi mới sáng tạo. Thông qua việc kết nối với các đơn vị, chuyên gia, doanh nghiệp và các nguồn lực trong hệ sinh thái Intracom, người học có điều kiện chia sẻ tri thức, mở rộng hợp tác, tìm kiếm nguồn lực và tiếp tục hoàn thiện các ý tưởng theo hướng tạo giá trị thực tiễn. Qua đó, chương trình MBA góp phần hình thành môi trường học tập trong đó người học vừa học tập, vừa làm việc, vừa tham gia đồng sáng tạo và đóng góp vào sự phát triển của hệ sinh thái Intracom. [H3.03.01.06]; [H3.03.04.01]; [H3.03.04.02]

b) Điểm mạnh

Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp không chỉ được đề cập như nội dung lý thuyết mà được chuyển hóa thành hoạt động học tập tạo sản phẩm, gắn với vấn đề doanh nghiệp và nhu cầu thị trường; người học được khuyến khích đề xuất và bảo vệ giải pháp của mình.

c) Điểm tồn tại

Hoạt động theo dõi, kết nối và hỗ trợ người học tiếp tục hoàn thiện các ý tưởng sau học phần, đặc biệt thông qua việc kết nối với các đơn vị, chuyên gia và nguồn lực trong hệ sinh thái Intracom, chưa được thực hiện thường xuyên và có hệ thống, nên chưa phát huy đầy đủ khả năng hình thành các sáng kiến có giá trị lâu dài cho công việc và doanh nghiệp.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Theo dõi quá trình phát triển của ý tưởng, sáng kiến và sản phẩm sau học phần; xây dựng danh mục sản phẩm và cập nhật tình trạng tiếp tục hoàn thiện hoặc áp dụng.	Khoa QTKD; Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo	2026–2027 và duy trì hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường đánh giá sản phẩm học tập bởi chuyên gia/doanh nghiệp và tổ chức các hoạt động hỗ trợ học viên hoàn thiện ý tưởng có tiềm năng ứng dụng.	Khoa QTKD; Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo; chuyên gia/doanh nghiệp	Từ năm học 2026–2027

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

3.5. Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

a) Mô tả hiện trạng

INU thực hiện cải tiến chương trình theo chu trình thu thập thông tin, phân tích, tham vấn các bên liên quan, đối sánh, thẩm định, ban hành và theo dõi thực hiện. Đối với MBA 2026, quá trình cập nhật được thực hiện thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo, lấy ý kiến cán bộ/giảng viên, tham vấn các bên liên quan, lựa chọn chương trình đối sánh, thẩm

định và giải trình sau thẩm định. Đây là cơ sở để điều chỉnh nội dung và phương thức tổ chức dạy học theo yêu cầu của chương trình và bối cảnh quản trị hiện đại. [H3.03.05.01]; [H3.03.05.02]; [H3.03.05.03]; [H3.03.05.04]; [H3.03.05.05]

Kết quả rà soát năm 2026 đã dẫn đến những điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động dạy và học. Chương trình tăng cường định hướng ứng dụng; điều chỉnh cơ cấu thời lượng giữa Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp; cập nhật các học phần theo yêu cầu về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phân tích dữ liệu và năng lực quản trị; đồng thời điều chỉnh một số học phần để đáp ứng bối cảnh truyền thông số, xử lý khủng hoảng và khởi nghiệp. [H3.03.05.06]; [H3.03.01.01]; [H3.03.05.07]

Ở cấp học phần, cải tiến dạy học được thể hiện qua việc tăng cường tình huống, dữ liệu, dự án, thực tập và các nhiệm vụ giải quyết vấn đề. Bảng tổng hợp phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá cho thấy phương pháp đánh giá được lựa chọn phù hợp với phương pháp học tập và sản phẩm đầu ra của từng học phần: bảo vệ dự án/tiểu luận đối với các học phần định hướng dự án; đánh giá thực hành định lượng và phần mềm đối với học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao; đánh giá đồ án/kế hoạch kinh doanh và thuyết trình, phản biện đối với Quản trị marketing nâng cao; chấm báo cáo chuyên đề thực tập đối với Chuyên đề thực tập thực tế; và bảo vệ Đề án tốt nghiệp trước Hội đồng đối với học phần tốt nghiệp. Các phương thức này đồng thời tạo dữ liệu để giảng viên đánh giá mức độ đạt CLO và PLO, từ đó điều chỉnh nội dung, hoạt động học tập và phương pháp đánh giá. [H3.03.05.08]; [H3.03.01.07]; [H3.03.05.09]; [H3.03.01.09]

Phản hồi của các bên liên quan và kết quả đo lường chuẩn đầu ra được sử dụng trong chu trình cải tiến. Kết quả khảo sát 47 người trả lời năm 2026 cho thấy các ý kiến về tăng tính thực tiễn, năng lực số, đổi mới sáng tạo, truyền thông số, xử lý khủng hoảng, chuỗi cung ứng và năng lực lãnh đạo đã được phản ánh trong nội dung và phương pháp tổ chức dạy học. Việc sử dụng kết quả đo lường để điều chỉnh hoạt động dạy học cho thấy mối liên hệ giữa đánh giá kết quả học tập và cải tiến chương trình. [H3.03.01.03]; [H3.03.05.03]; [H3.03.05.10]

b) Điểm mạnh

MBA có chuỗi hồ sơ cải tiến tương đối đầy đủ từ rà soát, tham vấn, đối sánh, thẩm định đến giải trình và hoàn thiện; nội dung dạy học được điều chỉnh theo hướng tăng tính ứng dụng, gắn với bối cảnh doanh nghiệp và cập nhật các năng lực mới của nhà quản trị.

c) Điểm tồn tại

Việc phân tích tác động dài hạn của từng cải tiến đối với kết quả nghề nghiệp của cựu học viên cần tiếp tục được duy trì theo chu kỳ để tăng khả năng lượng hóa hiệu quả của chương trình sau tốt nghiệp.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thiết lập theo dõi trước–sau cải tiến và phân tích tác động dài hạn của các điều chỉnh dạy học đối với kết quả học tập, mức độ đạt PLO và kết quả nghề nghiệp của cựu học viên.	Khoa QTKD; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Viện Đào tạo sau đại học	2026–2027 và duy trì theo chu kỳ
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì chu trình rà soát – tham vấn – đối sánh – thẩm định – cải tiến, gắn phản hồi doanh nghiệp/cựu học viên với kết quả đo lường PLO và điều chỉnh hoạt động dạy học.	Khoa QTKD; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

Kết luận Tiêu chuẩn 3

Hoạt động dạy và học của chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được thiết kế và triển khai phù hợp với triết lý giáo dục của Trường Đại học Intracom, định hướng đào tạo ứng dụng và chuẩn đầu ra của chương trình. Triết lý giáo dục được phổ biến đến các bên liên quan và được chuyển tải vào nội dung, phương pháp và hoạt động học tập; hoạt động dạy và học được thiết kế theo tiếp cận chuẩn đầu ra, có sự liên kết giữa PLO, PPC, CLO, hoạt động học tập và đánh giá; phương pháp dạy học đa dạng, chú trọng học tập chủ động, tự học, tự nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số và phát triển năng lực học tập suốt đời. Chương trình đồng thời tạo điều kiện để học viên hình thành ý tưởng, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. Quá trình cải tiến được thực hiện trên cơ sở tham vấn các bên liên quan, đối sánh, thẩm định, kết quả học tập và đo lường chuẩn đầu ra. Một số nội dung về theo dõi dữ liệu dài hạn và tác động sau cải tiến cần tiếp tục được hoàn thiện. Tiêu chuẩn 3 gồm 05 tiêu chí, cả 05 tiêu chí được đánh giá Đạt.

4. Tiêu chuẩn 4 đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được thiết kế theo định hướng chuẩn đầu ra, phù hợp với đặc thù đào tạo thạc sĩ theo hướng ứng dụng. Các phương pháp đánh giá được lựa chọn đa dạng, gắn với PLO, PPC, CLO và đặc điểm của từng học phần; đồng thời có quy định, tiêu chí, quy trình phản hồi, phúc khảo và rà soát, cải tiến nhằm hỗ trợ người học đạt chuẩn đầu ra và vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản trị.

4.1 Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được tổ chức theo định hướng đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra, trong đó hoạt động đánh giá được thiết kế gắn với PLO, PPC, CLO và đặc điểm của từng học phần. Hồ sơ CTĐT và ma trận PLO–PPC–học phần–I/P/M là cơ sở để lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp với năng lực cần hình thành và phát triển. Bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá năm 2026 cho thấy các học phần được thiết kế với nhiều hình thức đánh giá khác nhau, từ đánh giá quá trình, bài tập, tiểu luận, thuyết trình, vấn đáp, phân tích tình huống đến xử lý dữ liệu, dự án, thực tập và đề án tốt nghiệp. [H4.04.01.01]; [H4.04.01.02]; [H4.04.01.03]; [H4.04.01.04]

Các phương pháp đánh giá được lựa chọn theo mức độ và tính chất của chuẩn đầu ra. Với các học phần có yêu cầu phân tích và xử lý dữ liệu như Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý, Mô hình hóa định lượng, người học được đánh giá thông qua phân tích tình huống, giải quyết vấn đề, thực hành dữ liệu, báo cáo nghiên cứu và bảo vệ sản phẩm. Với các học phần quản trị chiến lược, marketing, tài chính, quản trị nguồn nhân lực, tư vấn quản trị và lãnh đạo, đánh giá kết hợp tình huống doanh nghiệp, thảo luận nhóm, đóng vai/mô phỏng, dự án, báo cáo và thuyết trình, qua đó xem xét khả năng phân tích, ra quyết định và đề xuất giải pháp. Đối với Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp, đánh giá tập trung vào khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn để giải quyết vấn đề quản trị. [H4.04.01.05]; [H4.04.01.06]; [H4.04.01.07]; [H4.04.01.08]; [H4.04.01.09]; [H4.04.01.10]; [H4.04.01.11]; [H4.04.01.12]; [H4.04.01.13]; [H4.04.01.04]

Yêu cầu và hình thức đánh giá được thể hiện trong đề cương học phần, giúp người học biết trước nội dung, sản phẩm, tỷ trọng và cách thức thực hiện. Đối với các nhiệm vụ có sản phẩm như bài tập, tiểu luận, dự án, báo cáo thực tế và đề án, việc đánh giá được thực hiện theo tiêu chí phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ. Cách thiết kế này tạo điều kiện để người học chủ động chuẩn bị, đồng thời thể hiện rõ mối liên hệ giữa hoạt động học tập, sản phẩm đánh giá và chuẩn đầu ra. [H4.04.01.14]; [H4.04.01.03]; [H4.04.01.04]

b) Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá đa dạng, được lựa chọn phù hợp với đặc điểm học phần và định hướng ứng dụng của MBA; kết hợp đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, năng lực làm việc nhóm, xử lý dữ liệu, giải quyết vấn đề và khả năng vận dụng vào bối cảnh doanh nghiệp.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp dữ liệu về mức độ sử dụng từng phương pháp đánh giá và mức độ phù hợp giữa phương pháp đánh giá với từng nhóm PLO/CLO chưa được hình thành thành một bộ chỉ báo thống nhất cho toàn CTĐT.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	**Mục tiêu**	**Nội dung**	**Đơn vị, người thực hiện**	**Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành**
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát danh mục phương pháp đánh giá theo từng PLO/CLO, xác định mức độ phù hợp và chuẩn hóa trong các đề cương học phần.	Khoa/CTĐT; Phòng Khảo thí và ĐBCL	2026–2027
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì đa dạng phương pháp đánh giá, tăng cường đánh giá sản phẩm ứng dụng, phân tích tình huống, xử lý dữ liệu và đề án.	Khoa/CTĐT; Giảng viên	Hằng năm

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

4.2. Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

a) Mô tả hiện trạng

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của học viên MBA được thực hiện trong khuôn khổ các quy định đào tạo, kiểm tra, đánh giá và phúc khảo của Nhà trường, đồng thời được cụ thể hóa trong đề cương từng học phần. Các yêu cầu về hình thức, thành phần đánh giá, sản phẩm học tập và nguyên tắc thực hiện tạo cơ sở thống nhất cho giảng viên và học viên. Các yêu cầu về liêm chính học thuật được lồng ghép trong tổ chức dạy học và đánh giá, phù hợp với đào tạo trình độ thạc sĩ. [H4.04.02.01]; [H4.04.02.02]; [H4.04.01.01]; [H4.04.02.03]

Thông tin về hình thức đánh giá, tỷ trọng các thành phần, yêu cầu đối với sản phẩm và cách thức thực hiện được cung cấp thông qua đề cương học phần và các kênh tổ chức đào tạo. Việc công bố yêu cầu đánh giá từ đầu học phần giúp học viên chủ động xây dựng kế hoạch học tập và chuẩn bị sản phẩm. Trong quá trình triển khai, giảng viên thực hiện đánh giá theo yêu cầu đã được xác định trong đề cương, góp phần duy trì sự nhất quán giữa thông tin cung cấp và hoạt động thực tế. [H4.04.01.14]; [H4.04.02.04]; [H4.04.02.05]; [H4.04.01.04]

Quy trình phúc khảo kết quả học tập được thực hiện theo quy định chung của Nhà trường, xác định việc tiếp nhận, xem xét và xử lý yêu cầu của người học. Cơ chế này tạo điều kiện để học viên phản hồi đối với kết quả đánh giá khi có nhu cầu và góp phần bảo đảm tính minh bạch trong quản lý kết quả học tập. [H4.04.02.06]; [H4.04.02.07]; [H4.04.02.08]

b) Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá và phúc khảo được đặt trong hệ thống quản lý đào tạo chung và được cụ thể hóa tại từng học phần, giúp học viên có thông tin tương đối rõ ràng về yêu cầu đánh giá ngay từ đầu quá trình học tập.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp phản hồi riêng của học viên MBA về mức độ tiếp cận, hiểu và thực hiện các quy định đánh giá, phúc khảo cần được thực hiện thường xuyên hơn.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường khảo sát học viên về mức độ tiếp cận và hiểu quy định đánh giá, phúc khảo; chuẩn hóa kênh công bố thông tin.	Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và ĐBCL; Khoa/CTĐT	Từ 2026–2027
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc thống nhất quy định và quy trình đánh giá giữa các học phần, cập nhật khi có quy định mới.	Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thường xuyên

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

4.3. Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

a) Mô tả hiện trạng

Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được thực hiện theo hệ thống quy định đào tạo của Nhà trường và được cụ thể hóa trong Bản mô tả CTĐT năm 2026. Chương trình gồm các học phần, Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp; kết quả của các hoạt động này được tổng hợp làm căn cứ xác định mức độ hoàn thành chương trình và điều kiện xét tốt nghiệp. [H4.04.01.01]; [H4.04.02.01]; [H4.04.03.01]; [H4.04.03.02]

Người học được cung cấp thông tin về yêu cầu học tập, điều kiện hoàn thành chương trình, yêu cầu đối với Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp thông qua tài liệu CTĐT, đề cương học phần và hướng dẫn học viên. Đối với các hoạt động cuối khóa, yêu cầu về sản phẩm, tiến độ và đánh giá được thể hiện trong tài liệu hướng dẫn, giúp học viên chủ động chuẩn bị và hoàn thành các yêu cầu trước khi xét công nhận kết quả và tốt nghiệp. [H4.04.03.03]; [H4.04.03.04]; [H4.04.03.05]; [H4.04.03.06]

Việc xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình quản lý đào tạo của Nhà trường, có sự phối hợp giữa đơn vị phụ trách đào tạo, khoa/chương

trình và các đơn vị chức năng. Kết quả được tổng hợp trên cơ sở các kết quả đã được đánh giá trong từng học phần và các hoạt động cuối khóa, tạo cơ sở để kiểm tra điều kiện hoàn thành chương trình và xét tốt nghiệp theo quy định. [H4.04.02.01]; [H4.04.03.07]; [H4.04.03.08]; [H4.04.03.09]

b) Điểm mạnh

Quy trình đánh giá được tổ chức xuyên suốt từ học phần đến thực tập, đề án tốt nghiệp và xét tốt nghiệp; các hoạt động cuối khóa có yêu cầu và hình thức đánh giá riêng, phù hợp với định hướng ứng dụng của chương trình.

c) Điểm tồn tại

Việc số hóa và liên kết đồng bộ hồ sơ đánh giá, công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp cần tiếp tục được hoàn thiện để thuận tiện cho việc quản lý và theo dõi.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục số hóa và liên kết hồ sơ đánh giá, công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp để thuận tiện quản lý, kiểm tra.	Phòng Đào tạo; Khoa/CTĐT; Phòng Khảo thí và ĐBCL	2026–2027
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì quy trình xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp theo kế hoạch đào tạo và quy định hiện hành.	Phòng Đào tạo; Khoa/CTĐT	Hằng năm

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

4.4 Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

a) Mô tả hiện trạng

Các phương pháp đánh giá của CTĐT MBA được thể hiện trong đề cương học phần và ma trận PLO–PPC–học phần–I/P/M. Đối với từng nhiệm vụ đánh giá, yêu cầu và tiêu

chí chấm được xác định phù hợp với sản phẩm cần thực hiện; các hoạt động như thuyết trình, phân tích tình huống, dự án, báo cáo nghiên cứu, thực tập và Đề án tốt nghiệp có tiêu chí đánh giá tương ứng. Việc sử dụng rubric, biểu mẫu, đáp án và thang điểm ở các hoạt động phù hợp góp phần làm rõ yêu cầu đối với người học và hỗ trợ giảng viên đánh giá thống nhất. [H4.04.01.02]; [H4.04.01.03]; [H4.04.01.01]; [H4.04.04.01]; [H4.04.04.02]; [H4.04.04.03]

Bảng tổng hợp phương pháp kiểm tra, đánh giá cho thấy các hình thức đánh giá được phân bố theo đặc điểm học phần: bài luận, thảo luận và thuyết trình đối với các học phần thiên về phân tích; thực hành dữ liệu và báo cáo nghiên cứu đối với học phần định lượng; dự án, kế hoạch kinh doanh và phản biện đối với các học phần có yêu cầu vận dụng; báo cáo thực tập và bảo vệ trước Hội đồng đối với các hoạt động cuối khóa. Sự đa dạng này tạo điều kiện đánh giá nhiều dạng năng lực và hạn chế việc phụ thuộc vào một hình thức đánh giá duy nhất. [H4.04.04.04]; [H4.04.04.05]; [H4.04.04.06]

Việc chuẩn hóa công cụ, rubric, đáp án và thang điểm được xem là nội dung cần duy trì trong quản lý chất lượng đánh giá, nhằm hạn chế sự khác biệt không cần thiết giữa các học phần và tăng tính minh bạch, công bằng đối với học viên. Việc tiếp tục rà soát các công cụ đánh giá đại diện sẽ tạo cơ sở để nhận diện những điểm cần điều chỉnh trong các chu kỳ tiếp theo. [H4.04.01.02]; [H4.04.01.03]; [H4.04.04.07]; [H4.04.04.03]

b) Điểm mạnh

Có ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra và phương pháp đánh giá; nhiều công cụ đánh giá được thiết kế theo đặc điểm sản phẩm học tập, góp phần tăng tính minh bạch và phù hợp của hoạt động đánh giá.

c) Điểm tồn tại

Mức độ chuẩn hóa rubric, đáp án, thang điểm và hồ sơ kiểm soát chất lượng công cụ đánh giá giữa các học phần cần tiếp tục được duy trì và hoàn thiện.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chuẩn hóa mẫu rubric, đáp án và thang điểm đối với các nhóm sản phẩm đánh giá chủ yếu; rà soát công cụ đại diện giữa các học phần.	Phòng Khảo thí và ĐBCL; Khoa/CTĐT	2026–2027
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường sử dụng tiêu chí đánh giá công khai và phản hồi theo sản phẩm học tập, dự án và đề án.	Giảng viên; Khoa/CTĐT	Hằng năm

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

4.5. Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT MBA đã xây dựng nền tảng để đo lường chuẩn đầu ra thông qua mối liên hệ giữa PLO, PPC, học phần, CLO và phương pháp đánh giá. Ma trận PLO–PPC–học phần–I/P/M cho thấy các năng lực được phân bổ và phát triển qua các học phần; bảng tổng hợp phương pháp kiểm tra, đánh giá cho thấy các nhiệm vụ đánh giá được lựa chọn tương ứng với năng lực cần hình thành, như phân tích tình huống, xử lý dữ liệu, dự án, báo cáo nghiên cứu, thực tập và Đề án tốt nghiệp. [H4.04.01.02]; [H4.04.01.03]; [H4.04.01.01]; [H4.04.04.04]; [H4.04.05.01]

Chuỗi liên kết PLO–PPC/CLO–phương pháp dạy học–phương pháp đánh giá tạo cơ sở để tổng hợp kết quả học tập theo chuẩn đầu ra chương trình. Các học phần đóng góp vào những PLO khác nhau theo mức độ được xác định trong ma trận; các hoạt động cuối khóa như Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp tiếp tục tạo cơ hội để người học vận dụng tổng hợp các năng lực đã hình thành. Cách thiết kế này giúp hoạt động đánh giá được đặt trong toàn bộ quá trình đào tạo thay vì chỉ tập trung vào một thời điểm cuối chương trình. [H4.04.05.02]; [H4.04.05.03]; [H4.04.05.04]; [H4.04.05.05]

Các học phần của chương trình MBA sử dụng đa dạng sản phẩm và hình thức đánh giá để thu thập kết quả học tập, phù hợp với nội dung học phần và các chuẩn đầu ra cần đạt. Đối với các học phần có yêu cầu phân tích, xử lý dữ liệu và ra quyết định quản trị, kết

quả đánh giá được thể hiện thông qua bài tập thực hành, phân tích tình huống, xử lý dữ liệu, báo cáo nghiên cứu và các sản phẩm ứng dụng. Đối với các học phần phát triển năng lực quản trị, chiến lược và giải quyết vấn đề, người học được đánh giá thông qua bài viết, thảo luận, thuyết trình, nghiên cứu tình huống, dự án, đề án hoặc sản phẩm đề xuất giải pháp. Đối với Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp, kết quả đánh giá được thể hiện thông qua báo cáo thực tập, tiến độ nghiên cứu, sản phẩm dự án và bảo vệ trước Hội đồng; trong đó Đề án tốt nghiệp tạo điều kiện để người học vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và năng lực quản trị đã hình thành trong chương trình để phân tích, đề xuất và giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp. Qua các sản phẩm đánh giá này, chương trình có cơ sở xem xét mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần và từng bước tổng hợp thông tin phục vụ đánh giá chuẩn đầu ra chương trình. [H4.04.04.05]; [H4.04.05.06]; [H4.04.05.07]; [H4.04.05.08]; [H4.04.05.09]

b) Điểm mạnh

Hệ thống thiết kế đánh giá đã hình thành mối liên kết từ PLO đến học phần, CLO và phương pháp đánh giá; các hoạt động thực tập và Đề án tốt nghiệp tạo điều kiện để tổ chức đo lường năng lực vận dụng ở giai đoạn cuối chương trình.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp kết quả đo lường PLO từ dữ liệu thực tế của người học theo từng khóa cần tiếp tục được chuẩn hóa để tăng khả năng sử dụng kết quả đánh giá cho cải tiến.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hoàn thiện hệ thống đo CLO/PI/PLO; xác định các bài đánh giá trực tiếp dùng để tổng hợp PLO, phân tích kết quả theo chu kỳ và sử dụng kết quả cho cải tiến.	Phòng Khảo thí và ĐBCL; Khoa/CTĐT	2026–2027 và định kỳ
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát mối liên kết PLO, CLO và phương pháp đánh giá trước mỗi chu kỳ cập nhật CTĐT.	Khoa/CTĐT; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Định kỳ

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

4.6. Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.

a) Mô tả hiện trạng

Phản hồi kết quả học tập được thực hiện thông qua quá trình công bố kết quả đánh giá, nhận xét của giảng viên đối với các nhiệm vụ học tập và trao đổi trong quá trình học tập. Đối với các sản phẩm như bài tập, tiểu luận, thuyết trình, dự án, báo cáo thực tế và Đề án tốt nghiệp, phản hồi giúp học viên nhận diện điểm mạnh, hạn chế và điều chỉnh nội dung, phương pháp hoặc sản phẩm trước các mốc đánh giá tiếp theo. [H4.04.06.01]; [H4.04.06.02]; [H4.04.06.03]; [H4.04.06.04]

Việc công bố kết quả học tập được thực hiện theo quy định của Nhà trường; người học có kênh tiếp nhận thông tin, trao đổi về kết quả và thực hiện quyền phúc khảo khi có nhu cầu. Đối với những nhiệm vụ học tập có tính phát triển sản phẩm, phản hồi trong quá trình thực hiện có ý nghĩa trực tiếp trong việc giúp học viên hoàn thiện kết quả trước khi đánh giá cuối cùng. [H4.04.06.05]; [H4.04.06.06]; [H4.04.06.03]; [H4.04.06.07]

Cơ chế phản hồi tạo thành mối liên hệ giữa đánh giá, thông báo kết quả và điều chỉnh quá trình học tập. Việc tiếp tục chuẩn hóa hồ sơ thể hiện thời điểm phản hồi và việc người học sử dụng phản hồi sẽ làm rõ hơn tác động của hoạt động này đối với kết quả học tập. [H4.04.06.08]; [H4.04.06.09]; [H4.04.06.10]; [H4.04.06.11]

b) Điểm mạnh

Phản hồi được tích hợp vào quá trình đánh giá, không chỉ dừng ở việc công bố điểm cuối cùng; đối với các sản phẩm cần hoàn thiện, phản hồi của giảng viên có thể hỗ trợ trực tiếp cho quá trình học tập và cải thiện sản phẩm.

c) Điểm tồn tại

Hồ sơ thể hiện thời điểm phản hồi và mức độ người học sử dụng phản hồi để cải thiện kết quả học tập chưa được tổng hợp thường xuyên theo một bộ chỉ báo thống nhất.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chuẩn hóa hồ sơ thể hiện thời điểm phản hồi và mức độ người học sử dụng phản hồi; tổng hợp kết quả để cải tiến hoạt động phản hồi.	Khoa/CTĐT; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì phản hồi trực tiếp trên sản phẩm và tăng cường phản hồi định hướng cải thiện.	Giảng viên; Khoa/CTĐT	Thường xuyên

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

4.7. Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

a) Mô tả hiện trạng

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của MBA được rà soát trong quá trình cập nhật CTĐT năm 2026. Việc điều chỉnh chương trình theo hướng tăng tính thực hành, gắn với dữ liệu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị trong bối cảnh biến động và giải quyết vấn đề doanh nghiệp kéo theo yêu cầu rà soát phương pháp và công cụ đánh giá. Bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá năm 2026 cho thấy phương pháp đánh giá đã được thiết kế theo đặc điểm học phần và năng lực cần phát triển, bao gồm thực hành dữ liệu, tình huống doanh nghiệp, dự án, báo cáo nghiên cứu, thực tập và bảo vệ Đề án tốt nghiệp. [H4.04.07.01]; [H4.04.07.02]; [H4.04.01.04]

Ý kiến của giảng viên, chuyên gia, người sử dụng lao động, cựu học viên và học viên được sử dụng làm đầu vào cho quá trình cập nhật CTĐT. Các nội dung về tăng tính ứng dụng, kỹ năng dữ liệu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, truyền thông số, quản trị khủng hoảng, chuỗi cung ứng và giải quyết vấn đề thực tiễn được phản ánh trong các học phần và yêu cầu đánh giá. Qua đó, hoạt động đánh giá được điều chỉnh theo hướng xem xét rõ hơn khả năng phân tích, vận dụng và đề xuất giải pháp của học viên trong bối cảnh doanh nghiệp. [H4.04.07.03]; [H4.04.07.04]; [H4.04.07.05]; [H4.04.07.06]; [H4.04.01.04]

Việc rà soát ma trận PLO–PPC–học phần–I/P/M, các đề cương và phương pháp đánh giá tạo cơ sở nhận diện những nội dung cần tiếp tục chuẩn hóa về mối liên hệ giữa CLO,

PLO và nhiệm vụ đánh giá. Trong các chu kỳ tiếp theo, kết quả đo CLO/PLO, phản hồi của người học và các bên liên quan cần được sử dụng thường xuyên hơn để điều chỉnh công cụ đánh giá và theo dõi tác động của cải tiến. [H4.04.01.02]; [H4.04.01.03]; [H4.04.07.07]; [H4.04.07.08]

Hoạt động cải tiến được tiếp tục theo chu trình rà soát – điều chỉnh – triển khai – theo dõi kết quả. Trọng tâm giai đoạn tiếp theo là hoàn thiện dữ liệu đo PLO, chuẩn hóa công cụ đánh giá, tăng cường lưu hồ sơ phản hồi và sử dụng kết quả đánh giá làm đầu vào cho cải tiến CTĐT. Việc theo dõi kết quả sau mỗi lần điều chỉnh sẽ giúp xác định mức độ phù hợp của phương pháp và công cụ đánh giá với chuẩn đầu ra và nhu cầu của các bên liên quan. [H4.04.07.09]; [H4.04.07.10]; [H4.04.07.11]; [H4.04.07.12]

b) Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá được đặt trong chu trình rà soát và cải tiến CTĐT, có sự tham gia của các bên liên quan; việc cập nhật phương pháp đánh giá được gắn với định hướng ứng dụng, nhu cầu thực tiễn và những thay đổi trong chuẩn đầu ra, nội dung chương trình.

c) Điểm tồn tại

Cần tiếp tục hoàn thiện chuỗi minh chứng từ kết quả đánh giá thực tế đến quyết định điều chỉnh công cụ đánh giá và kết quả sau cải tiến, đặc biệt đối với dữ liệu đo PLO ở cấp CTĐT.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	**Mục tiêu**	**Nội dung**	**Đơn vị, người thực hiện**	**Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành**
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thiết lập hồ sơ cải tiến riêng cho hoạt động đánh giá, gồm kết quả rà soát, quyết định điều chỉnh, triển khai và đánh giá sau cải tiến.	Khoa/CTĐT; Phòng Khảo thí và ĐBCL	2026–2027 và định kỳ
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật phương pháp đánh giá theo yêu cầu của CTĐT, thị trường lao động, chuyển đổi số và phản hồi các bên liên quan.	Khoa/CTĐT; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Theo chu kỳ rà soát CTĐT

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

Kết luận Tiêu chuẩn 4

CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh có hệ thống đánh giá kết quả học tập được thiết kế theo định hướng chuẩn đầu ra, sử dụng đa dạng phương pháp phù hợp với đặc điểm học phần và định hướng ứng dụng; các quy định, quy trình đánh giá, phúc khảo, công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp được triển khai trong hệ thống quản lý đào tạo. Hoạt động đánh giá đã được đưa vào quá trình rà soát và cải tiến CTĐT năm 2026, có sự tham gia của các bên liên quan. Riêng Tiêu chí 4.5 là tiêu chí điều kiện, tại thời điểm hoàn thiện báo cáo chưa có đầy đủ dữ liệu đo CLO/PI/PLO và bằng chứng sử dụng kết quả đo để cải tiến, do đó chưa đủ cơ sở kết luận Đạt. Trên cơ sở các nội dung và minh chứng đã mô tả, Tiêu chuẩn 4 được tự đánh giá với 07 tiêu chí Đạt

5. Tiêu chuẩn 5: đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Tiêu chuẩn 5 tập trung đánh giá đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh về kế hoạch phát triển, số lượng và chất lượng, năng lực, phân công nhiệm vụ, phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ, đào tạo – bồi dưỡng và quản lý chất lượng công việc. Việc mô tả được thực hiện trên cơ sở xem xét yêu cầu của CTĐT, đặc thù đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng và cách thức Nhà trường, Khoa Kinh tế tổ chức quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ.

5.1. Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng và triển khai các chính sách, quy định và kế hoạch phát triển đội ngũ gắn với định hướng phát triển của Nhà trường, vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện các chương trình đào tạo. Các nội dung về tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp được thực hiện trong cùng hệ thống quản lý đội ngũ, tạo cơ sở để các đơn vị rà soát nhu cầu nhân lực theo quy mô và yêu cầu đào tạo. [H5.05.01.01]; [H5.05.01.02]; [H5.05.01.03]; [H5.05.01.04]

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế rà soát đội ngũ trên cơ sở yêu cầu chuyên môn của từng học phần, hoạt động nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học viên và yêu cầu gắn đào tạo với thực tiễn. Việc xem xét trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực của giảng viên là căn cứ để bố trí nhân sự và đề xuất tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng khi cần thiết. [H5.05.01.05]

Bảng 5.1. Các căn cứ xác định nhu cầu và cơ cấu đội ngũ tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chỉ tiêu làm căn cứ xác định nhu cầu đội ngũ	Số liệu CTĐT 2026	Ý nghĩa đối với phát triển đội ngũ
Tổng khối lượng CTĐT	60 tín chỉ	Căn cứ xác định quy mô và nguồn lực giảng dạy
Tổng số học phần	24 học phần	Căn cứ xác định độ phủ chuyên môn theo học phần
Bắt buộc / tự chọn	51 / 9 tín chỉ	Cần bảo đảm giảng viên cho nhóm học phần cốt lõi và lựa chọn
Giờ lý thuyết / thực hành	675 / 715 giờ	Căn cứ phân bổ khối lượng giảng dạy và hoạt động ứng dụng
Thực tập và tốt nghiệp	12 tín chỉ	Cần đội ngũ phù hợp cho thực tập, nghiên cứu và hướng dẫn tốt nghiệp
Đề án tốt nghiệp	9 tín chỉ	Cần giảng viên có năng lực chuyên môn và nghiên cứu phù hợp để hướng dẫn

Bảng 5.2. Cơ cấu đội ngũ tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Nhóm đội ngũ	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Vai trò chính trong CTĐT
Giáo sư	2	2,6	Giảng dạy chuyên sâu, tham gia nghiên cứu và định hướng chuyên môn
Phó Giáo sư	13	16,9	Giảng dạy, nghiên cứu, hướng dẫn tốt nghiệp
Tiến sĩ	62	80,5	Đội ngũ nòng cốt giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp
Trình độ khác	0	0	Bổ trợ các học phần phù hợp theo quy định
Tổng số giảng viên tham gia CTĐT	77	100%	Đáp ứng các hoạt động giảng dạy, NCKH và hướng dẫn

b) Điểm mạnh

Theo định hướng phát triển đội ngũ đối với đào tạo trình độ thạc sĩ, đội ngũ nòng cốt của CTĐT được chú trọng về trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và khả năng hướng

dẫn học viên thực hiện Đề án tốt nghiệp. Đối với CTĐT định hướng ứng dụng như Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Nhà trường đồng thời có thể huy động giảng viên, chuyên gia có kinh nghiệm nghề nghiệp, quản lý hoặc thực tiễn phù hợp để tăng cường tính ứng dụng của chương trình, trên cơ sở bảo đảm yêu cầu chuyên môn của học phần và CTĐT.

Thông tin về đội ngũ được tổng hợp và cập nhật để phục vụ rà soát quy mô, cơ cấu và nhu cầu phát triển. Kết quả rà soát là căn cứ để điều chỉnh phân công, đề xuất bổ sung nhân sự hoặc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng khi quy mô, nội dung hoặc yêu cầu của CTĐT thay đổi.

c) Điểm tồn tại

Các chỉ tiêu định lượng về quy mô, cơ cấu, tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ riêng cho CTĐT cần tiếp tục được khóa theo từng giai đoạn và cập nhật hằng năm.

d) Kế hoạch hành động

Bảng 5.3. Kế hoạch cải tiến và phát huy điểm mạnh về đội ngũ

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Cập nhật và khóa dữ liệu đội ngũ tham gia CTĐT theo học vị, chuyên môn, học phần phụ trách và năng lực hướng dẫn tốt nghiệp; rà soát kế hoạch phát triển đội ngũ hằng năm gắn với quy mô, cơ cấu học phần, nghiên cứu khoa học và yêu cầu ứng dụng của CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát định kỳ sự phù hợp của đội ngũ với quy mô, cấu trúc học phần và yêu cầu thực hiện CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	2026–2030

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.2. Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

a) Mô tả hiện trạng

Đội ngũ giảng viên tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được theo dõi về số lượng, trình độ, chuyên môn, hình thức tham gia và nhiệm vụ được giao. Việc phân công được thực hiện trên cơ sở kế hoạch đào tạo, yêu cầu của từng học phần và năng lực của

giảng viên, đồng thời bảo đảm có nhân sự phù hợp cho hoạt động hướng dẫn học viên và Đề án tốt nghiệp. [H5.05.02.01]; [H5.05.02.02]; [H5.05.02.03]; [H5.05.02.04]

Quy định chế độ làm việc của giảng viên quy định thời gian làm việc trong năm học là 44 tuần, tương đương 1.760 giờ hành chính. Thời gian làm việc bao gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, hướng dẫn người học và tốt nghiệp, xây dựng chương trình và học liệu, sinh hoạt chuyên môn, hội nghị, công tác quản lý, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ khác được giao. Quy định này tạo cơ sở để Nhà trường và đơn vị quản lý xem xét, phân bổ và cân đối khối lượng công việc của giảng viên. [H5.05.02.05]

Giờ chuẩn giảng dạy được sử dụng để quy đổi khối lượng giảng dạy; tổng khối lượng công việc của giảng viên được xác định từ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được sử dụng trong đánh giá, xếp loại và xem xét thi đua, khen thưởng. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, thông tin về khối lượng công việc được sử dụng cùng kế hoạch đào tạo để rà soát sự cân đối trong phân công và điều chỉnh nguồn lực khi cần thiết. [H5.05.02.06]; [H5.05.02.07]; [H5.05.02.02]; [H5.05.02.08]

Bảng 5.4. Các nội dung và chỉ số theo dõi đội ngũ tham gia CTĐT

Nội dung theo dõi	Chỉ số/số liệu cần tổng hợp	Cách sử dụng kết quả
Số lượng và cơ cấu đội ngũ	Tổng số GV; GS/PGS/TS/ThS; cơ hữu/khác; chuyên môn phù hợp	Đối chiếu nhu cầu CTĐT và đề xuất tuyển dụng/bổ sung
Khối lượng giảng dạy	Học phần; giờ chuẩn thực tế; giờ vượt/thiếu định mức; hướng dẫn tốt nghiệp	Cân đối phân công, điều chỉnh khối lượng và làm căn cứ đánh giá
Nghiên cứu khoa học	Số nhiệm vụ/sản phẩm nghiên cứu của GV tham gia CTĐT	Gắn nghiên cứu với giảng dạy và phát triển chuyên môn
Hướng dẫn tốt nghiệp	Số GV hướng dẫn; số học viên/giảng viên; lĩnh vực hướng dẫn	Bảo đảm phù hợp chuyên môn và phân bổ hợp lý
Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Kết quả đánh giá hằng năm; mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Làm căn cứ bồi dưỡng, phân công và phát triển đội ngũ
Cân đối công việc	Giảng dạy – NCKH – hoạt động chuyên môn/phục vụ cộng đồng	Nhận diện quá tải/thiếu tải và điều chỉnh phân công

Việc theo dõi số lượng, chất lượng và nhu cầu phát triển đội ngũ đã được thực hiện gắn với kế hoạch đào tạo.

b) Điểm mạnh

Việc xác định và quản lý khối lượng công việc được thực hiện theo quy định thống nhất của Nhà trường, đồng thời có sự gắn kết giữa yêu cầu của CTĐT, kế hoạch đào tạo và năng lực của giảng viên, góp phần bảo đảm phân công công việc phù hợp và sử dụng hiệu quả đội ngũ tham gia CTĐT.

c) Điểm tồn tại

Dữ liệu về số lượng, chất lượng và khối lượng công việc của đội ngũ tham gia riêng CTĐT cần tiếp tục được chuẩn hóa, cập nhật theo năm học và phân tích ở cấp CTĐT.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa bảng theo dõi số lượng, trình độ, giờ giảng, hướng dẫn tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ khác của giảng viên tham gia CTĐT; rà soát sự cân đối giữa các nhóm nhiệm vụ theo học kỳ và tổng hợp hằng năm.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng Tổ chức nhân sự	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát định kỳ sự phù hợp của đội ngũ với quy mô, cấu trúc học phần và yêu cầu thực hiện CTĐT.	Khoa Kinh tế	Mỗi học kỳ

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.3. Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định yêu cầu về năng lực giảng viên thông qua chuẩn năng lực và các yêu cầu gắn với vị trí việc làm. Đối với giảng viên, yêu cầu về trình độ, chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin và các yêu cầu chuyên môn khác được sử dụng làm cơ sở cho tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đánh giá và phát triển đội ngũ. [H5.05.03.01]; [H5.05.03.02]; [H5.05.03.03]

Đánh giá năng lực được gắn với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Nội dung đánh giá bao quát những yêu cầu phù hợp với vị trí và nhiệm vụ được giao, qua đó hỗ trợ nhận diện điểm cần phát huy, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và định hướng phát triển chuyên môn. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, kết quả đánh giá được xem xét khi bố trí giảng

viên theo học phần, nhiệm vụ nghiên cứu và hướng dẫn học viên. [H5.05.03.04]; [H5.05.03.05]; [H5.05.03.06]

Việc thông tin kết quả đánh giá năng lực đến giảng viên và các cá nhân/đơn vị có liên quan trực tiếp được thực hiện theo quy định đánh giá, xếp loại và quy trình quản lý đội ngũ. Hồ sơ trực tiếp về việc thông tin kết quả đánh giá cho từng giảng viên cần được lưu cùng hồ sơ đánh giá để làm căn cứ kiểm chứng.

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã xác định các yêu cầu về năng lực và có cơ chế đánh giá đội ngũ; Khoa Kinh tế gắn việc xem xét năng lực với yêu cầu chuyên môn của CTĐT.

c) Điểm tồn tại

Hồ sơ năng lực theo từng giảng viên và mối liên hệ giữa kết quả đánh giá với kế hoạch phát triển cá nhân cần tiếp tục được chuẩn hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa hồ sơ năng lực của giảng viên tham gia CTĐT và liên kết kết quả đánh giá với kế hoạch phát triển cá nhân; duy trì sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ phân công và bồi dưỡng.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc rà soát, sử dụng kết quả đánh giá và dữ liệu đội ngũ để phân công, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ phù hợp với yêu cầu CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.4. Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.

a) Mô tả hiện trạng

Việc phân công giảng dạy được thực hiện căn cứ vào trình độ chuyên môn, học vị, lĩnh vực được đào tạo, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu của từng học phần. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế rà soát sự phù hợp giữa giảng viên và học phần trước khi phân công; việc hướng dẫn Đề án tốt nghiệp được xem xét trên cơ sở chuyên

môn, năng lực nghiên cứu và khả năng hỗ trợ học viên giải quyết các vấn đề thực tiễn. [H5.05.02.02]; [H5.05.04.01]; [H5.05.04.02]; [H5.05.04.03]

Phân công nhiệm vụ được thể hiện trong kế hoạch đào tạo, bảng phân công giảng dạy và hồ sơ hướng dẫn tốt nghiệp. Quy định chế độ làm việc đồng thời yêu cầu cân đối giữa giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Khi có thay đổi về đội ngũ, học phần hoặc khối lượng nhiệm vụ, đơn vị phụ trách CTĐT rà soát và điều chỉnh phân công phù hợp. [H5.05.02.06]; [H5.05.02.03]; [H5.05.02.02]

b) Điểm mạnh

Nguyên tắc phân công theo trình độ, chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm được áp dụng trong tổ chức đào tạo.

c) Điểm tồn tại

Bảng đối chiếu giảng viên – học phần – chuyên môn – kinh nghiệm cần tiếp tục được chuẩn hóa và cập nhật trước mỗi năm học.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Duy trì và cập nhật bảng đối chiếu giảng viên – học phần – chuyên môn – kinh nghiệm trước mỗi năm học; sử dụng kết quả rà soát để điều chỉnh phân công khi cần.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát sự phù hợp giữa chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm của giảng viên với từng học phần và nhiệm vụ hướng dẫn; sử dụng kết quả rà soát để phân công hợp lý.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.5. Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện tuyển dụng, đánh giá, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ theo các quy định, tiêu chuẩn đã ban hành. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, năng lực chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp được xem xét trong quá trình quản lý và phát triển nghề nghiệp.

Đối với Khoa Kinh tế, yêu cầu phát triển đội ngũ được gắn với việc duy trì và nâng cao năng lực chuyên môn, nghiên cứu, giảng dạy sau đại học và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với định hướng ứng dụng của CTĐT. [H5.05.05.01]; [H5.05.05.02]; [H5.05.05.03]

Quy định chế độ làm việc xác định việc đánh giá, xếp loại và khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Theo đó, kết quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn là căn cứ để đánh giá, ghi nhận thành tích và xem xét phát triển đội ngũ. Đối với bổ nhiệm, thăng hạng và quy hoạch, các hồ sơ chuyên môn và hồ sơ đánh giá được sử dụng theo quy định riêng của Nhà trường. [H5.05.02.06]; [H5.05.05.04]; [H5.05.05.05]

b) Điểm mạnh

Nhà trường có quy định về đánh giá và cơ chế sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quản lý, ghi nhận thành tích và phát triển đội ngũ.

c) Điểm tồn tại

Lộ trình phát triển nghề nghiệp và kế hoạch đội ngũ kế cận đối với một số lĩnh vực chuyên môn sâu của CTĐT cần tiếp tục được cụ thể hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Cụ thể hóa lộ trình phát triển nghề nghiệp và kế hoạch đội ngũ kế cận ở các lĩnh vực chuyên môn sâu; tiếp tục sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ cho phát triển đội ngũ.	Phòng Tổ chức nhân sự; Khoa Kinh tế	2026–2030
Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc sử dụng kết quả đánh giá và thành tích chuyên môn làm căn cứ phát triển nghề nghiệp, ghi nhận và xây dựng đội ngũ kế cận.	Phòng Tổ chức nhân sự; Khoa Kinh tế	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.6. Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên trong hệ thống quy định nội bộ. Quy định chế độ làm việc nêu rõ các nhiệm vụ về giảng dạy, đánh giá người học, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, hướng dẫn người học, tham gia

xây dựng và phát triển chương trình, biên soạn học liệu, sinh hoạt chuyên môn, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ khác được giao; đồng thời quy định quyền tham gia hoạt động chuyên môn, nghiên cứu, hợp tác và các quyền lợi theo quy định. [H5.05.01.01]

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, giảng viên thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, đánh giá người học, tham gia xây dựng và phát triển CTĐT, biên soạn học liệu, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học viên và các hoạt động chuyên môn khác theo phân công. Các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ được triển khai thông qua văn bản quản lý, kế hoạch đào tạo, sinh hoạt chuyên môn và phân công nhiệm vụ. [H5.05.06.01]; [H5.05.02.03]; [H5.05.06.02]; [H5.05.06.03]; [H5.05.06.04]

b) Điểm mạnh

Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên được xác định trong hệ thống quy định và được triển khai trong hoạt động của Khoa.

c) Điểm tồn tại

Quá trình phổ biến, tiếp nhận phản hồi và cập nhật thông tin về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên cần tiếp tục được chuẩn hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa hồ sơ phổ biến, tiếp nhận phản hồi và cập nhật thông tin về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên; thực hiện rà soát hằng năm.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì phổ biến đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ; cập nhật kịp thời khi có thay đổi.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.7. Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn là một nội dung trong quản lý đội ngũ. Nhu cầu được xem xét từ vị trí việc làm, chuẩn năng lực, nhiệm vụ được giao, kết quả đánh giá và định hướng phát triển nghề nghiệp. Quy định chế độ làm

việc cũng xác định việc học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và phát triển chuyên môn là một phần trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của giảng viên. [H5.05.02.06]; [H5.05.07.01]; [H5.05.07.02]

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, nhu cầu bồi dưỡng được định hướng theo yêu cầu của vị trí việc làm và đặc thù đào tạo thạc sĩ, gồm cập nhật chuyên môn quản trị kinh doanh, phương pháp giảng dạy và đánh giá ở trình độ sau đại học, năng lực nghiên cứu và công bố, năng lực hướng dẫn Đề án tốt nghiệp, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong dạy học và nghiên cứu, đồng thời cập nhật kinh nghiệm thực tiễn quản lý và kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với định hướng ứng dụng của CTĐT. Kết quả triển khai thực tế được thể hiện qua kế hoạch, báo cáo và hồ sơ tham gia bồi dưỡng. [H5.05.07.03]; [H5.05.07.04]; [H5.05.07.05]

b) Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được xác định trên cơ sở vị trí việc làm, chuẩn năng lực, nhiệm vụ và định hướng phát triển; nội dung bồi dưỡng có gắn với yêu cầu của đào tạo thạc sĩ.

c) Điểm tồn tại

Việc đánh giá mức độ vận dụng kết quả đào tạo – bồi dưỡng vào giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn học viên cần được theo dõi rõ hơn.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Tăng cường đánh giá việc vận dụng kết quả đào tạo – bồi dưỡng vào giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn học viên; ưu tiên các nội dung gắn với định hướng ứng dụng của CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì kế hoạch đào tạo – bồi dưỡng gắn với vị trí việc làm, chuẩn năng lực, nhiệm vụ và nhu cầu phát triển của CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.8. Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện đánh giá kết quả công việc của giảng viên trên cơ sở nhiệm vụ được giao và yêu cầu của vị trí việc làm. Nội dung đánh giá bao gồm hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Quy định chế độ làm việc đồng thời quy định hoạt động dự giờ và đánh giá giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng, cải tiến phương pháp và năng lực chuyên môn của giảng viên; các tiêu chí xem xét gồm kế hoạch/đề cương học phần, nội dung và phương pháp, tổ chức lớp học và tương tác, học liệu và công nghệ, mức độ đạt mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra. [H5.05.02.06]; [H5.05.08.01]; [H5.05.08.02]

Kết quả đánh giá được sử dụng để góp ý, hỗ trợ giảng viên cải tiến phương pháp, đánh giá chất lượng giảng dạy và phục vụ công tác bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cũng được sử dụng trong đánh giá hằng năm, ghi nhận thành tích, thi đua – khen thưởng và xác định nhu cầu phát triển đội ngũ. Việc sử dụng kết quả ở cấp CTĐT để điều chỉnh phân công, bồi dưỡng và cải tiến chất lượng được thực hiện trên cơ sở hồ sơ phân công, kế hoạch bồi dưỡng và các hồ sơ liên quan; cần tiếp tục chuẩn hóa việc tổng hợp các kết quả này ở cấp CTĐT. [H5.05.08.03]; [H5.05.08.04]; [H5.05.08.05]; [H5.05.08.06]; [H5.05.08.07]; [H5.05.08.08]; [H5.05.08.09]

b) Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên được gắn với đánh giá hằng năm, ghi nhận thành tích, khen thưởng và phát triển đội ngũ.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp, phân tích xu hướng kết quả đánh giá qua các năm và sử dụng dữ liệu ở cấp CTĐT cần tiếp tục được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian

Cải tiến điểm tồn tại	Tăng cường phân tích xu hướng kết quả đánh giá ở cấp CTĐT và sử dụng dữ liệu để điều chỉnh phân công, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ; duy trì việc ghi nhận, khen thưởng theo quy định.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự; Phòng KT&ĐBCL	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì dự giờ, đánh giá giảng dạy, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và sử dụng kết quả cho cải tiến, thi đua – khen thưởng.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự; Phòng KT&ĐBCL	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 5

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được quản lý và phát triển theo các quy định của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu đào tạo định hướng ứng dụng. Việc phân công nhiệm vụ được xem xét theo trình độ, chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm; khối lượng công việc, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, đào tạo – bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp được đặt trong cùng hệ thống quản lý đội ngũ.

Tiêu chuẩn 5 gồm 08 tiêu chí; cả 08 tiêu chí được tự đánh giá: Đạt.

6. Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học

Mở đầu

Các dịch vụ hỗ trợ người học của Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được triển khai trong hệ thống dịch vụ hỗ trợ chung của Trường Đại học Intracom và được cụ thể hóa phù hợp với đặc điểm của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng. Các hoạt động hỗ trợ bao gồm tuyển sinh, nhập học, tư vấn học tập, quản lý quá trình học tập, cung cấp học liệu và dịch vụ thư viện, hỗ trợ học tập trực tuyến, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, thực hiện Đề án tốt nghiệp, phát triển nghề nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác.

6.1. Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của CTĐT; được công bố công khai và được cập nhật.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành, đồng thời căn cứ vào yêu cầu của từng chương trình đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, thông tin tuyển sinh xác định rõ ngành đào tạo, đối tượng và điều kiện dự tuyển, yêu cầu về văn bằng, ngoại ngữ, học bổ sung kiến thức đối

với các trường hợp cần thiết, hồ sơ đăng ký, thời gian và phương thức tuyển sinh. Các yêu cầu đầu vào được xác định phù hợp với đặc điểm của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh và tạo cơ sở để lựa chọn người học có nền tảng phù hợp với yêu cầu của chương trình. [H6.06.01.01]; [H6.06.01.02]; [H6.06.01.03]

Thông tin tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và các kênh thông tin phù hợp, trong đó cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, thời gian đào tạo, khối lượng chương trình, hình thức đào tạo, điều kiện dự tuyển, hồ sơ và thông tin liên hệ. Việc công khai thông tin giúp người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và chuẩn bị hồ sơ dự tuyển. [H6.06.01.04]; [H6.06.01.05]

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo kế hoạch và có sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan. Khoa Kinh tế tham gia giới thiệu CTĐT, nội dung chuyên môn, kế hoạch học tập và giải đáp các vấn đề liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh; đơn vị quản lý đào tạo sau đại học thực hiện các nội dung về tiếp nhận hồ sơ, tổ chức tuyển sinh, nhập học và quản lý người học. [H6.06.01.06]; [H6.06.01.07]; [H6.06.01.08]

Hằng năm, công tác tuyển sinh được rà soát trên cơ sở kết quả thực hiện, phản hồi của các bên liên quan và yêu cầu phát triển của chương trình. Các nội dung về điều kiện tuyển sinh, phương thức cung cấp thông tin và quy trình thực hiện được cập nhật khi có thay đổi về quy định hoặc yêu cầu của chương trình. [H6.06.01.09]; [H6.06.01.10]; [H6.06.01.11]; [H6.06.01.12]

Bảng 6.1.1. Số liệu tuyển sinh và quy mô học viên QTKD

Chỉ tiêu	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**	**2026**
Quy mô học viên đang học (người)	8	8	0	0	24
Số học viên nhập học trong năm (người)	0	0	0	0	25

b) Điểm mạnh

Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được xác định rõ, công khai và phù hợp với đặc điểm của chương trình; thông tin tuyển

sinh được cung cấp đầy đủ, tạo điều kiện để người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

c) Điểm tồn tại

Việc phân tích sâu hơn mối liên hệ giữa đặc điểm đầu vào của người học, kết quả tuyển sinh và kết quả học tập của học viên theo từng khóa cần tiếp tục được thực hiện thường xuyên để cung cấp thêm cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách tuyển sinh.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu tuyển sinh theo từng khóa, phân tích đặc điểm đầu vào và đối chiếu với kết quả học tập để làm cơ sở điều chỉnh chính sách và phương thức tuyển sinh.	Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa Kinh tế, Phòng Đào tạo	Hằng năm từ 2026
Phát huy điểm mạnh	Duy trì công khai, cập nhật đầy đủ thông tin tuyển sinh và tăng cường tư vấn trực tiếp, trực tuyến cho thí sinh.	Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa Kinh tế, Phòng Truyền thông	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.2. Tiêu chí 6.2 Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định yêu cầu về năng lực đối với đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ thông qua quy định về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, bản mô tả công việc và các quy định về tuyển dụng, đánh giá viên chức, người lao động. Các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng hỗ trợ người học được xác định phù hợp với từng vị trí. [H6.06.02.01]; [H6.06.02.02]; [H6.06.02.03]

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bởi các đơn vị có chức năng phù hợp, gồm đơn vị quản lý đào tạo sau đại học, Khoa Kinh tế và các đơn vị hỗ trợ về thư viện, công nghệ thông tin, công tác người học và các

hoạt động nghề nghiệp. Việc phân công nhiệm vụ căn cứ vào chức năng của đơn vị, yêu cầu công việc và năng lực của từng cá nhân, bảo đảm các hoạt động hỗ trợ người học được thực hiện thống nhất và liên tục. [H6.06.01.07]; [H6.06.02.04]; [H6.06.02.05]

Đối với các dịch vụ hỗ trợ đào tạo trực tuyến, đội ngũ được phân công thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý hệ thống, hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn người học khai thác học liệu và sử dụng các nền tảng phục vụ học tập. Việc bố trí đội ngũ hỗ trợ phù hợp với hình thức đào tạo kết hợp trực tiếp và trực tuyến của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. [H6.06.02.06]; [H6.06.02.07]; [H6.06.02.08]

Năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ hỗ trợ được đánh giá định kỳ. Kết quả đánh giá được sử dụng để xem xét việc phân công nhiệm vụ, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và cải tiến chất lượng cung cấp dịch vụ. Ý kiến phản hồi của người học được sử dụng như một nguồn thông tin trong quá trình đánh giá và điều chỉnh hoạt động hỗ trợ. [H6.06.02.09]; [H6.06.02.10]; [H6.06.02.11]; [H6.06.02.12]

b) Điểm mạnh

Đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được phân công theo chức năng, vị trí việc làm và năng lực; có sự phối hợp giữa đơn vị quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế và các đơn vị chức năng, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ người học trong cả đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp dữ liệu đánh giá năng lực và mức độ đáp ứng của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ riêng cho CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh cần tiếp tục được chuẩn hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng hồ sơ theo dõi đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ CTĐT, gắn năng lực, nhiệm vụ, kết quả đánh giá và phản hồi của người học.	Viện Đào tạo Sau đại học, Phòng Tổ chức nhân sự, Khoa Kinh tế	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì phân công hỗ trợ theo chức năng và năng lực; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng hỗ trợ người học và ứng dụng công nghệ số.	Các đơn vị liên quan	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.3. Tiêu chí 6.3 Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với các dịch vụ hỗ trợ người học gắn với định hướng phát triển và kế hoạch đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, các dịch vụ hỗ trợ được triển khai theo từng giai đoạn của quá trình học tập, từ tuyển sinh, nhập học, tổ chức học tập, nghiên cứu khoa học đến thực hiện và bảo vệ Đề án tốt nghiệp. [H6.06.03.01]; [H6.06.03.02]; [H6.06.01.03]

Kế hoạch tổ chức Khóa 06 xác định các nội dung hỗ trợ ngay từ đầu khóa, gồm giới thiệu chương trình, kế hoạch học tập, quy định đào tạo, dịch vụ thư viện, học liệu điện tử và giải đáp thắc mắc của học viên. Việc cung cấp thông tin và hướng dẫn ngay từ đầu khóa giúp người học hiểu rõ yêu cầu của chương trình và chủ động xây dựng kế hoạch học tập. [H6.06.01.07]; [H6.06.03.03]; [H6.06.03.04]

Trong quá trình đào tạo, các dịch vụ hỗ trợ được triển khai theo tiến độ của chương trình, bao gồm tư vấn học tập, hỗ trợ học liệu, thư viện, nghiên cứu khoa học, lựa chọn và thực hiện Đề án tốt nghiệp, hướng nghiệp và kết nối thực tiễn. Khoa Kinh tế phối hợp với các đơn vị chức năng để hỗ trợ học viên giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu. [H6.06.03.02]; [H6.06.03.05]; [H6.06.03.06]; [H6.06.03.07]

Nhà trường chú trọng phát triển các dịch vụ hỗ trợ học tập và nghiên cứu trên nền tảng số. Học viên được cung cấp quyền tiếp cận hệ thống học tập trực tuyến, thư viện số và các nguồn học liệu phục vụ học tập, nghiên cứu. Việc kết hợp các hình thức hỗ trợ trực tiếp và trực tuyến tạo điều kiện để học viên vừa học vừa làm có thể tiếp cận dịch vụ hỗ trợ phù hợp với điều kiện cá nhân. [H6.06.03.08]; [H6.06.03.09]; [H6.06.03.10]; [H6.06.03.11]; [H6.06.03.12]

Bên cạnh các dịch vụ học thuật, Nhà trường triển khai các hoạt động thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và kết nối doanh nghiệp. Các hoạt động này tạo điều kiện để học viên Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý, phát triển năng lực nghề nghiệp và mở rộng kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp. [H6.06.03.13]

b) Điểm mạnh

Các dịch vụ hỗ trợ người học được triển khai theo tiến trình đào tạo, có sự phối hợp giữa các đơn vị và bao quát cả hỗ trợ học tập, nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp, học liệu số và phát triển nghề nghiệp.

c) Điểm tồn tại

Việc tích hợp toàn bộ các dịch vụ hỗ trợ thành một kế hoạch thống nhất ở cấp CTĐT, kèm theo chỉ tiêu và kết quả thực hiện của từng dịch vụ, cần tiếp tục được hoàn thiện.

d*) Kế hoạch hành động*

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng danh mục dịch vụ hỗ trợ người học của CTĐT, xác định đầu mối, thời gian cung cấp, chỉ tiêu và kết quả thực hiện đối với từng dịch vụ.	Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa Kinh tế	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì hệ thống hỗ trợ học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp; tăng cường hỗ trợ trên nền tảng số.	Các đơn vị liên quan	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.4. Tiêu chí 6.4 Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường vận hành hệ thống quản lý đào tạo để quản lý quá trình học tập của người học, bao gồm đăng ký học phần, kế hoạch học tập, lịch học, kết quả học tập và tiến độ hoàn thành chương trình. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, dữ liệu học tập được quản lý theo từng học phần và từng giai đoạn của chương trình, tạo cơ sở để theo dõi khối lượng tín chỉ đã hoàn thành và các yêu cầu còn lại của người học. [H6.06.04.01]; [H6.06.04.02]; [H6.06.02.08]

Việc theo dõi tiến độ học tập được thực hiện với sự phối hợp giữa đơn vị quản lý đào tạo sau đại học, Khoa Kinh tế, giảng viên và người hướng dẫn Đề án tốt nghiệp. Trách nhiệm của các đơn vị được xác định trong quy định và kế hoạch đào tạo, qua đó bảo đảm thông tin về tiến độ học tập được cập nhật và xử lý kịp thời. [H6.06.04.03]; [H6.06.03.02]; [H6.06.04.04]

Kết quả học tập, lịch học và các thông tin liên quan được cung cấp cho người học thông qua hệ thống quản lý đào tạo và các kênh thông tin chính thức của Nhà trường. Người học có thể chủ động theo dõi kết quả, kế hoạch học tập và các mốc thực hiện chương trình. [H6.06.04.01]; [H6.06.04.05]; [H6.06.04.06]

Trên cơ sở dữ liệu về tiến độ và kết quả học tập, Nhà trường và Khoa Kinh tế thực hiện rà soát những trường hợp có nguy cơ chậm tiến độ hoặc gặp khó khăn trong học tập để có biện pháp tư vấn, hỗ trợ phù hợp. Đối với học viên thực hiện Đề án tốt nghiệp, tiến độ được theo dõi theo các mốc đăng ký, thực hiện, hoàn thành và bảo vệ đề án. [H6.06.04.07]; [H6.06.04.08]; [H6.06.04.09]; [H6.06.03.05]; [H6.06.04.10]

b) Điểm mạnh

Hệ thống quản lý đào tạo hỗ trợ theo dõi tương đối đầy đủ quá trình học tập; trách nhiệm của các đơn vị được phân công rõ và có cơ chế phối hợp trong việc theo dõi, phản hồi và hỗ trợ người học.

c) Điểm tồn tại

Việc khai thác dữ liệu tiến độ học tập để phân tích xu hướng và xây dựng các báo cáo riêng phục vụ cảnh báo sớm ở cấp CTĐT cần tiếp tục được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa các chỉ số theo dõi tiến độ, xây dựng danh sách cảnh báo và hồ sơ hỗ trợ đối với người học có nguy cơ chậm tiến độ.	Viện Đào tạo Sau đại học, Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế	Từ 2026–2027

Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật dữ liệu học tập và phản hồi kịp thời cho người học thông qua hệ thống quản lý đào tạo.	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.5. Tiêu chí 6.5 Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh triển khai hoạt động tư vấn học tập phù hợp với từng giai đoạn của chương trình. Ngay từ đầu khóa, học viên được giới thiệu về mục tiêu, cấu trúc, nội dung chương trình, kế hoạch học tập, quy định đào tạo và các dịch vụ hỗ trợ. Trong quá trình học tập, Khoa Kinh tế và đơn vị quản lý đào tạo sau đại học tư vấn cho học viên về lựa chọn học phần, tiến độ học tập, nghiên cứu và thực hiện Đề án tốt nghiệp. [H6.06.01.07]; [H6.06.05.01]; [H6.06.03.02]; [H6.06.05.02]

Đối với hoạt động nghiên cứu và Đề án tốt nghiệp, học viên được tư vấn lựa chọn hướng nghiên cứu, xác định đề tài và được giảng viên hướng dẫn trong quá trình thực hiện. Việc phân công người hướng dẫn căn cứ vào chuyên môn, kinh nghiệm và nội dung nghiên cứu, qua đó hỗ trợ người học vận dụng kiến thức quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề thực tiễn. [H6.06.05.03]; [H6.06.05.04]; [H6.06.03.05]; [H6.06.05.05]

Nhà trường đồng thời triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và kết nối doanh nghiệp. Đối với học viên Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, các hoạt động này góp phần mở rộng trải nghiệm thực tiễn, tăng cường năng lực phân tích và giải quyết vấn đề quản lý, đồng thời hỗ trợ người học phát triển các mối quan hệ nghề nghiệp. [H6.06.05.06]; [H6.06.05.07]; [H6.06.05.08]; [H6.06.05.09]; [H6.06.05.10]

CTĐT được tổ chức theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến, do đó các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện thông qua cả hình thức trực tiếp và nền tảng số. MS Teams và hệ thống LMS được sử dụng để trao đổi, cung cấp học liệu, hỗ trợ học tập và tương tác giữa người học với giảng viên. [H6.06.03.09]; [H6.06.03.08]; [H6.06.03.10]; [H6.06.03.11]; [H6.06.05.11]

Thông tin về các hoạt động tư vấn, học liệu, thư viện, hoạt động nghiên cứu, hướng nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ được cung cấp thông qua các kênh thông tin của Nhà trường và các đơn vị liên quan. Người học được hướng dẫn cách tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngay từ đầu khóa và trong quá trình học tập. [H6.06.05.12]; [H6.06.04.05]; [H6.06.05.13]; [H6.06.05.14]; [H6.06.05.15]

b) Điểm mạnh

Hoạt động tư vấn được tổ chức xuyên suốt quá trình học tập, đặc biệt chú trọng tư vấn học tập, nghiên cứu và Đề án tốt nghiệp; đồng thời có sự kết hợp giữa tư vấn trực tiếp và trực tuyến, phù hợp với đặc điểm học viên thạc sĩ vừa học vừa làm.

c) Điểm tồn tại

Việc lượng hóa mức độ tham gia và hiệu quả của từng hoạt động tư vấn, hỗ trợ nghề nghiệp và kết nối thực tiễn đối với học viên của CTĐT cần tiếp tục được hoàn thiện.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Theo dõi số lượng học viên tham gia tư vấn, mức độ hài lòng và kết quả hỗ trợ; tổng hợp định kỳ để cải tiến hoạt động.	Khoa Kinh tế, Viện Đào tạo Sau đại học	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tư vấn nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp, kết nối chuyên gia, doanh nghiệp và các hoạt động phát triển nghề nghiệp.	Khoa Kinh tế, Viện Khoa học Công nghệ, Viện Doanh nhân	2026–2030

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.6. Tiêu chí 6.6 Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi, rà soát kết quả thực hiện và tổng hợp những vấn đề phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ý kiến của học viên được thu thập đối với các nội dung liên quan đến tuyển sinh, tư vấn học tập, quản

lý đào tạo, học liệu, thư viện, hỗ trợ trực tuyến và các dịch vụ khác. [H6.06.06.01]; [H6.06.06.02]; [H6.06.06.03]; [H6.06.02.12]

Kết quả đánh giá được tổng hợp, phân tích và thông tin đến các đơn vị liên quan để xác định những nội dung cần duy trì và những nội dung cần cải tiến. Khoa Kinh tế phối hợp với đơn vị quản lý đào tạo và các đơn vị chức năng xem xét phản hồi của người học, từ đó điều chỉnh nội dung tư vấn, phương thức hỗ trợ và cách thức cung cấp dịch vụ phù hợp hơn với nhu cầu của học viên. [H6.06.06.04]; [H6.06.06.05]; [H6.06.06.06]

Việc đánh giá dịch vụ hỗ trợ được thực hiện định kỳ và gắn với chu kỳ rà soát, cải tiến của chương trình. Các nội dung được quan tâm gồm mức độ tiếp cận dịch vụ, tính kịp thời, mức độ đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu, hiệu quả tư vấn và mức độ hài lòng của người học. Kết quả đánh giá là một trong những căn cứ để xây dựng kế hoạch cải tiến cho năm học tiếp theo. [H6.06.06.07]; [H6.06.06.08]; [H6.06.06.09]

Nhà trường từng bước tăng cường đối sánh các dịch vụ hỗ trợ với yêu cầu của chương trình, nhu cầu người học và kinh nghiệm của các cơ sở giáo dục có chương trình đào tạo tương đồng. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, kết quả đối sánh được sử dụng để xác định các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện, đặc biệt về dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, học liệu số, tư vấn học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

Kết quả đánh giá, phản hồi và đối sánh được sử dụng để điều chỉnh hoạt động hỗ trợ trong các giai đoạn tiếp theo. Các nội dung cải tiến được phân công cho đơn vị phụ trách, xác định thời gian thực hiện và theo dõi kết quả, qua đó hình thành chu trình cải tiến liên tục đối với dịch vụ hỗ trợ người học.

b) Điểm mạnh

Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá thông qua phản hồi và rà soát định kỳ; kết quả đánh giá được sử dụng để xác định nội dung cần cải tiến và phân công trách nhiệm thực hiện.

c) Điểm tồn tại

Hoạt động đối sánh và lượng hóa tác động của các cải tiến đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ riêng của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh cần tiếp tục được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng bộ chỉ số đánh giá dịch vụ hỗ trợ riêng của CTĐT; thực hiện đối sánh và theo dõi kết quả trước – sau cải tiến.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa Kinh tế	Từ 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì khảo sát phản hồi định kỳ và sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh dịch vụ hỗ trợ người học.	Các đơn vị liên quan	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 6

Các dịch vụ hỗ trợ người học của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được triển khai trong hệ thống quản lý và hỗ trợ chung của Trường Đại học Intracom, đồng thời được cụ thể hóa phù hợp với đặc điểm của chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng. Các dịch vụ được tổ chức tương đối đầy đủ từ tuyển sinh, nhập học, tư vấn học tập, quản lý tiến độ, cung cấp học liệu và thư viện, hỗ trợ học tập trực tuyến đến hỗ trợ nghiên cứu, thực hiện Đề án tốt nghiệp và phát triển nghề nghiệp.

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo chính sách và quy trình thống nhất, thông tin được công khai và cập nhật. Trong quá trình đào tạo, Nhà trường và Khoa Kinh tế có sự phối hợp trong tư vấn, quản lý tiến độ học tập và hỗ trợ học viên thực hiện Đề án tốt nghiệp. Các dịch vụ học liệu, thư viện, học tập trực tuyến và hỗ trợ nghiên cứu được triển khai phù hợp với đặc điểm của học viên thạc sĩ vừa học vừa làm.

Tiêu chuẩn 6 gồm 06 tiêu chí. Cả 06 tiêu chí được tự đánh giá: Đạt.

7. Tiêu chuẩn 7 cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Nhà trường tổ chức và quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, học liệu, công nghệ thông tin và các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ người học. Đối với Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, các nguồn lực này được khai thác theo đặc thù của đào tạo sau đại học và định hướng ứng dụng, trong đó tập trung vào phòng học, không

gian thảo luận và làm việc nhóm, nguồn học liệu chuyên ngành, hạ tầng số, thiết bị trình chiếu, máy tính, Internet và các điều kiện phục vụ phân tích dữ liệu, nghiên cứu ứng dụng và thực hiện Đề án tốt nghiệp.

7.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng

a) Mô tả hiện trạng

Hệ thống phòng học và phòng chức năng của Nhà trường được bố trí phục vụ các hoạt động đào tạo, quản lý, nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối với doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng. Việc sử dụng phòng học được thực hiện theo kế hoạch đào tạo, bảo đảm các lớp học có không gian và thiết bị phục vụ giảng dạy.

Bảng 7.1.1. Một số chỉ số cơ sở vật chất cấp cơ sở giáo dục phục vụ đào tạo

Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả
Diện tích đất/người học	m²/người học	78,03
Diện tích sàn/người học	m²/người học	4,33
Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	%	87,4
Phòng máy tính tập trung	phòng	02
Máy tính phục vụ thực hành	máy	gần 200

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, không gian học tập được sử dụng cho các hoạt động đặc thù của đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng như thảo luận chuyên sâu, phân tích tình huống, phân tích dữ liệu, làm việc nhóm, trình bày, phản biện, nghiên cứu ứng dụng và thực hiện Đề án tốt nghiệp. Các phòng học được trang bị phương tiện trình chiếu, âm thanh và kết nối cần thiết cho hoạt động dạy – học.

Quy mô và lịch sử dụng phòng học được gắn với kế hoạch đào tạo của CTĐT. Khi tổ chức các học phần có hoạt động nhóm, thuyết trình hoặc học tập kết hợp, việc bố trí phòng được điều chỉnh theo tính chất hoạt động và số lượng học viên. [H7.07.01.01]; [H7.07.01.02]; [H7.07.01.03]; [H7.07.01.04]; [H7.07.01.05]

Bảng 7.1.2. Cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ các nhóm hoạt động thực hành của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Nhóm hoạt động	Cơ sở vật chất/thiết bị	Cách khai thác trong CTĐT
Phân tích định lượng và ra quyết định quản trị	Phòng máy tính, Internet, máy chiếu/màn hình, phần mềm thống kê	Thực hành xử lý dữ liệu kinh doanh, sử dụng công cụ phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định, trực quan hóa và diễn giải kết quả để hỗ trợ ra quyết định quản trị.
Phân tích chiến lược kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	Phòng học, thiết bị trình chiếu, Internet	Phân tích tình huống kinh doanh, đánh giá lựa chọn chiến lược; thảo luận, xây dựng báo cáo phân tích và trình bày khuyến nghị quản trị.
Lập kế hoạch và đánh giá dự án đầu tư, kinh doanh	Phòng học/phòng họp, thiết bị trình chiếu, Internet	Thực hành xây dựng kế hoạch, phân tích phương án, đánh giá dự án đầu tư và trình bày, phản biện giải pháp.
Quản trị đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số doanh nghiệp	Phòng máy tính, Internet, nền tảng số và các công cụ công nghệ thông tin	Khai thác dữ liệu và công cụ số để phân tích mô hình kinh doanh, hoạt động đổi mới sáng tạo và hỗ trợ giải quyết các vấn đề quản trị doanh nghiệp.
Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp	Thư viện, thư viện số, phòng máy tính, Internet, phần mềm xử lý dữ liệu	Tra cứu học liệu, thực hiện nghiên cứu ứng dụng và thực tập thực tế, thu thập và xử lý dữ liệu, hoàn thiện Đề án tốt nghiệp và trình bày kết quả trước hội đồng.

Thiết bị được kiểm kê, bảo trì và cập nhật theo kế hoạch. Khoa Kinh tế phối hợp với giảng viên rà soát yêu cầu sử dụng phòng học, phòng máy, thiết bị, phần mềm và nền tảng số trong đề cương học phần; việc bố trí nguồn lực được thực hiện theo kế hoạch đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, các nguồn lực này tập trung hỗ trợ phân tích dữ liệu, phân tích chính sách, lập kế hoạch và đánh giá chương trình/dự án, nghiên cứu ứng dụng và thực hiện Đề án tốt nghiệp. [H7.07.01.06]

b) Điểm mạnh

- Hệ thống phòng học và phòng chức năng được quản lý tập trung, có thể điều phối theo kế hoạch đào tạo.

- Cơ sở vật chất phù hợp với đặc thù đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng và phương pháp học tập tương tác.

- Việc phân bổ phòng gắn với kế hoạch đào tạo, tạo điều kiện cho hoạt động nhóm, trình bày và nghiên cứu ứng dụng.

c) Điểm tồn tại

- Cần tiếp tục cập nhật dữ liệu sử dụng phòng học theo quy mô từng lớp Quản trị kinh doanh và nhu cầu của từng loại hoạt động học tập.

- Cần duy trì dữ liệu về tình trạng thiết bị và kết quả bảo trì theo từng khu vực sử dụng.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Cập nhật danh mục phòng học, phòng chức năng và thiết bị phục vụ CTĐT; đánh giá mức độ phù hợp của phòng học với phương pháp dạy học Quản trị kinh doanh.	Khoa Kinh tế; đơn vị quản lý cơ sở vật chất; Phòng Đào tạo	Hằng năm / mỗi học kỳ
Phát huy điểm mạnh	Duy trì bảo trì định kỳ và bổ sung, thay thế thiết bị theo mức độ ưu tiên và nhu cầu của CTĐT.	Đơn vị quản lý cơ sở vật chất; CNTT; Khoa Kinh tế	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.2. Tiêu chí 7.2 Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên

a) Mô tả hiện trạng

Đặc thù của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh là đào tạo theo định hướng ứng dụng; chương trình không yêu cầu hệ thống phòng thí nghiệm chuyên ngành như các chương trình khoa học kỹ thuật. Nhu cầu thực hành của chương trình chủ yếu được thực hiện thông qua phòng học có thiết bị trình chiếu, máy tính, Internet, phần mềm xử lý dữ liệu, công cụ phân tích và các nền tảng số.

Các học phần như Phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định, Quản trị chiến lược nâng cao, Quản trị doanh nghiệp khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, Quản trị dự án đầu tư nâng cao và Đề án tốt nghiệp có nhu cầu sử dụng dữ liệu, công cụ số, trình bày và phân tích kết quả. Trang thiết bị và phần mềm được lựa chọn theo yêu cầu của học phần và nhiệm vụ học tập.

Giảng viên và học viên được khai thác các thiết bị, nền tảng và phần mềm theo quy định sử dụng của Nhà trường. Các thiết bị được kiểm kê, bảo trì và cập nhật nhằm duy trì khả năng phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Việc khai thác trang thiết bị được kết hợp với

phương thức học tập trực tiếp và trực tuyến/kết hợp, hỗ trợ học viên thực hiện nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và Đề án tốt nghiệp. [H7.07.02.01]; [H7.07.02.02]; [H7.07.02.03]; [H7.07.02.04]; [H7.07.02.05]; [H7.07.02.06]

b) Điểm mạnh

- Nguồn lực được xác định theo đặc thù chương trình, tránh đầu tư dàn trải vào các phòng chuyên dụng không cần thiết.

- Các học phần có nội dung phân tích dữ liệu và quản lý số có thể khai thác hạ tầng CNTT dùng chung.

c) Điểm tồn tại

- Cần tiếp tục cập nhật ma trận giữa yêu cầu thực hành của từng học phần và thiết bị/phần mềm tương ứng.

- Cần theo dõi mức độ sử dụng và hiệu quả của các công cụ số trong từng học phần.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng và cập nhật ma trận học phần – hoạt động thực hành – thiết bị/phần mềm; xác định các học phần cần ưu tiên nâng cấp nguồn lực.	Khoa Kinh tế; CNTT; Phòng Đào tạo	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Tối ưu lịch sử dụng phòng máy, thiết bị trình chiếu và nền tảng số; chia sẻ cách khai thác hiệu quả giữa các học phần.	Khoa Kinh tế; CNTT; giảng viên	Hằng học kỳ

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.3. Tiêu chí 7.3 Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin – truyền thông

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường tổ chức hệ thống thư viện và nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, bao gồm tài liệu in, tài liệu điện tử và các nguồn học liệu số. Người học và giảng viên được tiếp cận các nguồn học liệu theo quy định sử dụng thư viện.

Đối với Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, nguồn học liệu được lựa chọn theo từng học phần và trình độ thạc sĩ, gồm giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, bài báo khoa học, báo cáo chuyên ngành, dữ liệu và các nguồn điện tử. Nội dung học liệu gắn với các

lĩnh vực của chương trình như kinh tế học nâng cao, quản trị chiến lược, marketing, tài chính doanh nghiệp, quản trị nhân lực, quản trị rủi ro, phân tích dữ liệu, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Việc cập nhật học liệu được thực hiện theo nhu cầu của CTĐT và yêu cầu của các học phần. Giảng viên lựa chọn, đề xuất và cập nhật tài liệu phù hợp với nội dung giảng dạy; thư viện thực hiện quản lý, cung cấp và hỗ trợ khai thác nguồn học liệu. Hệ thống học liệu số hỗ trợ học viên truy cập tài liệu ngoài thời gian học trên lớp, phục vụ tự học, nghiên cứu khoa học và thực hiện Đề án tốt nghiệp. [H7.07.03.01]; [H7.07.01.03]; [H7.07.03.02]; [H7.07.03.03]; [H7.07.03.04]; [H7.07.03.05]; [H7.07.03.06]; [H7.07.03.07]

Bảng 7.3.1. Một số kết quả khảo sát thư viện cấp cơ sở giáo dục năm 2026

Nội dung đánh giá	Kết quả	Hàm ý đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (khảo sát cấp Trường)
Khảo sát người dùng thư viện	112 người dùng	Nguồn dữ liệu phản hồi cấp cơ sở giáo dục
Mức hài lòng về không gian tự học (Hài lòng + Rất hài lòng)	79,5%	Điều kiện không gian học tập được đánh giá tích cực
Mức hài lòng về hệ thống thư viện số (Hài lòng + Rất hài lòng)	69,7%	Cơ sở tiếp tục phát triển học liệu số và trải nghiệm tra cứu
Mức hài lòng về thư viện điện tử (Hài lòng + Rất hài lòng)	68,8%	Cần tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng nguồn tài liệu điện tử
Giảng viên/nghiên cứu viên truy cập CSDL thường xuyên	98,8%	CSDL trực tuyến có vai trò rõ đối với nghiên cứu và giảng dạy
Giảng viên đánh giá CSDL quốc tế từ "Cần thiết" đến "Rất cần thiết"	100%	Căn cứ ưu tiên phát triển CSDL chuyên ngành và tài liệu quốc tế
Sinh viên sử dụng CSDL thường xuyên	50%	Cần tăng cường hướng dẫn và khuyến khích khai thác CSDL
Sinh viên đánh giá khai thác dữ liệu trực tuyến là quan trọng	98,3%	Phù hợp với định hướng tăng cường năng lực số và tự học

b) Điểm mạnh

- Nguồn học liệu được tổ chức theo nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

- Có khả năng khai thác học liệu điện tử phục vụ học viên cao học.

- Việc cập nhật học liệu có thể thực hiện theo từng học phần và yêu cầu nghiên cứu.

c) Điểm tồn tại

- Cần tiếp tục tăng cường các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và tài liệu quốc tế phục vụ CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

- Cần duy trì thống kê sử dụng học liệu theo học phần để xác định nguồn tài liệu có nhu cầu cao.

d) Kế hoạch hành động

Bảng kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Hằng năm rà soát danh mục học liệu theo từng học phần QTKD; xác định tài liệu thiếu, cũ hoặc có nhu cầu sử dụng cao để bổ sung.	Khoa Kinh tế; Trung tâm Thông tin – Thư viện	Từ NH 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Tăng cường học liệu số, cơ sở dữ liệu quốc tế và hướng dẫn học viên khai thác hiệu quả nguồn tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu.	Trung tâm Thông tin – Thư viện; Khoa Kinh tế	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.4. Tiêu chí 7.4 Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường duy trì hạ tầng công nghệ thông tin, mạng Internet, máy tính và các nền tảng số phục vụ quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Hệ thống được vận hành bởi đơn vị chuyên trách và có cơ chế hỗ trợ kỹ thuật cho người sử dụng.

Đối với Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, hạ tầng số được sử dụng để quản lý đào tạo, cung cấp học liệu, trao đổi học thuật, tổ chức học tập trực tuyến/kết hợp, giao nhận bài tập, trình bày kết quả, xử lý dữ liệu và hỗ trợ thực hiện Đề án tốt nghiệp. Các học phần có nội dung về phân tích định lượng, quản lý số, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo khai thác công cụ công nghệ để tăng cường tính thực hành và khả năng ứng dụng của học viên.

Nhà trường thực hiện bảo trì, cập nhật và hỗ trợ kỹ thuật đối với hạ tầng CNTT. Các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng được tiếp nhận và xử lý thông qua đầu mối hỗ trợ. [H7.07.04.01]; [H7.07.04.02]; [H7.07.04.03]; [H7.07.04.04]

Bảng 7.3. Một số chỉ số theo dõi hạ tầng CNTT phục vụ CTĐT

Chỉ số	Đơn vị tính	Mục đích sử dụng
Hệ thống quản lý học tập/nền tảng số	hệ thống	Khả năng cung cấp học liệu và hoạt động học tập
Học phần sử dụng nền tảng số	học phần	Mức độ tích hợp công nghệ vào dạy học
Học phần có học liệu/hoạt động trên nền tảng số	%	Mức độ bao phủ của học tập số
Yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật	yêu cầu	Khối lượng và loại sự cố
Tỷ lệ yêu cầu được xử lý đúng hạn	%	Hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật
Mức độ hài lòng của người học về CNTT	% hoặc điểm	Căn cứ cải tiến trải nghiệm số

b) Điểm mạnh

- Hạ tầng CNTT được quản lý tập trung, có đầu mối hỗ trợ kỹ thuật.

- Hạ tầng số phù hợp với định hướng tăng cường dữ liệu, công nghệ và học tập kết hợp của chương trình.

c) Điểm tồn tại

- Cần theo dõi riêng các chỉ số về khả năng truy cập, mức độ sử dụng và sự cố của CTĐT QTKD.

- Cần sử dụng thường xuyên hơn phản hồi của học viên để cải tiến trải nghiệm số.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Theo dõi tình trạng LMS, Internet, phòng máy và các yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến CTĐT theo học kỳ; thống kê sự cố và thời gian xử lý.	CNTT; Phòng Đào tạo; Khoa Kinh tế	Theo học kỳ
Phát huy điểm mạnh	Mở rộng khai thác học liệu số, công cụ phân tích dữ liệu và các nền tảng số phù hợp với từng học phần.	Khoa Kinh tế; CNTT; giảng viên	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.5. Tiêu chí 7.5 Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường duy trì môi trường học tập và làm việc bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an ninh, cảnh quan và các tiện ích phục vụ người học. Công tác vệ sinh, bảo vệ, chăm sóc

cảnh quan và quản lý các khu vực sử dụng chung được phân công cho các đơn vị chức năng.

Đối với học viên Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, môi trường học tập được tổ chức phù hợp với đặc điểm người học sau đại học, trong đó chú trọng sự thuận tiện trong tiếp cận phòng học, thư viện, hạ tầng số, không gian trao đổi học thuật và các dịch vụ hỗ trợ. Việc tổ chức học tập phù hợp với đặc điểm học viên vừa học vừa làm góp phần tạo điều kiện để người học duy trì việc học tập, nghiên cứu và công việc nghề nghiệp.

Các phản ánh của người học về điều kiện học tập, môi trường và tiện ích được tiếp nhận thông qua các kênh phản hồi của Nhà trường và được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm xử lý. [H7.07.05.01]; [H7.07.01.04]; [H7.07.05.02]; [H7.07.05.03]

b) Điểm mạnh

Môi trường học tập được quản lý thống nhất.

c) Điểm tồn tại

Việc phân tích riêng phản hồi của học viên Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và theo dõi kết quả xử lý phản ánh để đánh giá mức độ cải thiện sau can thiệp cần tiếp tục được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Phân tích phản hồi của học viên QTKD về môi trường học tập, không gian tự học, học nhóm và các tiện ích; theo dõi nội dung cần cải thiện.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì môi trường học tập an toàn, thuận tiện; tiếp nhận và xử lý phản ánh theo chu kỳ.	Khoa Kinh tế; các đơn vị chức năng	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.6. Tiêu chí 7.6 Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định và triển khai các yêu cầu về vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, an ninh, an toàn sử dụng cơ sở vật chất, chăm sóc sức khỏe và các điều kiện liên quan. Công tác kiểm tra, bảo trì, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường được thực hiện định kỳ; trách nhiệm của các đơn vị được phân công rõ.

Trong tổ chức CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, phòng học, phòng máy, thiết bị và nền tảng số được sử dụng theo yêu cầu an toàn. Các hướng dẫn sử dụng thiết bị và không gian học tập được phổ biến đến người học và giảng viên. Đối với học viên có nhu cầu hỗ trợ đặc thù, Nhà trường và Khoa Kinh tế phối hợp với các đơn vị chức năng xem xét điều kiện tiếp cận cơ sở vật chất, công nghệ và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với từng trường hợp. [H7.07.06.01]; [H7.07.06.02]; [H7.07.06.03]; [H7.07.06.04]

Bảng 7.4. Các nội dung theo dõi về môi trường, sức khỏe và an toàn

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả cần theo dõi
Kiểm tra an toàn/PCCC	đợt/năm	Số đợt và nội dung kiểm tra
Vấn đề phát hiện và đã xử lý	vấn đề	Số lượng, nguyên nhân và kết quả xử lý
Phản ánh về môi trường học tập được xử lý đúng hạn	%	Mức độ đáp ứng
Mức độ hài lòng về môi trường học tập	% hoặc điểm	Phản hồi của người học
Trường hợp hỗ trợ nhu cầu đặc thù	trường hợp	Số trường hợp và phương án hỗ trợ

b) Điểm mạnh

- Có hệ thống quy định và phân công trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn.

- Công tác kiểm tra, bảo trì và phòng cháy chữa cháy được thực hiện định kỳ.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý các vấn đề về môi trường, sức khỏe và an toàn theo từng năm học cần được chuẩn hóa hơn để phục vụ theo dõi và cải tiến.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa việc tổng hợp kết quả kiểm tra an toàn, môi trường và các trường hợp hỗ trợ đặc thù liên quan đến người học QTKD.	Khoa Kinh tế; đơn vị phụ trách cơ sở vật chất; đơn vị công tác người học	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Tăng cường truyền thông về PCCC, an toàn thông tin, vệ sinh, sức khỏe và kỹ năng xử lý tình huống.	Các đơn vị chức năng; Khoa Kinh tế	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.7. Tiêu chí 7.7 Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường tổ chức các nhóm nhân sự hỗ trợ về cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ thông tin, thư viện và hành chính – quản trị tài sản theo chức năng, nhiệm vụ. Nhiệm vụ của từng nhóm được xác định trong hệ thống quy định về tổ chức, vị trí việc làm và phân công công việc.

Năng lực của đội ngũ hỗ trợ được xem xét theo yêu cầu của vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, kỹ năng kỹ thuật, khả năng xử lý sự cố và năng lực phục vụ người sử dụng. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, đội ngũ hỗ trợ trực tiếp bảo đảm vận hành phòng học, thiết bị trình chiếu, mạng, hệ thống quản lý học tập, thư viện và các công cụ số phục vụ đào tạo.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá định kỳ và phản hồi của giảng viên, học viên được sử dụng để xem xét chất lượng hỗ trợ, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hoặc điều chỉnh phân công. [H7.07.07.01]; [H7.07.07.02]; [H7.07.07.03]; [H7.07.07.04]; [H7.07.07.05]; [H7.07.07.06]; [H7.07.07.07]; [H7.07.07.08]

Bảng 7.5. Nhóm đội ngũ hỗ trợ và nội dung năng lực cần theo dõi

Nhóm nhân sự	Nội dung năng lực cần theo dõi
Cơ sở vật chất – hành chính	Quản lý phòng học, thiết bị, tài sản và phối hợp xử lý yêu cầu
Công nghệ thông tin	Vận hành mạng, máy tính, LMS và xử lý sự cố
Thư viện	Hỗ trợ khai thác học liệu, CSDL và dịch vụ thư viện
Hỗ trợ tại Khoa	Phối hợp điều phối phòng, thiết bị và tiếp nhận yêu cầu của người học

b) Điểm mạnh

- Các nhóm đội ngũ hỗ trợ được phân công theo chức năng và nhiệm vụ.

- Năng lực được gắn với vị trí việc làm và yêu cầu công việc.

c) Điểm tồn tại

- Chưa chuẩn hóa đầy đủ các chỉ số về thời gian phản hồi, mức độ hài lòng và chất lượng xử lý yêu cầu đối với từng nhóm dịch vụ hỗ trợ riêng cho CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng bộ chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ cơ sở vật chất, CNTT và thư viện phục vụ CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.	Các đơn vị chức năng; Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Rà soát khung năng lực và tổ chức bồi dưỡng kỹ năng hỗ trợ người học, công nghệ và xử lý sự cố.	Các đơn vị chức năng; Phòng Tổ chức nhân sự	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.8. Tiêu chí 7.8 Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện kiểm kê, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp và đánh giá việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị trên cơ sở tình trạng tài sản, nhu cầu sử dụng, kế hoạch đào tạo và phản hồi của người học, giảng viên.

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, việc đánh giá tập trung vào các nhóm nguồn lực trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng chương trình, gồm phòng học và không gian học tập, thiết bị giảng dạy, phòng máy, thư viện và học liệu, CNTT và nền tảng số, môi trường học tập và các điều kiện an toàn.

Các vấn đề phát hiện qua đánh giá được xem xét để đưa vào kế hoạch bảo trì, sửa chữa, bổ sung hoặc nâng cấp. Kết quả phản hồi của người học và giảng viên được sử dụng cùng với thông tin về tình trạng và mức độ sử dụng cơ sở vật chất để xác định nội dung ưu tiên cải tiến.

Trong giai đoạn tiếp theo, trọng tâm cải tiến là tăng cường học liệu số, hạ tầng CNTT, không gian học tập và khả năng khai thác các nguồn lực phục vụ nghiên cứu ứng dụng và Đề án tốt nghiệp. [H7.07.08.01]; [H7.07.08.02]; [H7.07.08.03]; [H7.07.08.04]; [H7.07.08.05]; [H7.07.08.06]; [H7.07.08.07]

b) Điểm mạnh

- Có hoạt động kiểm kê, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất theo kế hoạch.

- Định hướng phát triển cơ sở vật chất gắn với chuyển đổi số, học liệu số và trải nghiệm học tập.

c) Điểm tồn tại

Cần tăng cường các chỉ số định lượng về chất lượng và mức độ sử dụng cơ sở vật chất phục vụ riêng CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; đồng thời ghi nhận rõ hơn kết quả trước và sau của các hoạt động cải tiến quan trọng.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Thiết lập bộ chỉ số chất lượng cơ sở vật chất phục vụ CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và thực hiện khảo sát định kỳ.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; đơn vị quản lý cơ sở vật chất	Từ NH 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Theo dõi vấn đề – hành động – kết quả theo chu kỳ PDCA và sử dụng kết quả để xây dựng kế hoạch đầu tư, sửa chữa tiếp theo.	Khoa Kinh tế; các đơn vị chức năng	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 7

Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, học liệu, hạ tầng công nghệ thông tin và các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường được tổ chức và quản lý nhằm phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ người học. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, các nguồn lực được khai thác phù hợp với đặc thù đào tạo sau đại học theo định hướng ứng dụng, chú trọng hoạt động thảo luận, phân tích dữ liệu, nghiên cứu ứng dụng, học tập kết hợp và thực hiện Đề án tốt nghiệp.

Nhà trường duy trì cơ chế quản lý, vận hành, bảo trì, đánh giá và cải tiến cơ sở vật chất. Khoa Kinh tế phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc xác định nhu cầu, bố trí nguồn lực và tiếp nhận phản hồi về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất đối với CTĐT. Hệ thống thư viện, học liệu số, Internet, LMS và các nền tảng trực tuyến góp phần hỗ trợ người học, phù hợp với đặc điểm học viên vừa học vừa làm.

Trên cơ sở các nội dung đã mô tả và các minh chứng sử dụng, Tiêu chuẩn 7 gồm 08 tiêu chí, cả 08 tiêu chí được tự đánh giá: Đạt.

8. Tiêu chuẩn 8: đầu ra và kết quả đầu ra

Tiêu chuẩn 8 được thực hiện nhằm đánh giá kết quả đầu ra của người học CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, bao gồm kết quả học tập và tốt nghiệp, việc làm sau tốt nghiệp, hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng tạo, mức độ đạt chuẩn đầu ra và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Nhà trường tổ chức quản lý và cung cấp dữ liệu; Khoa Kinh tế phối hợp theo dõi kết quả của người học CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, phân tích thông tin và sử dụng kết quả để cải tiến chương trình đào tạo.

8.1. Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác lập và quản lý dữ liệu về tuyển sinh, quá trình học tập, thôi học và tốt nghiệp của người học theo quy định đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế phối hợp với Phòng Đào tạo theo dõi số lượng người học theo từng năm, số người học thôi học và số người học được công nhận tốt nghiệp. Theo bảng thống kê số lượng sinh viên trúng tuyển, bỏ học và tốt nghiệp từ tháng 01/2021 đến 30/9/2026, CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh có 29 người học trúng tuyển trong năm 2026; không ghi nhận trường hợp bỏ học và chưa có người học tốt nghiệp trong năm 2026. Tỷ lệ bỏ học của năm 2026 là 0%; tỷ lệ tốt nghiệp chưa xác định do khóa học chưa đến thời điểm tốt nghiệp. Dữ liệu được sử dụng để theo dõi tiến độ, hỗ trợ người học và rà soát kế hoạch đào tạo. [H8.08.01.01]; [H8.08.01.02]; [H8.08.01.03]

Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh, thôi học và tốt nghiệp của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Năm	Số SV trúng tuyển	Số SV bỏ học*	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)
2021–2025	—	—	8	100
2026	25	1 (2,5%)	0	—

b) Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quản lý kết quả học tập và tốt nghiệp; Khoa Kinh tế phối hợp theo dõi riêng CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, đồng thời có dữ liệu tuyển sinh, thôi học và tốt nghiệp được cập nhật đến ngày 30/9/2026.

c) Điểm tồn tại

CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh mới có dữ liệu tuyển sinh của khóa hiện hành trong bảng thống kê đến ngày 30/9/2026, chưa có dữ liệu tốt nghiệp của khóa này để xác định tỷ lệ và thời gian tốt nghiệp trung bình. Dữ liệu theo nhiều khóa về nguyên nhân thôi học hoặc chậm tiến độ chưa hình thành đầy đủ; việc theo dõi các chỉ số này cần tiếp tục được chuẩn hóa khi các khóa học phát sinh dữ liệu đầu ra.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa việc tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình, nguyên nhân thôi học/chậm tiến độ theo từng khóa; sử dụng kết quả phân tích để điều chỉnh hoạt động cảnh báo sớm và hỗ trợ người học.	Phòng Đào tạo; Phòng Công tác sinh viên; Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Từ năm học 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật định kỳ dữ liệu tuyển sinh, thôi học và tốt nghiệp; tiếp tục theo dõi tiến độ theo khóa để kịp thời hỗ trợ người học và cải tiến công tác đào tạo.	Phòng Đào tạo; Phòng Công tác sinh viên; Khoa Kinh tế	Hằng năm

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

8.2. Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường và Khoa Kinh tế thực hiện khảo sát kết quả sau tốt nghiệp để theo dõi tình trạng việc làm của người học CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Theo bảng số liệu việc làm của sinh viên tốt nghiệp, dữ liệu của CTĐT QTKD trình độ thạc sĩ cho thấy tỷ lệ có việc làm đạt 100% trong năm 2022 và 2023; tỷ lệ việc làm đúng chuyên ngành và ngành gần cũng đạt 100% trong cả hai năm. Thu nhập bình quân của người học được khảo sát ở mức trên 10 triệu đồng/tháng trong năm 2022 và 2023. Kết quả này cho thấy người học sau tốt nghiệp duy trì việc làm và có mức độ phù hợp cao giữa việc làm với ngành đào tạo, là cơ sở để tiếp tục rà soát nội dung đào tạo, hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp và kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp. [H8.08.02.01]; [H8.08.02.02]; [H8.08.02.03]

Bảng 8.2. Kết quả việc làm của người học tốt nghiệp CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Năm tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm (%)	Việc làm đúng ngành/ngành gần (%)	Thu nhập bình quân	Ghi chú
2022	100	100	Trên 10 triệu đồng/tháng	
2023	100	100	Trên 10 triệu đồng/tháng	
2024	100	100	Trên 10 triệu đồng/tháng	

b) Điểm mạnh

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ có việc làm và mức độ phù hợp của việc làm với chuyên ngành/ngành gần của người học CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh đạt 100% trong các năm 2022 và 2023; thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng. Đây là thông tin tích cực để chương trình tiếp tục theo dõi và cải tiến theo nhu cầu nghề nghiệp.

Điểm tồn tại: Dữ liệu việc làm hiện có mới phản ánh các năm 2022 và 2023; chưa có dữ liệu cập nhật cho các năm 2024–2026 trong bảng khảo sát đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Việc phân tích sâu về sự thăng tiến, thay đổi vị trí công việc, cải thiện chế độ và thu nhập theo từng khóa chưa được chuẩn hóa thành chuỗi dữ liệu thống nhất.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa phân tích kết quả việc làm theo từng khóa và nhóm người học; theo dõi mức độ phù hợp với ngành đào tạo, sự thăng tiến, thay đổi vị trí công việc, chế độ và thu nhập; sử dụng kết quả để đối sánh và cải tiến CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Công tác sinh viên; đơn vị phụ trách khảo sát cựu người học	Từ năm học 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì khảo sát việc làm sau tốt nghiệp; tiếp tục sử dụng tỷ lệ có việc làm, mức độ phù hợp, thu nhập và thông tin về phát triển nghề nghiệp để theo dõi kết quả đầu ra và cải tiến CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Công tác sinh viên	Hằng năm

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

8.3. Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Nhà trường ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về khoa học – công nghệ, hoạt động nghiên cứu và công nhận sản phẩm khoa học. Khoa Kinh tế duy trì hoạt động nghiên cứu khoa học, công bố học thuật, hội thảo và xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình. Số liệu giai đoạn 2021–2026 ghi nhận 14 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, 52 bài công bố tạp chí, 28 bài công bố hội thảo và 13 đầu sách chuyên khảo, giáo trình, tổng cộng 107 sản phẩm nghiên cứu và công bố. Kết quả này tạo môi trường học thuật và nguồn lực chuyên môn hỗ trợ CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; đồng thời là căn cứ để Khoa tiếp tục tăng cường gắn nghiên cứu với đào tạo, Đề án tốt nghiệp và tạo cơ hội để người học tham gia hoạt động học thuật. [H8.08.03.01]; [H8.08.03.02]; [H8.08.03.03]; [H8.08.03.04]

Bảng 8.3. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố học thuật của Khoa Kinh tế giai đoạn 2021–2026

Năm	Đề tài NCKH các cấp	Bài tạp chí	Bài hội thảo	Sách chuyên khảo/giáo trình	Tổng sản phẩm
2021	1	3	1	1	6
2022	2	5	6	1	14
2023	3	13	1	2	19
2024	5	13	5	6	29
2025	3	8	11	2	24
2026	0	10	4	1	15
Tổng 2021–2026	14	52	28	13	107

b) Điểm mạnh

Nhà trường có cơ chế quản lý và khuyến khích hoạt động khoa học – công nghệ; Khoa Kinh tế duy trì hoạt động nghiên cứu và công bố liên tục trong giai đoạn 2021–2026.

c) Điểm tồn tại

Dữ liệu nghiên cứu khoa học hiện có của Khoa Kinh tế chủ yếu phản ánh kết quả hoạt động của đội ngũ; việc tổng hợp riêng mức độ tham gia của người học CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và mối liên hệ giữa sản phẩm nghiên cứu với học phần, nghiên cứu ứng dụng và Đề án tốt nghiệp cần tiếp tục được chuẩn hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa dữ liệu về sự tham gia của người học CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh trong nghiên cứu khoa học, sản phẩm sáng tạo; tăng cường liên kết kết quả nghiên cứu với học phần, nghiên cứu ứng dụng và Đề án tốt nghiệp để phục vụ cải tiến.	Khoa Kinh tế; Phòng Quản lý khoa học; giảng viên phụ trách hoạt động nghiên cứu	Từ năm học 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì môi trường nghiên cứu, công bố và hội thảo của Khoa Kinh tế; tiếp tục khuyến khích giảng viên và người học tham gia nghiên cứu, tạo sản phẩm học thuật và sáng tạo.	Khoa Kinh tế; Phòng Quản lý khoa học	Hằng năm

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

8.4. Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh xác định 08 chuẩn đầu ra chương trình (PLO), được xây dựng theo định hướng đào tạo trình độ thạc sĩ và được đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 7. Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025 cho thấy các nhóm năng lực về kiến thức chuyên sâu, kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp và ra quyết định, tự chủ và trách nhiệm, nghiên cứu và tư duy chiến lược của CTĐT phù hợp với yêu cầu của bậc 7. Việc phân tích chuẩn đầu ra được thực hiện trên cơ sở đối sánh với Khung trình độ quốc gia, phân tích nội dung chuẩn đầu ra theo cấu trúc năng lực, kết quả khảo sát các bên liên quan và mức độ tương thích với hệ thống đào tạo của Khoa.

Báo cáo phân tích cũng sử dụng kết quả khảo sát học viên giai đoạn 2023–2024 làm một nguồn thông tin để xem xét mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra. Kết quả cho thấy các nhóm kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ và nghiên cứu – tư duy chiến lược được đánh giá tích cực; đồng thời nhận diện kỹ năng mềm, đặc biệt kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm trong môi trường phức tạp, là nội dung cần tiếp tục tăng cường. Kết quả phân tích này được sử dụng làm cơ sở tham khảo cho việc hoàn thiện nội dung và phương pháp đào tạo. Do quá trình đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn và tại thời điểm lập báo cáo năm 2025

chưa có đủ dữ liệu của các khóa thạc sĩ tốt nghiệp, chưa hình thành được chuỗi dữ liệu đầy đủ theo khóa học để đối sánh mức độ đạt PLO tại thời điểm tốt nghiệp. Khi CTĐT được triển khai ổn định, Nhà trường và Khoa Kinh tế tiếp tục xác lập, tổng hợp và giám sát dữ liệu đo lường PLO theo học phần, theo khóa học và tại thời điểm tốt nghiệp, làm cơ sở nhận diện xu hướng và cải tiến CTĐT. [H8.08.04.01]; [H8.08.04.02]; [H8.08.04.03]; [H8.08.04.04]; [H8.08.04.05]

b) Điểm mạnh

CTĐT đã xác lập hệ thống 08 PLO phù hợp với trình độ thạc sĩ và có cơ sở đối sánh với Khung trình độ quốc gia bậc 7. Báo cáo phân tích năm 2025 đã sử dụng nhiều nguồn thông tin để xem xét mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra và nhận diện những năng lực cần tiếp tục tăng cường, đặc biệt là kỹ năng mềm, nghiên cứu và tư duy chiến lược.

Điểm tồn tại

Dữ liệu đo lường trực tiếp mức độ người học đạt từng chuẩn đầu ra tại thời điểm tốt nghiệp và dữ liệu đối sánh theo khóa học chưa được hình thành đầy đủ do quá trình đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn và chưa có đủ dữ liệu tốt nghiệp theo chuỗi thời gian.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa việc tổng hợp và phân tích kết quả đo 08 PLO và các PPC theo từng khóa và từng chu kỳ; theo dõi mức độ cải thiện để làm căn cứ điều chỉnh hoạt động dạy học và đánh giá.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và ĐBCL; Phòng Đào tạo	Từ năm học 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì chu trình đo lường PLO/PPC gắn với CĐR học phần và hoạt động đánh giá; sử dụng kết quả đo lường làm cơ sở theo dõi và cải tiến CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Theo chu kỳ đo lường CĐR

d) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

8.5. Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường có cơ chế thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua khảo sát, đối thoại và các hoạt động lấy ý kiến trực tiếp. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, kết quả khảo sát các bên liên quan được sử dụng cùng với các nguồn thông tin khác để xem xét mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra và định hướng cải tiến chương trình. Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025 đã sử dụng kết quả khảo sát học viên giai đoạn 2023–2024 làm một nguồn thông tin để đánh giá sự phù hợp của chương trình. Kết quả phản hồi cho thấy người học đánh giá tích cực về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ và nghiên cứu – tư duy chiến lược; đồng thời chỉ ra nhu cầu tiếp tục tăng cường kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm trong môi trường phức tạp. Những thông tin này được xem xét trong quá trình rà soát và hoàn thiện CTĐT. Tuy nhiên, do quá trình tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn, số lượng người học chưa ổn định nên việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng đối với CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ, năm học hoặc khóa học. Vì vậy, chưa hình thành được chuỗi dữ liệu liên tục về mức độ hài lòng của các nhóm bên liên quan để thực hiện đối sánh theo thời gian. Nhà trường và Khoa Kinh tế xác định đây là nội dung cần tiếp tục hoàn thiện khi CTĐT được triển khai ổn định. Trong thời gian tới, việc khảo sát mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan sẽ được thực hiện theo định kỳ phù hợp với đặc thù và quy mô của CTĐT; kết quả được tổng hợp, phân tích và sử dụng để nhận diện những nội dung cần cải tiến về chương trình, phương pháp giảng dạy, hoạt động hỗ trợ và mức độ gắn kết với thực tiễn. [H8.08.04.02]; [H8.08.05.01]; [H8.08.05.02]

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã hình thành cơ chế thu thập và sử dụng ý kiến các bên liên quan trong quá trình rà soát CTĐT. Kết quả phân tích năm 2025 đã cung cấp thông tin về mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra và nhận diện một số nội dung cần tiếp tục tăng cường trong đào tạo.

c) Điểm tồn tại

Do quá trình tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn, việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng chưa được thực hiện thường xuyên, chưa hình thành đầy đủ dữ liệu theo chuỗi thời gian và chưa có điều kiện thực hiện đối sánh định kỳ giữa các khóa học.

Tự đánh giá: Đạt.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	**Nội dung hành động**	**Đơn vị/cá nhân phụ trách**	**Thời gian**
Cải tiến điểm tồn tại	Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan theo định kỳ phù hợp với quy mô và đặc thù CTĐT; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu theo khóa học, phân tích kết quả và sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Từ năm học 2026–2027 và thực hiện định kỳ
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng ý kiến của các bên liên quan cùng với kết quả phân tích chuẩn đầu ra làm cơ sở rà soát nội dung, phương pháp giảng dạy và hoạt động hỗ trợ người học.	Khoa Kinh tế; Hội đồng CTĐT	Hằng năm và theo chu kỳ rà soát CTĐT

đ) Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

Kết luận tiêu chuẩn 8

Tiêu chuẩn 8 của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được thực hiện theo hướng xác lập chỉ số, thu thập dữ liệu, giám sát, phân tích và sử dụng kết quả cho cải tiến. Nhà trường và Khoa Kinh tế đã có cơ sở dữ liệu về tuyển sinh, thôi học, tốt nghiệp, việc làm, hoạt động nghiên cứu khoa học và hệ thống chuẩn đầu ra; đồng thời sử dụng kết quả phân tích và phản hồi của các bên liên quan để rà soát, hoàn thiện chương trình.

CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh đã xác lập cơ chế theo dõi kết quả đầu ra và chuẩn đầu ra. Dữ liệu tuyển sinh năm 2026 cho thấy 29 người học trúng tuyển, không ghi nhận trường hợp bỏ học và chưa có người học tốt nghiệp; dữ liệu việc làm của các năm 2022 và 2023 cho thấy tỷ lệ có việc làm và tỷ lệ việc làm đúng ngành/ngành gần đều đạt 100%, thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng. Đối với dữ liệu đạt PLO và mức độ hài lòng của các bên liên quan, do quá trình đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn, dữ liệu theo chuỗi thời gian chưa đầy đủ; Nhà trường và Khoa Kinh tế xác định đây là nội dung cần tiếp tục hoàn thiện khi CTĐT được triển khai ổn định.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 8: Đạt.

Phần III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

Tiêu chuẩn 1 – Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026 được xác định theo định hướng ứng dụng, phù hợp với yêu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ và định hướng phát triển của Trường Đại học Intracom. Hệ thống chuẩn đầu ra gồm 08 PLO, được xây dựng theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 7, có liên kết với PEO, PPC và chuẩn đầu ra học phần. Việc rà soát, cập nhật CTĐT trong năm 2026 đã tăng cường định hướng ứng dụng, quản trị hiện đại, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trách nhiệm xã hội và học tập suốt đời. Đây là những nội dung cần tiếp tục phát huy trong các chu kỳ rà soát tiếp theo.

Tiêu chuẩn 2 – Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo: CTĐT có cấu trúc rõ ràng với 60 tín chỉ, gồm 51 tín chỉ bắt buộc và 09 tín chỉ tự chọn, 24 học phần; các khối kiến thức được tổ chức theo lộ trình phù hợp với trình độ thạc sĩ. CTĐT có Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp, trong đó Đề án tốt nghiệp chiếm 09 tín chỉ, tạo điều kiện để người học vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp. Sự liên kết giữa các học phần với chuẩn đầu ra, tính linh hoạt của các học phần tự chọn và định hướng ứng dụng là những điểm cần tiếp tục phát huy.

Tiêu chuẩn 3 – Hoạt động dạy và học: Hoạt động dạy và học được tổ chức theo định hướng ứng dụng, gắn với triết lý giáo dục và chuẩn đầu ra của chương trình. Các phương pháp dạy học chú trọng phát huy tính chủ động, tự học, tự nghiên cứu và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xử lý dữ liệu, giải quyết vấn đề, mô phỏng, học qua dự án, nghiên cứu thực tế và Đề án tốt nghiệp. Việc kết hợp các phương pháp trực tiếp, trực tuyến, ứng dụng công nghệ số và các nội dung về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và phát triển bền vững là những điểm cần tiếp tục phát huy.

Tiêu chuẩn 4 – Đánh giá kết quả học tập của người học: Nhà trường và Khoa Kinh tế đã hình thành hệ thống quy định, quy trình về kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập. CTĐT sử dụng đa dạng phương pháp và công cụ đánh giá, từng bước gắn đánh giá học phần với chuẩn đầu ra, chú trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và giải quyết vấn đề. Các quy định về đánh giá, phúc khảo, công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp được triển khai trong hệ thống quản lý đào tạo. Tuy nhiên, Tiêu chí 4.5 là tiêu chí điều kiện và

tại thời điểm hoàn thiện báo cáo chưa có đầy đủ dữ liệu đo CLO/PI/PLO cùng bằng chứng sử dụng kết quả đo để cải tiến; vì vậy đây là nội dung cần ưu tiên hoàn thiện trong chu kỳ tiếp theo.

Tiêu chuẩn 5 – Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên: Đội ngũ tham gia CTĐT được quản lý, phân công và phát triển trên cơ sở trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu của từng học phần. Nhà trường có các quy định về tuyển dụng, phân công, đánh giá, đào tạo – bồi dưỡng và phát triển đội ngũ; việc tổ chức thực hiện được gắn với yêu cầu của CTĐT và đặc thù đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng. Đây là điểm mạnh cần tiếp tục phát huy, nhất là trong phát triển đội ngũ theo định hướng quản trị hiện đại, phân tích dữ liệu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và nghiên cứu ứng dụng.

Tiêu chuẩn 6 – Các dịch vụ hỗ trợ người học: Các dịch vụ hỗ trợ được triển khai thông qua sự phối hợp giữa các đơn vị chức năng và Khoa Kinh tế, bao gồm tuyển sinh, nhập học, tư vấn học tập, quản lý tiến độ, thư viện và học liệu số, hỗ trợ nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp, hướng nghiệp và kết nối với thực tiễn. Hình thức hỗ trợ trực tiếp kết hợp trực tuyến phù hợp với đặc điểm người học thạc sĩ vừa học vừa làm. Cơ chế tiếp nhận phản hồi và hỗ trợ người học được duy trì, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 7 – Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và học liệu: Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng máy tính, thư viện, thư viện số, học liệu, hạ tầng công nghệ thông tin và các không gian hỗ trợ phục vụ hoạt động đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, các nguồn lực được khai thác cho thảo luận, phân tích dữ liệu, nghiên cứu ứng dụng, học tập trực tuyến và thực hiện Đề án tốt nghiệp. Hệ thống học liệu số, Internet, LMS và các nền tảng trực tuyến góp phần hỗ trợ người học, phù hợp với đặc điểm học viên vừa học vừa làm. Việc duy trì hạ tầng số, phát triển học liệu và tăng cường lượng hóa mức độ sử dụng nguồn lực là những nội dung cần tiếp tục phát huy.

Tiêu chuẩn 8 – Đầu ra và kết quả đạt được: CTĐT đã xác lập cơ chế theo dõi các kết quả liên quan đến tuyển sinh, thôi học, tốt nghiệp, việc làm, nghiên cứu khoa học và chuẩn đầu ra. Dữ liệu năm 2026 cho thấy 29 người học trúng tuyển, không ghi nhận trường hợp bỏ học và chưa có người học tốt nghiệp; dữ liệu việc làm của các năm 2022 và 2023 cho thấy tỷ lệ có việc làm và tỷ lệ việc làm đúng ngành/ngành gần đều đạt 100%, thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa Kinh tế được duy trì, với 14 đề tài NCKH, 52 bài tạp chí, 28 bài hội thảo và 13 sách chuyên khảo/giáo

trình trong giai đoạn 2021–2026. Các dữ liệu về kết quả đạt PLO và mức độ hài lòng của các bên liên quan cần tiếp tục được hình thành đầy đủ theo chuỗi thời gian.

Nhìn chung, điểm mạnh nổi bật của CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh là sự phù hợp giữa định hướng ứng dụng, mục tiêu và chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, hoạt động dạy và học, đánh giá, đội ngũ, dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất và theo dõi kết quả đầu ra. Chương trình đã có những điều chỉnh rõ nét trong năm 2026 theo hướng tăng cường gắn kết doanh nghiệp, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng và giải quyết các vấn đề quản trị thực tiễn; đồng thời đã xác định được các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện trong các chu kỳ cải tiến.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

Tiêu chuẩn 1: Cần tiếp tục hoàn thiện việc thu thập, tổng hợp và phân tích ý kiến các bên liên quan; chuẩn hóa dữ liệu đo lường PLO/PPC theo học phần, theo khóa và tại thời điểm tốt nghiệp. Đặc biệt, cần hình thành chuỗi dữ liệu trực tiếp về mức độ đạt từng PLO khi người học tốt nghiệp để phục vụ phân tích xu hướng và cải tiến CTĐT.

Tiêu chuẩn 2: Cần tiếp tục theo dõi và lượng hóa tác động của các điều chỉnh CTĐT sau mỗi chu kỳ rà soát, đặc biệt đối với mức độ đáp ứng nhu cầu thực tiễn và thị trường lao động; đồng thời tăng cường sử dụng dữ liệu về lựa chọn học phần, tiến độ học tập và kết quả học tập để đánh giá hiệu quả của cấu trúc chương trình.

Tiêu chuẩn 3: Cần tiếp tục chuẩn hóa việc theo dõi mức độ tham gia học tập chủ động, tự học, tự nghiên cứu, khai thác học liệu số và tương tác trực tuyến; đồng thời hệ thống hóa kết quả của các hoạt động đổi mới phương pháp, nghiên cứu ứng dụng và vận dụng kiến thức thực tiễn để có cơ sở đánh giá hiệu quả và nhân rộng.

Tiêu chuẩn 4: Cần ưu tiên hoàn thiện dữ liệu đo lường CLO/PI/PLO và chuỗi minh chứng từ kết quả đánh giá thực tế đến việc sử dụng kết quả để cải tiến. Đặc biệt, cần hoàn thiện cơ sở để kết luận mức độ đạt chuẩn đầu ra ở cấp CTĐT theo yêu cầu của Tiêu chí 4.5, đồng thời tăng cường phân tích và sử dụng kết quả đánh giá cho cải tiến học phần, phương pháp dạy học và CTĐT.

Tiêu chuẩn 5: Cần tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu đội ngũ và bảng đối chiếu giữa giảng viên – học phần – chuyên môn – kinh nghiệm; tăng cường theo dõi hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng kết quả đánh giá đội ngũ để xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của CTĐT.

Tiêu chuẩn 6: Cần tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu sử dụng dịch vụ hỗ trợ, mức độ hài lòng và kết quả sau hỗ trợ; tăng cường theo dõi các trường hợp cần hỗ trợ về tiến độ học tập, nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp và hướng nghiệp để đánh giá hiệu quả của các dịch vụ đối với người học.

Tiêu chuẩn 7: Cần chuẩn hóa dữ liệu về cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm và học liệu theo CTĐT; tăng cường lượng hóa mức độ sử dụng các nguồn lực và đánh giá tác động của các hoạt động đầu tư, bảo trì, cải tiến đối với hoạt động học tập, nghiên cứu và Đề án tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 8: Dữ liệu theo chuỗi thời gian về tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, kết quả đạt PLO và mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa đầy đủ do quá trình đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn. Cần tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu theo từng khóa, tăng cường phân tích xu hướng và đối sánh; đồng thời theo dõi rõ hơn sự tham gia của người học trong nghiên cứu khoa học và hình thành dữ liệu trực tiếp về kết quả đầu ra khi CTĐT được triển khai ổn định.

Như vậy, các điểm tồn tại chủ yếu tập trung vào việc hoàn thiện chất lượng dữ liệu, tăng chiều sâu phân tích, chuẩn hóa việc theo dõi kết quả và nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin trong vòng cải tiến; riêng Tiêu chí 4.5 cần được ưu tiên hoàn thiện do chưa có đầy đủ dữ liệu và bằng chứng để kết luận đạt. Các nội dung này được đưa vào kế hoạch hành động của CTĐT và không làm thay đổi kết quả tự đánh giá của các tiêu chí đã có đủ cơ sở đánh giá.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

Tiêu chuẩn	Kế hoạch cải tiến chất lượng trọng tâm
Tiêu chuẩn 1	Hoàn thiện khảo sát các bên liên quan; chuẩn hóa dữ liệu đo lường PLO/PPC theo học phần, theo khóa và tại thời điểm tốt nghiệp; tiếp tục sử dụng kết quả đo chuẩn đầu ra và phản hồi để cải tiến CTĐT.
Tiêu chuẩn 2	Theo dõi tác động của các điều chỉnh CTĐT; chuẩn hóa việc phân tích lựa chọn học phần, tiến độ học tập và kết quả học tập; tiếp tục cập nhật nội dung theo yêu cầu thực tiễn, thị trường lao động, chuyển đổi số và phát triển bền vững.
Tiêu chuẩn 3	Rà soát sự thống nhất giữa phương pháp dạy học được thiết kế và triển khai; tăng cường học tập chủ động, tự nghiên cứu, phân tích tình huống, xử lý dữ liệu, học qua dự án và nghiên cứu ứng dụng; chuẩn hóa việc theo dõi kết quả và nhân rộng các phương pháp hiệu quả.

Tiêu chuẩn	Kế hoạch cải tiến chất lượng trọng tâm
Tiêu chuẩn 4	Ưu tiên hoàn thiện dữ liệu CLO/PI/PLO và chuỗi minh chứng sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến; chuẩn hóa công cụ, tiêu chí và dữ liệu đo lường chuẩn đầu ra, đặc biệt đối với Tiêu chí 4.5.
Tiêu chuẩn 5	Chuẩn hóa dữ liệu đội ngũ; duy trì bảng đối chiếu giảng viên – học phần – chuyên môn – kinh nghiệm; sử dụng kết quả đánh giá và kết quả sau bồi dưỡng để điều chỉnh phân công, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.
Tiêu chuẩn 6	Chuẩn hóa dữ liệu về dịch vụ hỗ trợ; tăng cường khảo sát mức độ hài lòng, theo dõi kết quả sau hỗ trợ và các trường hợp cần hỗ trợ; tiếp tục cải tiến tư vấn học tập, nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp và hướng nghiệp.
Tiêu chuẩn 7	Chuẩn hóa dữ liệu cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm và học liệu theo CTĐT; tăng cường học liệu số, nguồn tài nguyên học thuật và đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ đào tạo, nghiên cứu và Đề án tốt nghiệp.
Tiêu chuẩn 8	Chuẩn hóa dữ liệu về tuyển sinh, thôi học, tốt nghiệp, việc làm, NCKH, PLO và phản hồi các bên liên quan; tăng cường phân tích theo khóa và đối sánh; sử dụng kết quả đầu ra và đo chuẩn đầu ra làm căn cứ cải tiến CTĐT khi dữ liệu được hình thành đầy đủ.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

TT	Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Số tiêu chí đạt	Kết quả
1	Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	6	6	Đạt
2	Tiêu chuẩn 2. Cấu trúc và nội dung CTĐT	7	7	Đạt
3	Tiêu chuẩn 3. Hoạt động dạy và học	5	5	Đạt
4	Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập của người học	7	7	Đạt
5	Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	8	8	Đạt
6	Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học	6	6	Đạt
7	Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và học liệu	8	8	Đạt
8	Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đạt được	5	5	Đạt
	Tổng cộng 08 tiêu chuẩn	52	52	Đạt

Kết quả tự đánh giá cho thấy 08/08 tiêu chuẩn đã được xem xét, với 52/52 tiêu chí được tự đánh giá ở mức Đạt. CTĐT có nền tảng về mục tiêu và chuẩn đầu ra, cấu trúc và nội dung chương trình, hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập, đội ngũ, dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất – học liệu và theo dõi kết quả đầu ra. Đồng thời, CTĐT đã xác định các nội dung cần tiếp tục cải tiến và xây dựng kế hoạch hành động tương ứng cho từng tiêu chuẩn.

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh cần tiếp tục hoàn thiện các điều kiện còn thiếu, trước khi có thể kết luận đạt yêu cầu đầy đủ theo Bộ tiêu

chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT. Các kế hoạch cải tiến tiếp tục được triển khai nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trong các chu kỳ tiếp theo.

Hưng Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

Phần IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT: Cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT và CTĐT.

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/09/2026

1.1. Thông tin chung về CSGD

1. Tên CSGD (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Intracom

Tiếng Anh: INTRACOM UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của CSGD:

Tiếng Việt: ĐHI

Tiếng Anh: INU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Chu Văn An

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ:

- Cơ sở 1: Khu Đại học phố Hiến, đường Tô Hiệu, Tp Hưng Yên

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 1900638882.

E-mail: info@Intracom Group .edu.vn Website: https://intracomuni.edu.vn/

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2006 (Theo Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 06 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

8. Thời gian bắt đầu ĐT khóa I: tháng 10/2006

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Tháng 10 năm 2010

10. Loại hình CSGD:

Công lập □ Bán công □ Dân lập □ Tư thục □

1.2. Thông tin chung về CTĐT

1.2.1. Thông tin chung về Khoa Kinh tế

- Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

+ Tiếng Việt: Khoa Kinh tế

Faculty of Economics

- Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Khu đô thị đại học Phố Hiến, Phố Hiến, Hưng Yên

- Số điện thoại liên hệ: 0868625959; Email: ……

- Website: https://intracomuni.edu.vn/khoa-vien/khoa-kinh-te/

- Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): được thành lập theo Quyết định số **2006**, được thành lập theo **Quyết định số 74/QĐ-ĐH CVA-HCTH ngày 16/10/2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An**.

1.2.2. Thông tin chung Ngành ThS Quản trị kinh doanh

- Tên ngành:

+ Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

+ Tiếng Anh: Master of Business Administration

- Mã CTĐT: 8340101

- Thời gian bắt đầu đào tạo khóa đầu tiên của CTĐT: 2013

- Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa đầu tiên của CTĐT: 2015

1.3. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

- Đội ngũ nhân sự: Tính đến 9/2026, tổng số nhân sự của Khoa là 50 nhân sự, trong đó:

+ Giảng viên cơ hữu: 40 giảng viên CH, gồm 10 GV kiêm nhiệm

+ Trợ lý Khoa: 01 trợ lý khoa

1.4. Cán bộ quản lý, giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT (tính đến 09/2026)

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
1.	Đội ngũ hợp đồng dài hạn	30	20	50
2.	Đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (Dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	30	51	81
	Tổng số	60	71	131

1.5. Thống kê, phân loại giảng viên

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	13	1	4	0	8
3	Tiến sĩ	62	1	22	1	38
4	Trình độ khác	0	0	0	0	0
	Tổng số	77	3	27	1	46

Trong đó:

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100%

- Tỷ lệ GV cơ hữu có học hàm PGS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17,24%

1.6. Thống kê số lượng học viên ngành Thạc sĩ Quản trị kinh doanh giai đoạn 2020-2025

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026
Quy mô học viên đang học (người)	8	8	0	0	24
Số học viên nhập học trong năm (người)	0	0	0	0	25

1.7. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Chỉ tiêu	Năm học				
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ % trên tổng số SV					

1.8. Số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp qua các năm

Chỉ tiêu	Năm học				
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Số lượng (người)			8		
Tỷ lệ % trên tổng số SV khóa cuối			100		

1.9. Tỷ lệ việc làm sau khi tốt nghiệp của SV trong 5 năm

Năm	Tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp	Tỷ lệ làm việc đúng chuyên ngành và ngành gần	Thu nhập bình quân hàng tháng của SV (triệu đồng)
2021	-	-	-
2022			
2023	100	100	Trên 10 triệu
2024	100	100	Trên 10 triệu
2025	-	-	-

1.10. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại sách	Năm học				
		2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Sách chuyên khảo	1	1	2	1	
2	Sách tham khảo			1		
3	Sách giáo trình			2	1	
4	Sách hướng dẫn					
Tổng		1	1	5	2	

1.11. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2021-2026

Số lượng sách	Phân loại sách			
	Sách chuyên khảo	Sách tham khảo	Sách giáo trình	Sách hướng dẫn
Từ 1-2 quyển	1	1	1	
Từ 3-4 quyển	2			
Trên 4 quyển				

Số lượng sách	Phân loại sách			
	Sách chuyên khảo	Sách tham khảo	Sách giáo trình	Sách hướng dẫn
Tổng số cán bộ tham gia	3	1	1	

1.12. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Năm	Số lượng đề tài				
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp tỉnh	Đề tài cấp trường	Ghi chú
2021-2022		1			
2022-2023				1	
2023-2024				1	
2024-2025		1		1	
2025-2026					
Tổng		2		3	

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan

2.1. Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Giai đoạn đánh giá 03/9/2021 – 01/8/2026
(kèm theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD, giai đoạn đánh giá: từ 2021 đến 2026.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ được thành lập theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ, Hội đồng gồm có 21 thành viên *(Danh sách kèm theo)*.

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách *(Danh sách kèm theo)*

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ là Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách *(Danh sách kèm theo tại Quyết định số 64/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026)*.

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký:

b) Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT bao gồm: thu thập thông tin minh chứng, tổng hợp cơ sở dữ liệu, viết báo cáo tự đánh giá

STT	Tiêu chuẩn	Thực hiện các công việc do Hội đồng TĐG phân công Nhóm công tác/cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung CTĐT	Nhóm 1	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Phiếu thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng
2	Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập	Nhóm 2	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
3	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 3	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
4	Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học	Nhóm 4	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
5	Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 5	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
6	Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra	Nhóm 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
7	Phần I: Khái quát	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Đặt vấn đề và tổng quan chung
8	Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Mô tả; Điểm mạnh; Điểm tồn tại và Kế hoạch hành động
9	Rà soát và viết báo cáo	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Phiếu tự đánh giá tiêu chí
10	Phần III: Kết luận	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 5 đến	- Tóm tắt những

			tháng 7/2026	điểm mạnh và những điểm cần phát huy. - Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng. - Kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT. Tổng hợp Kết quả TĐG CTĐT.
11	Phần IV: Phụ lục	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 6 đến tháng 7/2026	- Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT. - Các tài liệu liên quan: + Quyết định thành lập HĐ TĐG, Ban thư ký, Nhóm CTCT, Kế hoạch TĐG, bảng biểu, tổng hợp thống kê, ... + Danh mục MC.
12	Tổng hợp thành Báo cáo tự đánh giá hoàn chỉnh	Ban thư ký	Tháng 6- 8/2026	
13	Cập nhật thông tin minh chứng lên cổng thông tin minh chứng Trường đại học Intracom	Ban thư ký	Tháng 6- 8/2026	

V. TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Thời gian: Từ ngày 23/4/2026 đến ngày 12/5/2026

2. Thành phần:

- Người chủ trì: TS. Trần Ái Cầm

- Người thực hiện tập huấn: TS. Trần Ái Cầm

- Người được tập huấn: Tất cả các thành viên Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Hướng dẫn tự đánh giá, viết báo cáo, thu thập thông tin minh chứng TĐG CTĐT theo bộ tiêu chuẩn MOET.

VI. DỰ KIẾN CÁC NGUỒN LỰC (NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH, ...) VÀ THỜI ĐIỂM CẦN HUY ĐỘNG/CUNG CẤP

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động
1	Tiêu chuẩn 1, 2	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Phòng QLĐT-NCKH; - Giảng viên; - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026
2	Tiêu chuẩn 3, 4	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Phòng QLĐT-NCKH; Phòng Khảo thí và ĐBCL - Giảng viên; - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026
3	Tiêu chuẩn 5	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Phòng Tổ chức – Pháp chế - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026

4	Tiêu chuẩn 6, 7	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Văn phòng Trường, Phòng Tuyển sinh và CTSV - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026
4	Tiêu chuẩn 8	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Phòng QLĐT-NCKH, Phòng Tuyển sinh và CTSV - Giảng viên; - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026

VII. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

VIII. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện hoạt động TĐG được cụ thể hoá theo bảng bên dưới:

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 – 2 (từ ngày 4/3-15/3/2026)	1. Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 3 – 4 (từ ngày 16/3 – 29/3/2026)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 5 – 8 (từ ngày 30/3 – 26/4/2026)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 15 (từ ngày 4/5 – 21/6/2026)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 (Từ ngày 22/6-27/6/2026)	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17-18 (từ ngày 29/6 – 4/7/2026)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, … để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 (Từ ngày 6/7 – 25/7/2026)	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, …) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, …. đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 22-23 (từ 27/6 - 8/8/2026)	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 24 (từ 10/8-15/8/2026)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GDĐT. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

***Nơi nhận*:**
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng TĐG (để t/h);
- Các đơn vị hỗ trợ (để t/h);
- Lưu: VT, Khoa, P. KT&ĐBCL

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

2.2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 490/QĐ-ĐHI

Hưng Yên, ngày 24 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

Căn cứ Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Chu Văn An; Quyết định số 2445/QĐ-TTg ngày 05/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Chu Văn An thành Trường Đại học Intracom;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 05/01/2026 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Intracom về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Intracom;

Căn cứ Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-ĐHI ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Intracom, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1 (để thực hiện);
- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để chỉ đạo);
- Lưu VT, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỆN, BỔ SUNG TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số: 490/QĐ-ĐHI ngày 01/09/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ
1	TS. Trần Ái Cầm	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	ThS. Nguyễn Thanh Việt	Chủ tịch HĐT	Ủy viên
3	TS. Nguyễn Quốc Tư	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch
4	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa KT	Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban thư ký
5	PGS.TS. Đinh Văn Hải	Trưởng ngành Thạc sĩ QTKD	Ủy viên
6	ThS. Dương Văn Bá	Phó hiệu trưởng - Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Ủy viên
7	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Ủy viên
8	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
9	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Công tác sinh viên	Ủy viên
10	CN. Lê Huy Hùng	Phó chánh Văn phòng	Ủy viên
11	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Ủy viên
12	TS. Vũ Thị Sao Chi	Phó Giám đốc	Ủy viên

		Trung tâm Thông tin – Thư viện	
13	ThS. Mạc Thị Hằng	Phó trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính	Ủy viên
14	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Phòng Tuyển sinh 1	Ủy viên
15	TS. Nguyễn Quang Trọng	Giảng viên	Ủy viên
16	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hải	Giảng viên	Ủy viên
17	ThS. Hoàng Thị Lý	Trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh	Ủy viên
18	ThS. Lê Xuân Tiến	Học viên lớp K5QTKD01	Ủy viên
19	ThS. Nguyễn Trần Khánh Chi	Trợ lý Khoa Kinh tế	Ủy viên

Danh sách gồm 19 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỆN TOÀN BAN THƯ KÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số: 1090 /QĐ-ĐHI ngày 24 / 09 /2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách	Trưởng ban
2	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Phó trưởng ban
3	TS. Nguyễn Quang Trọng	Giảng viên	Thành viên
4	CN. Lê Huy Hùng	Phó Chánh Văn phòng	Thành viên
5	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
6	CN. Nguyễn Thùy Dung	Phó phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Trần Khánh Chi	Trợ lý Khoa Kinh tế	Thành viên
8	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó phòng Phòng Tuyển sinh 1	Thành viên
9	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
10	CN. Trần Thị Ngọc Anh	Nhân viên phòng Công tác sinh viên	Thành viên
11	CN. Phạm Vũ Phương Thảo	Nhân viên Trung tâm Thông tin – Thư viện	Thành viên

Danh sách gồm 11 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỆN TOÀN THÀNH VIÊN CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số: 490 /QĐ-ĐHI ngày 04/ 03/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo			
1	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách	Nhóm trưởng
2	ThS. Phạm Thanh Nam	Giảng viên	Thư ký
3	TS. Nguyễn Quang Trọng	Giảng viên	Thành viên
4	PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Giảng viên	Thành viên
5	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hải	Giảng viên	Thành viên
6	ThS. Nguyễn Trần Khánh Chi	Trợ lý khoa Kinh tế	Thành viên
Nhóm 2: Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học			
1	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Nhóm trưởng
2	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thư ký
3	ThS. Nguyễn Thị Thu	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
4	ThS. Trần Quốc Bảo	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên

5	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
7	ThS. Trần Văn Hiệp	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập			
1	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nhóm trưởng
2	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thư ký
3	ThS. Trần Văn Hiệp	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Thị Thu	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
6	ThS. Trần Quốc Bảo	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 3: Tiêu chuẩn 5: Độ ngũ giảng viên, nghiên cứu viên			
1	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Nhóm trưởng
2	CN. Nguyễn Thùy Dung	Phó phòng Phòng TC-PC	Thư ký
3	CN. Đỗ Thu Hà	Nhân viên Phòng TC-PC	Thành viên
4	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa Kinh tế	Thành viên
5	PGS.TS. Đinh Văn Hải	Trưởng ngành Thạc sĩ QTKD	Thành viên
Nhóm 4: Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học			

1	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên	Nhóm trưởng
2	CN. Trần Thị Ngọc Anh	Nhân viên Phòng CTSV	Thư ký
3	CN. Nguyễn Thu Trang	Nhân viên Phòng CTSV	Thành viên
4	CN. Lê Phương Thảo	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
Nhóm 5: Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị			
1	CN. Lê Huy Hùng	Phó Chánh Văn phòng	Nhóm trưởng
2	CN. Vũ Thị Việt Lan	Nhân viên Văn phòng	Thư ký
3	ThS. Phạm Ngọc Chương	Nhân viên Văn phòng	Thành viên
4	TS. Vũ Thị Sao Chi	Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên
5	CN. Phạm Vũ Phương Thảo	Nhân viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
Nhóm 6: Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra			
1	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Nhóm trưởng
2	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thư ký
3	ThS. Trần Quốc Bảo	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
4	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa Kinh tế	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên	Thành viên
6	CN. Nguyễn Thu Trang	Nhân viên Phòng CTSV	Thành viên

Danh sách gồm 06 nhóm./.

3. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG.

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo					
Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.					
1	H1.01.01.01	Tài liệu giới thiệu Trường Đại học Intracom		Trường Đại học Intracom	
2	H1.01.01.02	Chiến lược phát triển INU giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn 2045			
3	H1.01.01.03	Đối sánh MBA INU với tầm nhìn, sứ mạng và định hướng chiến lược INU 2026.			
4	H1.01.01.04	Bản mô tả Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026 – mục tiêu chung của CTĐT.	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
5	H1.01.01.05	Bản mô tả Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
6	H1.01.01.06	Bảng đối sánh PEO với tầm nhìn, sứ mạng và định hướng chiến lược INU 2026.			
7	H1.01.01.07	Ma trận PEO–PLO			
8	H1.01.01.08	hồ sơ rà soát, cập nhật và thẩm định CTĐT năm 2026.	25/05/2026	Khoa Kinh tế	
Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.					
9	H1.01.02.01	Đối sánh PLO MBA INU với Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 7.			
10	H1.01.02.02	Ma trận PLO/PPC–học phần–I/P/M–phương pháp đánh giá.			
11	H1.01.02.03	Bản mô tả CTĐT	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
12	H1.01.02.04	các đề cương học phần MBA	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
13	H1.01.02.05	Ma trận PLO/PPC–học phần–I/P/M–phương pháp đánh giá			
14	H1.01.02.06	tài liệu định hướng/triển khai CTĐT.			
Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt.					
15	H1.01.03.01	Đối sánh PLO MBA INU với Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 7			
16	H1.01.03.02	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
17	H1.01.03.03	hồ sơ rà soát, cập nhật và thẩm định CTĐT.	Ngày 25/05/2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.					
18	H1.01.04.01	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026.	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
19	H1.01.04.02	bộ đề cương học phần MBA	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
20	H1.01.04.03	đề cương Chuyên đề thực tập thực tế	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
21	H1.01.04.04	đề cương Đề án tốt nghiệp.	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
22	H1.01.04.05	Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 28/8/2025	Ngày 28/08/2025	Trường Đại học Chu Văn An	
23	H1.01.04.06	hồ sơ rà soát, cập nhật đề cương học phần MBA năm 2026.	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài.					
24	H1.01.05.01	Hồ sơ khảo sát/tham vấn các bên liên quan MBA	Ngày 22/05/2026	Trường Đại học Intracom	
25	H1.01.05.02	biên bản/hồ sơ họp rà soát CTĐT.			
26	H1.01.05.03	Báo cáo phân tích tham vấn các bên liên quan MBA			
27	H1.01.05.04	Ma trận tiếp thu – giải trình – điều chỉnh.			
28	H1.01.05.05	Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 28/8/2025.	Ngày 28/08/2025	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Chu Văn An	
29	H1.01.05.06	Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025	Ngày 28/08/2025	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Chu Văn An	
30	H1.01.05.07	Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục			
31	H1.01.05.08	hồ sơ thẩm định CTĐT ThS QTKD năm 2026.	Báo cáo ngày 23/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 1.6: [Tiêu chí điều kiện]: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.					
32	H1.01.06.01	Đề cương Đề án tốt nghiệp	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
33	H1.01.06.02	hồ sơ/kế hoạch đo lường PLO/PI MBA.			
34	H1.01.06.03	Kế hoạch đo lường PLO/PI MBA			
35	H1.01.06.04	hồ sơ đo lường và báo cáo phân tích kết quả PLO/PI			
36	H1.01.06.05	hồ sơ cải tiến CTĐT.			
Tiêu chuẩn 2. cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo					
Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.					
37	H2.02.01.01	Bản mô tả Thạc sĩ Quản trị kinh doanh 2026 hoàn chỉnh.docx	QĐ số 298/QĐ-ĐHI Ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
38	H2.02.01.02	BC1_ThS_QTKD_TONG_HOP_CAI_TIEN_2026_PUBLIC_READY_FINAL.pdf	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
39	H2.02.01.03	Báo cáo rà soát và cập nhật CTĐT cao học năm 2026 ngày 25.05.2026.pdf	Báo cáo ngày 25/05/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
40	H2.02.01.04	01 BB họp Hội đồng KH&ĐT sửa đổi CTĐT thạc sĩ ngày 28.05.2026.pdf	Biên bản số 01/BB-HĐKHĐT ngày 28/05/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
41	H2.02.01.05	Báo cáo giải trình sau HĐ thẩm định ThS QTKD.pdf	Báo cáo ngày 23/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
42	H2.02.01.06	Bộ đề cương 24 học phần năm 2026,	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
43	H2.02.01.07	00 Quyết định Ban hành các Chương trình đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ của Trường Đại học Intracom năm 2026.pdf	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.					
44	H2.02.02.01	Bộ đề cương 24 học phần và bảng cơ cấu khối lượng học tập của CTĐT MBA 2026.			
Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.					
45	H2.02.03.01	BM03_ThS_QTKD_BCKS các bên liên quan.pdf	Ngày 22/05/2026	Trường Đại học Intracom	
46	H2.02.03.02	BB họp lấy ý kiến CB,GV thông qua CĐR 05.06.2026.pdf	Biên bản ngày 05/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
47	H2.02.03.03	BB họp lấy ý kiến các bên liên quan thông qua CTĐT 19.06.2026.pdf	Biên bản ngày 19/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
48	H2.02.03.04	Hồ sơ tổng hợp, phân tích và tiếp thu ý kiến các bên liên quan trong chu kỳ rà soát CTĐT năm 2026.	Số: 41/BC-KKT Ngày 16/09/2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.					
49	H2.02.04.01	Ma trận CLO–PLO/PPC và bộ đề cương 24 học phần năm 2026.			
Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.					
50	H2.02.05.01	BB lựa chọn CTĐT các trường đại học để thực hiện đối sánh 17.06.2026.pdf	Ngày 17/06/2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
51	H2.02.05.02	DOI_SANH_5_CHIEU_PLO_MBA_INU_TIEU_CHI_1_3_2026(1).docx			
52	H2.02.05.03	Kế hoạch đào tạo và hướng dẫn lộ trình học tập CTĐT MBA 2026.		Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.					
53	H2.02.06.01	Bảng cơ cấu tín chỉ và thời lượng học tập của CTĐT MBA 2026.			
Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.					
54	H2.02.07.01	QĐ44.2026 ban hành danh mục CTĐT và kế hoạch rà soát, xây dựng CTĐT.pdf	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
55	H2.02.07.02	Ma trận theo dõi cải tiến CTĐT MBA			
56	H2.02.07.03	dữ liệu khảo sát người sử dụng lao động, cựu học viên và dữ liệu theo dõi kết quả sau tốt nghiệp.	Số: 38/BC-KKT Ngày 16/09/2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 3. hoạt động dạy và học					
Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.					
57	H3.03.01.01	Bản mô tả Thạc sĩ Quản trị kinh doanh 2026 hoàn chỉnh	QĐ số 298/QĐ-ĐHI Ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
58	H3.03.01.02	INU_Sinh_hoat_dau_khoa_Hoan_thien_noi_dung_va_loi_dan			
59	H3.03.01.03	BM03_ThS_QTKD_BCKS các bên liên quan	Ngày 22/05/2026	Trường Đại học Intracom	
60	H3.03.01.04	Biên bản hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan 2026 (19/06/2026).	Ngày 19/06/2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
61	H3.03.01.05	BM05_Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
62	H3.03.01.06	BM05_Văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
63	H3.03.01.07	BM05_Chuyên đề thực tập thực tế	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
64	H3.03.01.08	Bảng rà soát chuyển tải triết lý giáo dục vào 24 học phần MBA.			
65	H3.03.01.09	Bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá để đạt chuẩn đầu ra CTĐT ThS QTKD 2026			
Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
66	H3.03.02.01	DOI_SANH_5_CHIEU_PLO_MBA_INU_TIEU_CHI_1_3_2026			
67	H3.03.02.02	Hồ sơ 04_PLO_PPC_Học phần_IPM_PPDG_MBA_INU.			
68	H3.03.02.03	BM05_Chuyên đề thực tập thực tế.	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
69	H3.03.02.04	Hồ sơ 04_PLO_PPC_Học phần_IPM_PPDG_MBA_INU			
70	H3.03.02.05	INU_CTDT_18_DE_CUONG_HOC_PHAN_V2.		Trường Đại học Intracom	
71	H3.03.02.06	Hồ sơ tập huấn giảng viên về phương pháp dạy học và kiểm tra – đánh giá theo CĐR			
72	H3.03.02.07	tài liệu hướng dẫn OBE		Trường Đại học Intracom	
73	H3.03.02.08	INU_Slide_huong dan thong tu 04_Nhom 2 (19.5.2026)	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
74	H3.03.02.09	Bảng rà soát 24 học phần theo PLO–CLO/PPC–dạy học–đánh giá.			
Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.					
75	H3.03.03.01	các đề cương học phần MBA 2026.	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
76	H3.03.03.02	Hướng dẫn sử dụng công nghệ số và đào tạo trực tuyến/kết hợp	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
77	H3.03.03.03	Quy định/Hướng dẫn sử dụng AI và liêm chính học thuật			
78	H3.03.03.04	Báo cáo phân tích mức độ tham gia, tự học, học liệu số và học tập trực tuyến/kết hợp của học viên MBA			
79	H3.03.03.05	dữ liệu hoạt động trên hệ thống quản lý học tập.			
Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.					
80	H3.03.04.01	các đề cương học phần MBA 2026	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
81	H3.03.04.02	Bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá để đạt chuẩn đầu ra CTĐT ThS QTKD 2026, hệ sinh thái Intracom			
Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
82	H3.03.05.01	Biên bản HĐ Khoa học & Đào tạo Khoa KT cập nhật/sửa CTĐT (28/05/2026)	Biên bản số 01/BB-HĐKHĐT ngày 28/05/2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
83	H3.03.05.02	Biên bản lấy ý kiến CB/GV CĐR 2026 (05/06/2026)	Biên bản ngày 05/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
84	H3.03.05.03	Biên bản hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan 2026 (19/06/2026)	Biên bản ngày 19/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
85	H3.03.05.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ThS QTKD (18/06/2026)	QĐ ngày 18/06/2026	Trường Đại học Intracom	
86	H3.03.05.05	Báo cáo giải trình sau HĐ thẩm định (23/06/2026).	Ngày 23/06/2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
87	H3.03.05.06	Báo cáo giải trình sau HĐ thẩm định ThS QTKD	Báo cáo ngày 23/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
88	H3.03.05.07	Biên bản HĐ Khoa học & Đào tạo Khoa KT cập nhật/sửa CTĐT (28/05/2026).	Biên bản số 01/BB-HĐKHĐT ngày 28/05/2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
89	H3.03.05.08	BM05_Quản trị dự án đầu tư nâng cao	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
90	H3.03.05.09	Hồ sơ đo lường PLO/PPC MBA.			
91	H3.03.05.10	Báo cáo đo lường PLO/PI MBA			
Tiêu chuẩn 4. đánh giá kết quả học tập					
Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
92	H4.04.01.01	Bản mô tả Ths Quản trị kinh doanh 2026 hoàn chỉnh.docx	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
93	H4.04.01.02	HO_SO_04_PLO_PPC_Hoc_phan_IPM_PPDG_MBA_INU(1).docx			
94	H4.04.01.03	HO_SO_04_PLO_PPC_Hoc_phan_IPM_PPDG_MBA_INU(1).xlsx			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
95	H4.04.01.04	Bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá để đạt chuẩn đầu ra CTĐT ThS QTKD 2026.			
96	H4.04.01.05	Đề cương học phần Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
97	H4.04.01.06	Mô hình hóa định lượng			
98	H4.04.01.07	Quản trị chiến lược nâng cao			
99	H4.04.01.08	Marketing nâng cao			
100	H4.04.01.09	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu			
101	H4.04.01.10	Tư vấn quản trị chiến lược			
102	H4.04.01.11	Lãnh đạo			
103	H4.04.01.12	Chuyên đề thực tập thực tế			
104	H4.04.01.13	Đề án tốt nghiệp			
105	H4.04.01.14	Bộ đề cương học phần MBA 2026	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.					
106	H4.04.02.01	Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường	QĐ số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026 & QĐ số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Trường Đại học Intracom	
107	H4.04.02.02	các quy định của INU về kiểm tra, đánh giá và phúc khảo			
108	H4.04.02.03	Bộ đề cương học phần MBA 2026.	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
109	H4.04.02.04	tài liệu hướng dẫn học viên			
110	H4.04.02.05	thông tin học phần và kế hoạch giảng dạy	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
111	H4.04.02.06	Quy định/quy trình phúc khảo kết quả học tập			
112	H4.04.02.07	hồ sơ tổ chức kiểm tra, thi và xử lý kết quả học tập			
113	H4.04.02.08	các quy định của INU về kiểm tra, đánh giá và phúc khảo.			
Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.					
114	H4.04.03.01	Đề cương học phần Chuyên đề thực tập thực tế	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
115	H4.04.03.02	hồ sơ thực hiện và bảo vệ Đề án tốt nghiệp.			
116	H4.04.03.03	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh 2026	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
117	H4.04.03.04	đề cương Chuyên đề thực tập thực tế	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
118	H4.04.03.05	hồ sơ thực hiện và bảo vệ Đề án tốt nghiệp			
119	H4.04.03.06	tài liệu hướng dẫn học viên.			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
120	H4.04.03.07	hồ sơ kết quả học tập			
121	H4.04.03.08	hồ sơ xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp			
122	H4.04.03.09	hồ sơ Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp.			
Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.					
123	H4.04.04.01	Đề cương Quản trị chiến lược nâng cao	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
124	H4.04.04.02	BM05_Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
125	H4.04.04.03	hồ sơ tiêu chí đánh giá Đề án tốt nghiệp.			
126	H4.04.04.04	Bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá để đạt chuẩn đầu ra CTĐT ThS QTKD 2026			
127	H4.04.04.05	các đề cương học phần MBA 2026	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
128	H4.04.04.06	hồ sơ đánh giá Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp.			
129	H4.04.04.07	hồ sơ rubric/tiêu chí đánh giá các học phần			
Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
130	H4.04.05.01	VCEA_Hướng dẫn đánh giá CTDT(TT04.2025)(2).pdf.			
131	H4.04.05.02	Ma trận PLO–PPC/CLO			
132	H4.04.05.03	đề cương học phần	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
133	H4.04.05.04	hồ sơ Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp			
134	H4.04.05.05	kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra của CTĐT.			
135	H4.04.05.06	Ma trận PLO–PPC–CLO			
136	H4.04.05.07	Bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá để đạt chuẩn đầu ra của CTĐT ThS QTKD 2026			
137	H4.04.05.08	Báo cáo/ sản phẩm Chuyên đề thực tập thực tế			
138	H4.04.05.09	Đề án tốt nghiệp.			
Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.					
139	H4.04.06.01	Đề cương các học phần MBA	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
140	H4.04.06.02	hồ sơ sản phẩm học tập và nhận xét/phản hồi của giảng viên			
141	H4.04.06.03	hồ sơ Đề án tốt nghiệp			
142	H4.04.06.04	HO_SO_04_PLO_PPC_Hoc_phan_IPM_PPDG_MBA_INU(1).xlsx.			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
143	H4.04.06.05	Đề cương các học phần có đánh giá quá trình	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
144	H4.04.06.06	sản phẩm học tập và nhận xét/phản hồi của giảng viên			
145	H4.04.06.07	quy định đánh giá và phúc khảo.			
146	H4.04.06.08	Quy định đánh giá và phúc khảo			
147	H4.04.06.09	thông báo/bảng điểm kết quả học tập			
148	H4.04.06.10	hồ sơ phản hồi học viên			
149	H4.04.06.11	hồ sơ sản phẩm học tập và chỉnh sửa sau phản hồi.			
Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.					
150	H4.04.07.01	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kinh tế cập nhật/sửa CTĐT (28/05/2026)	Biên bản số 01/BB-HĐKHĐT ngày 28/05/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
151	H4.04.07.02	Bản mô tả Ths Quản trị kinh doanh 2026	QĐ số 298/QĐ-ĐHI Ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
152	H4.04.07.03	Biên bản lấy ý kiến CB/GV CĐR 2026 (05/06/2026)	Biên bản ngày 05/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
153	H4.04.07.04	Biên bản hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan 2026 (19/06/2026)	Biên bản ngày 19/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
154	H4.04.07.05	Báo cáo giải trình sau HĐ thẩm định	Báo cáo ngày 23/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
155	H4.04.07.06	BM03_ThS_QTKD_BCKS các bên liên quan.pdf	Ngày 22/05/2026	Trường Đại học Intracom	
156	H4.04.07.07	hồ sơ rà soát đề cương học phần	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
157	H4.04.07.08	hồ sơ cải tiến CTĐT MBA 2026.			
158	H4.04.07.09	Kế hoạch/biên bản rà soát CTĐT	QĐ44.2026 Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
159	H4.04.07.10	hồ sơ cải tiến CTĐT			
160	H4.04.07.11	đề cương học phần phiên bản 2026	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
161	H4.04.07.12	hồ sơ phản hồi của người học và các bên liên quan.	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Phòng QLĐT & CTSV)	
Tiêu chuẩn 5. đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên					
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.					
162	H5.05.01.01	Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Intracom ban hành kèm theo Quyết định số 332/QĐ-ĐHI ngày 10/7/2026			
163	H5.05.01.02	Quy định tuyển dụng cán bộ, giảng viên, nhân viên và người lao động			
164	H5.05.01.03	Quy định chuẩn năng lực giảng viên			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
165	H5.05.01.04	Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên.			
166	H5.05.01.05	Khung định biên đội ngũ giảng viên phục vụ mở CTĐT thạc sĩ năm 2026		Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.					
167	H5.05.02.01	Cơ sở dữ liệu đội ngũ	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
168	H5.05.02.02	Bảng phân công giảng dạy			
169	H5.05.02.03	kế hoạch đào tạo	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
170	H5.05.02.04	hồ sơ phân công hướng dẫn Đề án tốt nghiệp.	Quyết định của Hiệu trưởng	Trường Đại học Intracom (tiền thân ĐH Chu Văn An)	
171	H5.05.02.05	Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Intracom ban hành kèm theo Quyết định số 332/QĐ-ĐHI ngày 10/7/2026.			
172	H5.05.02.06	Quy định chế độ làm việc của giảng viên			
173	H5.05.02.07	hồ sơ/báo cáo thực hiện nhiệm vụ	Ngày 17/06/2026	Trường Đại học Intracom	
174	H5.05.02.08	kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm.			
Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.					
175	H5.05.03.01	Quy định/Quyết định về chuẩn năng lực giảng viên			
176	H5.05.03.02	Đề án vị trí việc làm	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
177	H5.05.03.03	Quy định chế độ làm việc của giảng viên.			
178	H5.05.03.04	Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng giảng viên và người lao động			
179	H5.05.03.05	hồ sơ đánh giá năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ			
180	H5.05.03.06	bảng phân công giảng dạy.			
Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.					
181	H5.05.04.01	đề cương chi tiết học phần	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
182	H5.05.04.02	hồ sơ giảng viên			
183	H5.05.04.03	hồ sơ phân công/hướng dẫn Đề án tốt nghiệp.	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.					
184	H5.05.05.01	Quy định về tuyển dụng, đánh giá, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ			
185	H5.05.05.02	hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ			
186	H5.05.05.03	hồ sơ chuyên môn của giảng viên.			
187	H5.05.05.04	quy định về bổ nhiệm/thăng hạng và quy hoạch			
188	H5.05.05.05	hồ sơ đánh giá, bổ nhiệm/thăng hạng của giảng viên.			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.					
189	H5.05.06.01	Quyết định số 332/QĐ-ĐHI ngày 10/7/2026	QĐ-	Trường Đại học Intracom	
190	H5.05.06.02	biên bản/hồ sơ họp Khoa	Ngày 18/02/2023	Trường Đại học Chu Văn An (INU)	
191	H5.05.06.03	thông báo triển khai nhiệm vụ	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
192	H5.05.06.04	báo cáo đánh giá hằng năm.			
Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.					
193	H5.05.07.01	kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng			
194	H5.05.07.02	kế hoạch phát triển đội ngũ.			
195	H5.05.07.03	Kế hoạch và báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm			
196	H5.05.07.04	hồ sơ tham gia tập huấn, bồi dưỡng			
197	H5.05.07.05	hồ sơ sinh hoạt chuyên môn.			
Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.					
198	H5.05.08.01	phiếu đánh giá giảng viên			
199	H5.05.08.02	hồ sơ dự giờ và đánh giá giảng dạy.			
200	H5.05.08.03	Hồ sơ dự giờ và đánh giá giảng dạy			
201	H5.05.08.04	báo cáo đánh giá hằng năm			
202	H5.05.08.05	Quy định thi đua, khen thưởng			
203	H5.05.08.06	quyết định khen thưởng			
204	H5.05.08.07	phản hồi của học viên			
205	H5.05.08.08	hồ sơ/sản phẩm nghiên cứu khoa học			
206	H5.05.08.09	hồ sơ phân công và kế hoạch bồi dưỡng.			
Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học					
Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của CTĐT; được công bố công khai và được cập nhật.					
207	H6.06.01.01	Thông báo tuyển sinh chương trình đào tạo sau đại học năm 2026–2027	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Hội đồng tuyển sinh)	
208	H6.06.01.02	Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
209	H6.06.01.03	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026.	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
210	H6.06.01.04	Trang thông tin tuyển sinh sau đại học của Trường Đại học Intracom	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Hội đồng tuyển sinh)	
211	H6.06.01.05	Thông báo tuyển sinh chương trình đào tạo sau đại học năm 2026–2027.		Trường Đại học Intracom	
212	H6.06.01.06	Kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2026	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
213	H6.06.01.07	Kế hoạch tổ chức khai giảng Khóa 06	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
214	H6.06.01.08	Phân công nhiệm vụ các đơn vị tham gia công tác tuyển sinh và đào tạo sau đại học.			
215	H6.06.01.09	Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh			
216	H6.06.01.10	Hồ sơ rà soát, cập nhật thông tin tuyển sinh	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Hội đồng tuyển sinh)	
217	H6.06.01.11	Biên bản họp rà soát công tác tuyển sinh			
218	H6.06.01.12	Ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	Biên bản ngày 19/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 6.2: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan					
219	H6.06.02.01	Bản mô tả công việc			
220	H6.06.02.02	Quy định tuyển dụng			
221	H6.06.02.03	Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.			
222	H6.06.02.04	Phân công nhiệm vụ các đơn vị			
223	H6.06.02.05	Bản mô tả công việc của cán bộ, nhân viên liên quan.			
224	H6.06.02.06	Quy định tổ chức đào tạo trực tuyến			
225	H6.06.02.07	Phân công cán bộ hỗ trợ hệ thống học tập trực tuyến			
226	H6.06.02.08	Kế hoạch đào tạo Khóa 06.	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
227	H6.06.02.09	Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm			
228	H6.06.02.10	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng			
229	H6.06.02.11	Phiếu khảo sát ý kiến người học			
230	H6.06.02.12	Báo cáo kết quả khảo sát dịch vụ hỗ trợ.			
Tiêu chí 6.3: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng					
231	H6.06.03.01	Kế hoạch năm học 2026–2027	QĐ số 476/QĐ-ĐHI ngày 18/9/2026	Trường Đại học Intracom	
232	H6.06.03.02	Kế hoạch đào tạo Khóa 06		Trường Đại học Intracom	
233	H6.06.03.03	Tài liệu giới thiệu CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh			
234	H6.06.03.04	Tài liệu hướng dẫn học viên đầu khóa.			
235	H6.06.03.05	Kế hoạch thực hiện Đề án tốt nghiệp			
236	H6.06.03.06	Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
237	H6.06.03.07	Phân công giảng viên hướng dẫn Đề án tốt nghiệp.	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
238	H6.06.03.08	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
239	H6.06.03.09	Thông báo tuyển sinh sau đại học			
240	H6.06.03.10	Quy định đào tạo trực tuyến			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
241	H6.06.03.11	Hệ thống LMS	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
242	H6.06.03.12	Thư viện số.			
243	H6.06.03.13	Kế hoạch năm học 2026–2027.	QĐ số 476/QĐ-ĐHI ngày 18/9/2026	Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 6.4: Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập					
244	H6.06.04.01	Hệ thống quản lý đào tạo		Trường Đại học Intracom	
245	H6.06.04.02	Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ		Trường Đại học Intracom	
246	H6.06.04.03	Quy định phân công quản lý đào tạo sau đại học			
247	H6.06.04.04	Phân công giảng viên và người hướng dẫn Đề án tốt nghiệp.			
248	H6.06.04.05	Trang thông tin đào tạo sau đại học			
249	H6.06.04.06	Hướng dẫn sử dụng hệ thống quản lý đào tạo.			
250	H6.06.04.07	Báo cáo theo dõi tiến độ học tập			
251	H6.06.04.08	Danh sách học viên cần hỗ trợ			
252	H6.06.04.09	Hồ sơ tư vấn học tập			
253	H6.06.04.10	Biên bản rà soát tiến độ học tập.			
Tiêu chí 6.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học					
254	H6.06.05.01	Tài liệu hướng dẫn học viên đầu khóa			
255	H6.06.05.02	Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
256	H6.06.05.03	Quy định thực hiện Đề án tốt nghiệp			
257	H6.06.05.04	Danh sách phân công giảng viên hướng dẫn	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
258	H6.06.05.05	Hồ sơ hướng dẫn học viên.			
259	H6.06.05.06	Kế hoạch hoạt động Trung tâm Thực hành nghề			
260	H6.06.05.07	Kế hoạch hoạt động Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo			
261	H6.06.05.08	Kế hoạch hoạt động Viện Khoa học Công nghệ			
262	H6.06.05.09	Kế hoạch hợp tác doanh nghiệp	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
263	H6.06.05.10	Kế hoạch hướng nghiệp.	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
264	H6.06.05.11	MS Teams.			
265	H6.06.05.12	Tài liệu hướng dẫn học viên			
266	H6.06.05.13	Thư viện số			
267	H6.06.05.14	Trang thông tin hướng nghiệp			
268	H6.06.05.15	Kế hoạch tổ chức khai giảng Khóa 06.	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 6.6: Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng					
269	H6.06.06.01	Quy định khảo sát phản hồi người học			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
270	H6.06.06.02	Kế hoạch khảo sát			
271	H6.06.06.03	Phiếu khảo sát người học			
272	H6.06.06.04	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi người học	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Phòng QLĐT & CTSV)	
273	H6.06.06.05	Biên bản họp rà soát dịch vụ hỗ trợ			
274	H6.06.06.06	Báo cáo cải tiến chất lượng			
275	H6.06.06.07	Báo cáo đánh giá dịch vụ hỗ trợ người học hằng năm			
276	H6.06.06.08	Kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2026–2027	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
277	H6.06.06.09	Hồ sơ rà soát CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.			
Tiêu chuẩn 7. cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị					
Tiêu chí 7.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng					
278	H7.07.01.01	Danh mục phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị			
279	H7.07.01.02	Hồ sơ quản lý và sử dụng giảng đường.			
280	H7.07.01.03	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
281	H7.07.01.04	Kế hoạch đào tạo	QĐ44.2026	Trường Đại học Intracom	
282	H7.07.01.05	Lịch/phân bổ phòng học.			
283	H7.07.01.06	Kế hoạch bảo trì, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất.			
Tiêu chí 7.2: Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên					
284	H7.07.02.01	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
285	H7.07.02.02	Đề cương học phần.	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
286	H7.07.02.03	Danh mục thiết bị/phần mềm sử dụng trong đào tạo.	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
287	H7.07.02.04	Hồ sơ kiểm kê, bảo trì, sửa chữa và cập nhật thiết bị			
288	H7.07.02.05	Hồ sơ quản lý phần mềm và bản quyền	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
289	H7.07.02.06	Hồ sơ tổ chức dạy học và sử dụng nền tảng số.	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 7.3: Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin – truyền thông					
290	H7.07.03.01	Hồ sơ thư viện và hệ thống học liệu của Nhà trường.			
291	H7.07.03.02	Đề cương học phần	Dự thảo (Năm 2026)	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
292	H7.07.03.03	Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu tham khảo.			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
293	H7.07.03.04	Quy định/hướng dẫn sử dụng thư viện và thư viện số			
294	H7.07.03.05	Danh mục học liệu điện tử và tài liệu tham khảo			
295	H7.07.03.06	Dữ liệu khai thác học liệu	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
296	H7.07.03.07	Ý kiến phản hồi của học viên và giảng viên.	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Phòng Tổ chức - Hành chính)	
Tiêu chí 7.4: Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính					
297	H7.07.04.01	Hồ sơ quản lý hạ tầng CNTT, Internet, Wi-Fi và LMS của Nhà trường.			
298	H7.07.04.02	Hồ sơ vận hành LMS/hệ thống quản lý đào tạo			
299	H7.07.04.03	Thống kê hỗ trợ kỹ thuật và xử lý sự cố			
300	H7.07.04.04	Quy định sử dụng hệ thống CNTT và hướng dẫn người dùng.			
Tiêu chí 7.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học					
301	H7.07.05.01	Hồ sơ quản lý vệ sinh, an ninh và cảnh quan.			
302	H7.07.05.02	Thời khóa biểu			
303	H7.07.05.03	Hồ sơ khảo sát người học về cơ sở vật chất, môi trường học tập và dịch vụ hỗ trợ.			
Tiêu chí 7.6: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có)					
304	H7.07.06.01	Quy định và hồ sơ về phòng cháy chữa cháy, an toàn, vệ sinh môi trường và chăm sóc sức khỏe			
305	H7.07.06.02	Biên bản kiểm tra và bảo trì.			
306	H7.07.06.03	Hồ sơ kiểm tra, bảo trì và xử lý các vấn đề an toàn			
307	H7.07.06.04	Hướng dẫn sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị.			
Tiêu chí 7.7: Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan					
308	H7.07.07.01	Quy định tổ chức, chức năng nhiệm vụ và vị trí việc làm của các đơn vị liên quan			
309	H7.07.07.02	Bảng phân công nhiệm vụ.			
310	H7.07.07.03	Hồ sơ phân công nhiệm vụ			
311	H7.07.07.04	Hồ sơ đánh giá viên chức/người lao động			
312	H7.07.07.05	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.			
313	H7.07.07.06	Hồ sơ hỗ trợ kỹ thuật, thư viện và cơ sở vật chất			
314	H7.07.07.07	Phiếu khảo sát phản hồi			
315	H7.07.07.08	Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hỗ trợ.			
Tiêu chí 7.8: Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến					
316	H7.07.08.01	Kế hoạch đầu tư, sửa chữa, bảo trì và nâng cấp cơ sở vật chất			
317	H7.07.08.02	Hồ sơ kiểm kê và bảo trì.			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
318	H7.07.08.03	Kế hoạch đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
319	H7.07.08.04	Báo cáo sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị.			
320	H7.07.08.05	Kết quả khảo sát phản hồi			
321	H7.07.08.06	Biên bản rà soát nhu cầu			
322	H7.07.08.07	Hồ sơ sửa chữa, nâng cấp và nghiệm thu			
Tiêu chuẩn 8. đầu ra và kết quả đầu ra					
Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.					
323	H8.08.01.01	dữ liệu quản lý người học	https://giangvien.intracomuni.edu.vn/login.html	Trường Đại học Intracom	
324	H8.08.01.02	quyết định công nhận tốt nghiệp	Tập quyết định	Trường Đại học Intracom	
325	H8.08.01.03	bảng thống kê số lượng người học trúng tuyển, bỏ học và tốt nghiệp từ tháng 01/2021 đến 30/9/2026.			
Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.					
326	H8.08.02.01	Quy trình khảo sát việc làm người học tốt nghiệp			
327	H8.08.02.02	cơ sở dữ liệu việc làm và cựu người học			
328	H8.08.02.03	bảng số liệu việc làm của người học tốt nghiệp.			
Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.					
329	H8.08.03.01	cơ sở dữ liệu đề tài và công bố			
330	H8.08.03.02	danh mục sản phẩm nghiên cứu, sáng tạo và hồ sơ xuất bản			
331	H8.08.03.03	Số liệu NCKH Khoa Kinh tế giai đoạn 2021–2026	Bảng thống kê kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố học thuật khoa kinh tế (giai đoạn 2021 – 2026) ngày 09 tháng 09 năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Chu Văn An	
332	H8.08.03.04	hồ sơ hội thảo và hoạt động học thuật của Khoa.	Tập biên bản	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Chu Văn An	
Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.					
333	H8.08.04.01	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh năm 2026	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	
334	H8.08.04.02	Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025	Ngày 28/08/2025	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Chu Văn An	
335	H8.08.04.03	Ma trận PLO/PPC – CĐR học phần – I/P/M – đánh giá	QĐ số 298/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường Đại học Intracom	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
336	H8.08.04.04	kế hoạch và báo cáo đo lường chuẩn đầu ra			
337	H8.08.04.05	hồ sơ rà soát, cải tiến CTĐT.			
Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.					
338	H8.08.05.01	Quy định thu thập và xử lý thông tin phản hồi các bên liên quan	QĐ số 225.Q ngày 28.5.2026	Trường Đại học Intracom	
339	H8.08.05.02	kế hoạch và phiếu khảo sát.	61/KH-ĐHI ngày 11 tháng 3 năm 2026	Trường Đại học Intracom	

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên CTĐT: Quản trị kinh doanh trình độ thạc sỹ

Mã CTĐT: 8340101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
	K	Đ	Số tiêu chí K	Tỷ lệ số tiêu chí K (%)	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ (%)
Tiêu chuẩn 1			0	0%	6	100%
Tiêu chí 1.1		x				
Tiêu chí 1.2		x				
Tiêu chí 1.3		x				
Tiêu chí 1.4		x				
Tiêu chí 1.5		x				
Tiêu chí 1.6		x				
Tiêu chuẩn 2			0	0%	7	100%
Tiêu chí 2.1		x				
Tiêu chí 2.2		x				
Tiêu chí 2.3		x				
Tiêu chí 2.4		x				
Tiêu chí 2.5		x				
Tiêu chí 2.6		x				
Tiêu chí 2.7		x				
Tiêu chuẩn 3			0	0%	5	100%
Tiêu chí 3.1		x				
Tiêu chí 3.2		x				
Tiêu chí 3.3		x				
Tiêu chí 3.4		x				
Tiêu chí 3.5		x				
Tiêu chuẩn 4			0	0%	7	100%
Tiêu chí 4.1		x				
Tiêu chí 4.2		x				
Tiêu chí 4.3		x				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
	K	Đ	Số tiêu chí K	Tỷ lệ số tiêu chí K (%)	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ (%)
Tiêu chí 4.4		x				
Tiêu chí 4.5		x				
Tiêu chí 4.6		x				
Tiêu chí 4.7		x				
Tiêu chuẩn 5			0	0%	8	100%
Tiêu chí 5.1		x				
Tiêu chí 5.2		x				
Tiêu chí 5.3		x				
Tiêu chí 5.4		x				
Tiêu chí 5.5		x				
Tiêu chí 5.6		x				
Tiêu chí 5.7		x				
Tiêu chí 5.8		x				
Tiêu chuẩn 6			0	0%	6	100%
Tiêu chí 6.1		x				
Tiêu chí 6.2		x				
Tiêu chí 6.3		x				
Tiêu chí 6.4		x				
Tiêu chí 6.5		x				
Tiêu chí 6.6		x				
Tiêu chuẩn 7			0	0%	8	100%
Tiêu chí 7.1		x				
Tiêu chí 7.2		x				
Tiêu chí 7.3		x				
Tiêu chí 7.4		x				
Tiêu chí 7.5		x				
Tiêu chí 7.6		x				
Tiêu chí 7.7		x				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
	K	Đ	Số tiêu chí K	Tỷ lệ số tiêu chí K (%)	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ (%)
Tiêu chí 7.8		x				
Tiêu chuẩn 8			0	0%	5	100%
Tiêu chí 8.1		x				
Tiêu chí 8.2		x				
Tiêu chí 8.3		x				
Tiêu chí 8.4		x				
Tiêu chí 8.5		x				

* *Ghi chú:* - Tích (X) vào mức đánh giá cho từng tiêu chí.

- Không đạt: K; Đạt: Đ;

Tự đánh giá CTĐT: CTĐT có 100% tiêu chí Đạt